



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- a. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.
- b. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100244112 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 19 tháng 06 năm 2026.
- c. Vốn điều lệ: 2.329.546.080.000 VND
- d. Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 4.148.269.416.582 VND
- e. Địa chỉ: CMC Tower, Số 11 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- f. Số điện thoại: 024.37958668
- g. Số fax: 024.37958989
- h. Website: www.cmc.com.vn
- i. Mã cổ phiếu: CMG
- j. Tầm nhìn & sứ mệnh: Với khát khao và đam mê, CMC phấn đấu trở thành Tập đoàn chuyển đổi số, chuyển đổi AI hàng đầu thế giới. Dẫn đầu các làn sóng công nghệ mới, nỗ lực phát triển sản phẩm, dịch vụ, giải pháp đẳng cấp thế giới, mang lại những giá trị vượt trội cho khách hàng, CMC khát khao đóng góp cho công cuộc phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên số, xây dựng đất nước hùng cường.
- k. Giá trị cốt lõi: 4C (Creativity, C-Speed, Commitment, Customer Centricity)
Mọi hành động của người CMC đều xuất phát từ trái tim Hướng Khách Hàng (Customer Centricity). Bằng khát khao và đam mê Sáng Tạo (Creativity) không ngừng nghỉ, người CMC quyết tâm vươn tới tốc độ nhanh nhất, Tốc Độ Ánh Sáng (C-Speed), trong cả tư duy và hành động để truyền cảm hứng và thực hiện tốt những Cam Kết (Commitment) của mình.
- l. Slogan: Aspire to Inspire the Digital World – Khát khao chinh phục thế giới số.
- m. Quá trình hình thành và phát triển:

Thời gian	Nội dung sự kiện chi tiết
1993	Thành lập Công ty TNHH HT&NT – tiền thân của CMC.
1996	• Thành lập Trung tâm Tích hợp Hệ thống (tiền thân của CMC SI). • Thành lập Trung tâm Giải pháp Phần mềm (tiền thân của CMC Soft).
1999	Thành lập Công ty Máy tính CMC (CMS) - Doanh nghiệp đầu tiên sản xuất máy tính thương hiệu Việt Nam.
2005	CMC được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba lần thứ 1.

2007	• Chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC. • Thành lập Công ty TNHH Phân phối CMC (CMC Distribution) & Công ty CP Dịch vụ Viễn thông CMC (CMC Telecom).
2008	• Thành lập Công ty CP An ninh An toàn Thông tin CMC (sau đổi tên thành CMC Infosec, nay là CMC Cyber Security). • Thành lập Liên doanh CMC SE với Segmenta - Đan Mạch (sau là CMC Ciber, hiện tại là CMC Consulting). • Thành lập Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI).
2010	• Chính thức niêm yết cổ phiếu CMG tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM. • Trở thành nhà đầu tư chiến lược duy nhất của NetNam với việc nắm giữ 43,8% cổ phần. • CMC vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì.
2011	Thành lập Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn (CMC SISG).
2012	Sáp nhập Công ty CP Dịch vụ Viễn thông CMC (CMC Telecom) và Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI) thành Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC Telecom).
2013	CMC Software được vinh danh trong TOP 20 Thương hiệu nổi tiếng ASEAN.
2014	Thành lập Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC (CIST), nay đã đổi tên thành CMC ATI.
2015	• CMC Telecom ký kết thỏa thuận Đầu tư chiến lược với Tập đoàn TIME dotCom Berhad (Malaysia). • Tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế về phòng chống mã độc toàn cầu AVAR 2015.
2016	CMC Telecom đạt danh hiệu Top 25 Doanh nghiệp Viễn thông triển vọng do APAC CIO Outlook bình chọn.
2017	• Ông Nguyễn Trung Chính - Chủ tịch Tập đoàn cùng CMC Telecom nằm trong Top 10 nhân vật và Top 5 doanh nghiệp có ảnh hưởng đến sự phát triển của Internet Việt Nam. • Công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới cùng chiến lược phát triển đến năm 2020. • Ra mắt Trung tâm Sáng tạo CMC, Quỹ Đầu tư Sáng tạo CMC, dự án CMC Lab • Công bố chiến lược "Go Global": thành lập CMC Global và khai trương CMC Japan tại TP. Yokohama, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản. • CMC Telecom khai trương tuyến cáp xuyên Đông Nam Á CVCS, vận hành Trung tâm Dữ liệu thứ 3 và ra mắt Trung tâm giám sát ATTT thế hệ mới CMC NextGen SOC.
2018	• CMC đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba lần thứ 2. • Ký kết hợp tác chiến lược với Samsung SDS về triển khai giải pháp quản lý và điều hành nhà máy thông minh. • Ký kết hợp tác chiến lược với Approxima (Đan Mạch), đẩy mạnh cung cấp các giải pháp phần mềm SAP tại thị trường Châu Âu.

2019	• Công bố Hệ sinh thái hạ tầng mở cho Doanh nghiệp & Tổ chức C.OPE2N. • Thành lập Tổng Công ty Công nghệ & Giải pháp CMC (CMC TS) trên cơ sở tái cấu trúc các đơn vị: CMC SI, CMC Soft, CMC SI SG • Đổi tên CMC Infosec thành CMC Cyber Security. • Ký kết hợp tác đầu tư chiến lược với Samsung SDS nhằm phát triển và cung cấp dịch vụ sản phẩm ra thị trường toàn cầu. • CMC lọt danh sách một trong những công ty có môi trường làm việc tốt nhất Châu Á năm 2020 do HR ASIA bình chọn.
2021	• Phần mềm diệt virus CMDD được chứng nhận quốc tế VB100 (1 trong 3 chứng chỉ uy tín nhất thế giới về chất lượng phát hiện và tiêu diệt mã độc). • CMC Telecom trở thành Advanced Consulting Partner của AWS và Đối tác dịch vụ Google Cloud Platform cao cấp toàn cầu. • CMC lọt vào Top 5 Doanh nghiệp CNTT - Viễn thông uy tín giai đoạn 2018 - 2020 theo đánh giá của Vietnam Report.
2022	• Thành lập Trường Đại học CMC, chính thức mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực Giáo dục. • Đưa Tổ hợp văn phòng thông minh CCS và Data Center Tier 3 (Thiết kế & Xây dựng) hiện đại, an toàn nhất Việt Nam đi vào hoạt động tại KCX Tân Thuận, Q.7, TP.HCM. • Giải pháp CMC Cloud và Hợp đồng điện tử C-Contract được Bộ Thông tin và Truyền thông vinh danh trong Top 10 Giải pháp số xuất sắc Make in Vietnam 2021.
2023	• Chủ tịch CMC được vinh danh trong "Top 10 Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2022". • Bộ trưởng Bộ TT&TT trao tặng bằng khen cho 5 tập thể và 5 cá nhân toàn Tập đoàn vì đã có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành TT&TT Việt Nam. • Giải pháp CIVAMS do Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ CMC phát triển được vinh danh là giải pháp đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023. • Chủ tịch Tập đoàn Nguyễn Trung Chính trúng cử Phó chủ tịch Hiệp hội An ninh mạng quốc gia, nhiệm kỳ 2023 – 2028. • Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các đóng góp đối với ngành Thông tin Truyền thông sau hành trình 30 năm phát triển. • Trường Đại học CMC thu hút gần 1.000 thí sinh trúng tuyển và nhập học khoá 2, ghi nhận mức tăng trưởng gần 290% so với năm 2022.

2024	• Tháng 1: Ban Truyền thông Tập đoàn CMC nhận 02 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ TT&TT cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động TT&TT quốc gia. • Tháng 2: CMC Telecom là đối tác Premier đầu tiên của Google tại Việt Nam đạt chứng nhận DevOps Specialization cho dịch vụ Google Cloud; được công nhận danh hiệu “Google Cloud Infrastructure Specialization”. • Tháng 3: CMC Global được tổ chức toàn cầu Great Place To Work® chứng nhận là "Nơi làm việc xuất sắc". • Tháng 5: Ra mắt pháp nhân CMC Korea tại Seoul, Hàn Quốc, đánh dấu bước tiến mới trong chiến lược Go Global. • Tháng 9: Chính thức công bố Chiến lược Chuyển đổi AI (AI-X) toàn diện hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu suất hoạt động sản xuất kinh doanh. Công bố chiến lược AI-X tại thị trường Nhật Bản, gia nhập Liên đoàn các tổ chức kinh tế Nhật Bản (KEIDANREN) và mở Văn phòng đại diện CMC Japan thứ 3 tại Tokyo. • Tháng 11: Đồng sáng lập C4IR Vietnam – Trung tâm Cách mạng Công nghiệp 4.0 thứ 2 tại Đông Nam Á và thứ 19 trên toàn thế giới của WEF. • Tháng 12: Global Business Outlook ghi danh CMC ở hạng mục Sáng kiến Chuyển đổi AI sáng tạo nhất 2024.
2025	• Tháng 1: Được giao 2 nhiệm vụ Quốc gia: Nền tảng điện toán đám mây thuần Việt CMC Cloud và Hệ sinh thái mở C.OpenAI (nền tảng tri thức Việt AI). Trợ lý ảo CMC Legislation System (CLS) nhận giải thưởng Sản phẩm số có Ý tưởng sáng tạo đặc biệt tại Make in Vietnam 2024, và CMC Cloud lọt Top 10 sản phẩm số Make in Vietnam xuất sắc giai đoạn 2018 – 2024. Công bố sáng kiến Chuyển đổi AI (AI-X) tại Diễn đàn kinh tế thế giới WEF 2025 Davos, Thụy Sĩ. • Tháng 2: CMC TS nhận giải thưởng Đối tác tăng trưởng lớn nhất Việt Nam của Samsung và Đối tác xuất sắc nhất 2024 của HPE. CMC Telecom nhận giải thưởng Sáng kiến An ninh mạng của năm tại Asian Telecom Awards 2025, Singapore. • Tháng 3: CMC Telecom trở thành doanh nghiệp viễn thông đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng chỉ kỹ thuật MEF SD-WAN 3.0. • Tháng 5: Hệ sinh thái mở C.OpenAI đóng góp 5 sản phẩm cốt lõi trên Cổng thông tin Nghị quyết 57 của Bộ KH&CN (gồm: CLS, CMC Cloud, CIVAMS, C-Notary, C-Contract). • Tháng 6: Khởi công Tổ hợp Không gian Sáng tạo CMC (CCS Hà Nội) với quy mô kỳ vọng quy tụ 5.000 kỹ sư công nghệ, vận hành hệ sinh thái AI mở của Việt Nam.
2026	• Tháng 1: + Đội “Vươn Mình” (Bứt phá vươn lên) của CMC ATI & C-OpenAI giành Giải Nhì tại cuộc thi “AI Thực chiến” (AI ứng dụng thực tiễn) với giải pháp trợ lý khảo thí AI, ghi dấu “Make in Vietnam” cho bài toán giáo dục.

+ CMC Global - NTT DATA - NTT DATA Vietnam ký thỏa thuận tại Tokyo, tăng cường ứng nhân lực CNTT chất lượng cao cho thị trường Nhật Bản và mở rộng hợp tác các công nghệ mới như AI.

• **Tháng 2:** CMC cùng Tp. Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội đồng sáng lập Công ty Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội (HIC), tạo cơ hội giúp khách hàng/đối tác tiếp cận nhanh nguồn lực R&D và năng lực triển khai, đẩy nhanh thương mại hóa giải pháp ra thị trường.

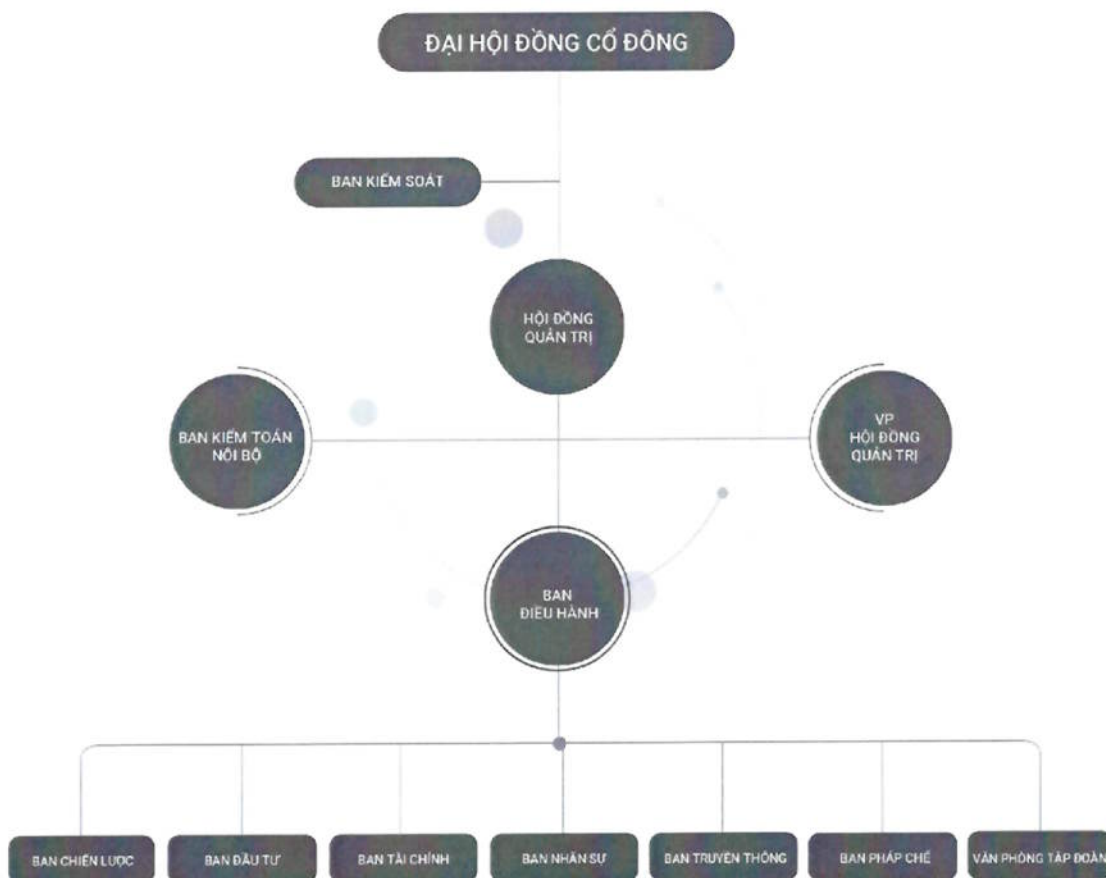
❖ **Địa bàn kinh doanh:** Trải khắp toàn bộ 34 tỉnh, thành tại Việt Nam và mạng lưới hơn 30 thị trường trên toàn cầu.

2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

2.1. Mô hình quản trị:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



a. Cơ cấu quản lý theo các khối kinh doanh gồm:

- (i) Khối Hạ Tầng số:
 - Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC Telecom)
 - Công ty Cổ phần NetNam (NETNAM)
 - Công ty TNHH Hạ tầng số CMC (CMC ADI)
- (ii) Khối Công nghệ & Giải pháp:
 - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (CMC TS)
 - Công ty TNHH CMC Consulting
 - Công ty TNHH An ninh An toàn thông tin (CMC CS)
- (iii) Khối Công nghệ mới - Công nghệ chiến lược:
 - Công ty Cổ phần CMC OpenAI (C-OpenAI)
 - Viện nghiên cứu ứng dụng công nghệ CMC (CMC ATI)
- (iv) Khối Kinh doanh toàn cầu:
 - Công ty TNHH CMC Global (bao gồm: CMC Japan, CMC-APAC, CMC Korea, CMC MALAY, CMC North America, CMC Deutschland)
- (v) Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực:
 - Công ty TNHH CMC Education (CMC Education)
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (CMC Uni)
 - Trường Đại học CMC (CMC University)
- (vi) Khối khác:
 - Công ty TNHH CMC Investment (CMC Invest)
 - Công ty TNHH CMC Đà Nẵng (CMC Da Nang)
 - Công ty TNHH CMC Hòa Lạc (CMC Hoa Lac)
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (Tp. Hà Nội)

b. Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	CMC TS	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Giải pháp Công nghệ thông tin	100%
2	Công ty TNHH CMC Consulting	CMC Consulting	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%

STT	Tên Công ty	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
3	Công ty TNHH An ninh an toàn Thông tin CMC	CMC CS	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%
4	Công ty TNHH CMC Global	CMC Global	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Xuất bản phần mềm	100%
Các công ty con của Công ty TNHH CMC Global (CMC Global) bao gồm:					
	Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương	CMC-APAC	Singapore	Dịch vụ phần mềm	CMC Global sở hữu 100% vốn góp
	Công ty Cổ phần CMC Japan	CMC Japan	Yokohama, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	CMC Global sở hữu 100% vốn góp
	Công ty TNHH CMC Korea	CMC Korea	Jung-gu, Seoul, Hàn Quốc	Dịch vụ phần mềm	CMC Global sở hữu 100% vốn góp
	Công ty TNHH CMC Malay	CMC Malay	Kuala Lumpur, Malaysia	Dịch vụ phần mềm	CMC Global sở hữu 100% vốn góp
	Công ty TNHH CMC North America	CMC North America	251 Little Falls Drive, Wilmington, Delaware 19808, Mỹ	Dịch vụ phần mềm	CMC Global sở hữu 100% vốn góp
	Công ty TNHH CMC Deutschland	CMC Deutschland	Theodor-Heuss-Allee 112, 60486 Frankfurt am Main, Cộng hòa Liên bang Đức	Dịch vụ phần mềm	CMC Global sở hữu 100% vốn góp
5	Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	CMC Telecom	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Viễn thông - Internet	54,628%

STT	Tên Công ty	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
6	Công ty Cổ phần NetNam	NETNAM	Tầng 2, tòa HITEC số 239 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, Hà Nội	Viễn thông – Internet	41,14%
7	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ CMC	CMC ATI	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Công nghệ thông tin và viễn thông (ICT)	100%
8	Công ty TNHH CMC Investment	CMC Invest	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Đầu tư	100%
9	Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	CMC Da Nang	Enouvo Space 2, số 16, 18 An Nhơn 3, phường An Hải, Đà Nẵng	Xuất bản phần mềm	100%
10	Công ty TNHH CMC Hòa Lạc	CMC Hoa Lac	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	100%
11	Công ty TNHH CMC Education	CMC Education	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Giáo dục	100%

Công ty con của Công ty TNHH CMC Education gồm:

	<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC</i>	<i>CMC Uni</i>	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	<i>Đào tạo Đại học</i>	<i>CMC Education sở hữu 80,8% vốn góp</i>
	<i>Trường Đại học CMC</i>	<i>CMC University</i>	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	<i>Đào tạo Đại học</i>	<i>CTCP Đầu tư Đại học CMC sở hữu 92,1% vốn góp</i>
12	Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	CMC ADI	Lô Vb 27-28-29, khu công nghiệp trong Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP.HCM	Hạ tầng số	100%

STT	Tên Công ty	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con của Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI gồm:					
	Công ty Cổ phần CMC OpenAI	C-OpenAI	CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Xuất bản phần mềm	Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI sở hữu 99% vốn góp

3. Định hướng phát triển:

3.1. Mục tiêu vị thế Tập đoàn tới năm 2030:

Hướng tới trở thành tập đoàn công nghệ toàn cầu, dẫn đầu chuyển đổi AI, phát triển trên hệ sinh thái chiến lược 03 trụ cột: C-OpenAI, AI Market và C-Product. Đến năm 2030, CMC đặt mục tiêu doanh thu vượt 1 tỷ USD, tăng trưởng trên 20%/năm và quy mô nhân sự trên 15.000 người.

3.2. Định hướng và kế hoạch theo từng khối kinh doanh:

Năm 2026, kế hoạch hành động của các Khối kinh doanh thuộc Tập đoàn CMC được xác định cụ thể như sau:

- ❖ **Khối Hạ tầng số:** Hướng tới vị thế nhà cung cấp hạ tầng số hàng đầu khu vực với mục tiêu doanh thu 4.676 tỷ đồng (tăng trưởng 18%). Trong đó với CMC Telecom là đơn vị chủ lực, đặt mục tiêu doanh thu 4.007 tỷ (tăng trưởng 17%), mở rộng backbone CVCS mạch 3, đáp ứng dung lượng, nâng cao trải nghiệm băng thông, Lắp đầy các DC SHTP, CMC Duy Tân, và Tân Thuận: theo tỷ lệ ENT – Hyperscaler 70% - 30%, Làm chủ công nghệ Open Stack, nâng cấp core platform CMC Cloud tương đương Hyperscaler, ra mắt CCSP/CCSS, hướng tới thị trường Global.
- ❖ **Khối Công nghệ & Giải pháp:** Mục tiêu đạt doanh thu 5.374 tỷ đồng. Trong đó CMC TS là đơn vị chủ lực với mục tiêu doanh thu là 5.273 tỷ đồng (tăng trưởng 16,5%) tập trung cung cấp các giải pháp “Made in CMC”: ITS, C-Vision, C-AIOffice, C-Green, C-ID, C-GOV, C-Vision (Smart City), C-Health, Top 3 đối tác chuyển đổi số cho BSFI, Đối tác AIX/DX hàng đầu Top 500 Doanh nghiệp tại Việt Nam, TOP 1 SME/FDI tại VN, Đối tác nền tảng số Chính phủ điện tử & Dữ liệu Quốc gia, Đối tác Công nghệ tin cậy tại thị trường: Asian, Nhật, Bắc Mỹ.
- ❖ **Khối Công nghệ mới - Công nghệ chiến lược:** Trở thành nền tảng AI mở, an toàn, có chủ quyền do Việt Nam làm chủ, đóng vai trò hạ tầng trí tuệ và lớp AI vận hành cốt lõi cho Chính phủ, doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, Thương mại hoá và mở rộng C-AI Legal, Hoàn thiện sản phẩm: C-OpenAi Platform C-Open AI Ecosystem.

- ❖ **Khối Kinh doanh toàn cầu:** Thúc đẩy mạnh mẽ chiến dịch "Go Global" nhằm đạt mục tiêu doanh thu 2.044 tỷ đồng (tăng trưởng >25%) với quy mô 3.500 nhân sự, tập trung bứt phá tại các thị trường trọng điểm gồm Nhật Bản, Mỹ và APAC. Xây dựng hình ảnh Công ty chuyển đổi số/chuyển đổi AI hàng đầu khu vực (Global Company), tối thiểu 30 account phát KAM chiếm tối thiểu 65% doanh thu, nâng cấp C-codeX lên version 2.0. Triển khai ứng dụng AI trong hệ thống DX và hệ thống thông tin nội bộ phục vụ hoạt động vận hành back-end.
- ❖ **Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực:** Kỳ vọng đạt doanh thu 160 tỷ đồng (tăng trưởng 41%), tuyển mới 2.600 sinh viên tại Hà Nội và TP. HCM, mở mới 06 chương trình đào tạo, triển khai ≥50 học phần có AI và ≥6.000 lượt học E-learning, Bảo đảm ≥85% hài lòng, dropout ≤5%, 100% OJT/thực tập, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng AI/DX vào quy trình đào tạo với tỷ lệ số hóa đạt trên 70%.

3.3. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong khuôn khổ chiến lược mới, CMC có khát vọng trở thành nhà cung cấp dịch vụ khách hàng doanh nghiệp ở mảng công nghệ thông tin số hàng đầu Châu Á - Thái Bình Dương trong bốn trụ cột: Kinh tế số, Xã hội số, Chính phủ số và Nhân lực số. Đến năm 2030, CMC đặt mục tiêu doanh thu vượt 1 tỷ USD, tăng trưởng trên 20%/năm và quy mô nhân sự trên 15.000 người.

3.4. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Tập đoàn CMC xây dựng chiến lược phát triển bền vững trên ba trụ cột: Kinh tế, Cộng đồng và Môi trường.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và Việt Nam còn nhiều thách thức, CMC tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển công nghệ, đặc biệt là AI, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số cho doanh nghiệp và cộng đồng. Tập đoàn cũng chăm lo đời sống CBNV qua môi trường làm việc an toàn, thu nhập ổn định và khám sức khỏe định kỳ; đồng thời duy trì các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ giáo dục vùng sâu vùng xa và trẻ em khuyết tật.

Với nền tảng nhiệt huyết, niềm tin và con người, CMC chú trọng đào tạo thế hệ tương lai, ươm mầm tài năng công nghệ, hướng tới đưa sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt vươn ra thị trường quốc tế.

4. Các rủi ro:

4.1. Mục tiêu và nguyên tắc chung của công tác quản trị rủi ro:

Trong năm 2025, Tập đoàn Công nghệ CMC tiếp tục hoàn thiện Khung quản trị rủi ro (Risk management framework) với mục tiêu ngày một tiệm cận hơn với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế như ISO 31000 và các khuyến nghị về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của COSO (Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway

Commission), đồng thời đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với mô hình kinh doanh của Tập đoàn Công nghệ CMC.

Công tác quản trị rủi ro tại Tập đoàn Công nghệ CMC được xây dựng và triển khai với các nguyên tắc và mục tiêu chính sau đây:

- Hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu và chiến lược kinh doanh thông qua việc thiết lập và áp dụng Khung quản trị rủi ro hiệu quả, kịp thời, đầy đủ và chính xác.
- Kịp thời nhận diện, đánh giá và xử lý các rủi ro, từ đó đảm bảo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được thường xuyên, liên tục.
- Đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn thông qua việc nhận diện và đánh giá giữa rủi ro và cơ hội, từ đó hạn chế các ảnh hưởng bất lợi và khai thác các cơ hội, là cơ sở thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý để theo đuổi các mục tiêu kinh doanh phù hợp với khẩu vị rủi ro của Tập đoàn.
- Tăng cường văn hóa quản trị rủi ro trên toàn Tập đoàn thông qua việc xây dựng vận hành cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro đồng bộ, xuyên suốt và toàn diện từ Tập đoàn đến các Đơn vị thành viên.

Tại Tập đoàn Công nghệ CMC, quản trị rủi ro là một phần không thể tách rời trong tất cả các hoạt động kinh doanh và quản trị của Tập đoàn.

4.2. Mô hình tổ chức Quản trị rủi ro:

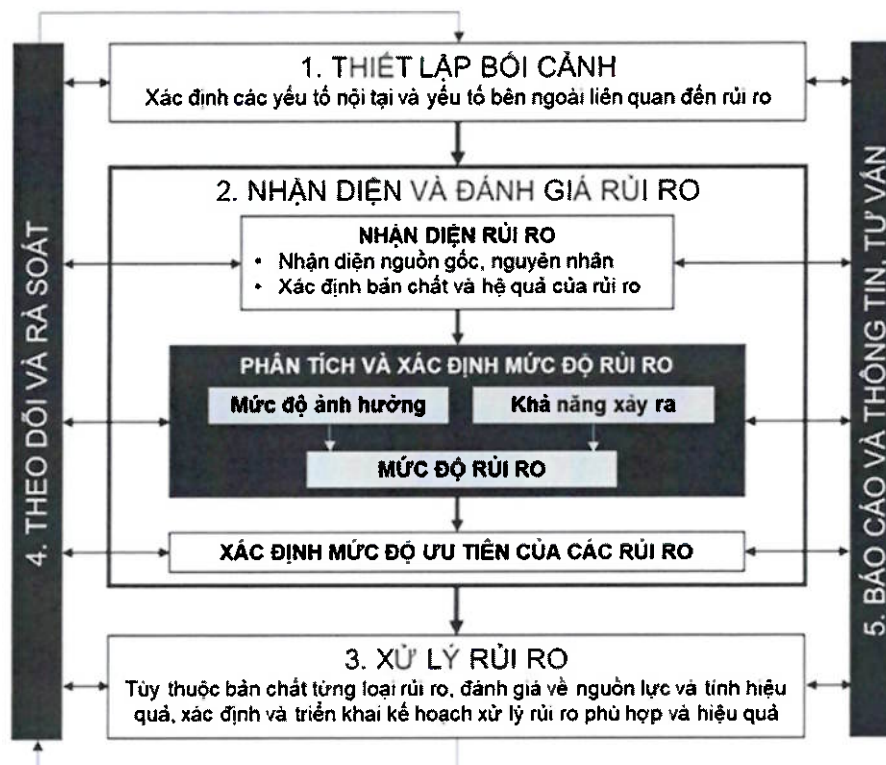
❖ **Vai trò của quản lý cấp cao đối với công tác Quản trị rủi ro:**

Hội đồng Quản trị	Cơ quan có thẩm quyền cao nhất đối với việc quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban hành Khung QTRR, cơ cấu tổ chức QTRR và các văn bản cấp cao về QTRR phù hợp với chiến lược chung của toàn Tập đoàn, định hướng và thúc đẩy văn hóa QTRR trên toàn Tập đoàn.
Ban điều hành	Giám sát và trực tiếp chỉ đạo triển khai công tác QTRR tại Tập đoàn đảm bảo phù hợp với các chiến lược và văn hóa QTRR tại Tập đoàn. Ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn triển khai và thực hiện các nội dung của khung QTRR.
Ban lãnh đạo các Đơn vị thành viên của Tập đoàn	Thiết lập cơ cấu tổ chức và triển khai công tác QTRR tại Đơn vị thành viên phù hợp với các định hướng và chiến lược về QTRR của Tập đoàn.

❖ **Mô hình tổ chức theo 03 tuyến phòng vệ:**

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ NHẤT	TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ HAI	TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ BA
• Chủ sở hữu và quản lý rủi ro: • Trực tiếp thực hiện các công tác nhận diện, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro. • Xây dựng và trực tiếp triển khai các chính sách, quy định, quy trình về QTRR trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày.	• Chức năng quản trị rủi ro: xây dựng khung QTRR bao gồm cơ cấu tổ chức QTRR, các văn bản nội bộ về QTRR, khẩu vị rủi ro, tư vấn, hỗ trợ và giám sát việc triển khai công tác QTRR. • Chức năng kiểm soát tuân thủ: tư vấn, hỗ trợ và giám sát việc tuân thủ với các quy định nội bộ và pháp luật.	Chức năng kiểm toán nội bộ: đánh giá toàn diện và hoàn toàn độc lập với tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai về các nội dung liên quan đến tính hiệu quả của công tác QTRR do tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai thực hiện để đảm bảo đạt được các mục tiêu về QTRR và kiểm soát nội bộ.

4.3. Quy trình quản trị rủi ro:



Quy trình quản trị rủi ro tại Tập đoàn Công nghệ CMC được xây dựng bám sát theo các nguyên tắc và hướng dẫn tại ISO 31000 và ISO 31010 cũng như trên cơ sở tham khảo các thông lệ tốt và phù hợp. Quy trình quản trị rủi ro được vận hành thống nhất trên toàn Tập đoàn với các bước chính như lưu đồ.

Quy trình quản trị rủi ro được vận hành dựa trên tổ chức bộ máy triển khai nhằm đảm bảo sự giám sát chặt chẽ của quản lý cấp cao và cơ chế phân cấp phân quyền phù hợp với năng lực và chức năng, nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận có liên quan trong từng bước của quy trình.

4.4. Hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2025:

Trong bối cảnh thị trường trong nước và thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, trọng tâm hoạt động của năm 2025 là nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác quản trị rủi ro đến từng bộ phận, cá nhân tại Tập đoàn. Tập đoàn Công nghệ CMC triển khai công tác quản trị rủi ro với mục tiêu tối ưu hóa sự tương quan giữa cơ hội và rủi ro, chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó với rủi ro trong nhiều kịch bản, kích hoạt kế hoạch ứng phó phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn.

❖ Các hoạt động quản trị rủi ro nổi bật của Tập đoàn trong năm 2025 bao gồm:

- Định kỳ rà soát và cập nhật Bảng tổng hợp rủi ro (Risk catalogue) trên toàn Tập đoàn, bổ sung các rủi ro và danh mục hành động xử lý cho các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Tập đoàn, xem xét đến các biến động của tình hình kinh tế vĩ mô, ngành, lĩnh vực có liên quan.
- Thường xuyên rà soát và cập nhật Danh mục các rủi ro (Risk inventory) và báo cáo thường xuyên, liên tục tới Ban lãnh đạo Tập đoàn về tình hình khắc phục và xử lý rủi ro.
- Ban hành các Hướng dẫn, công cụ quản trị rủi ro như Bộ Chỉ số rủi ro chính (Key risk indicators) nhằm theo dõi, dự báo chuyển biến của rủi ro; Hướng dẫn triển khai quy trình ứng phó sự cố trong Tập đoàn, Kịch bản ứng phó sự cố...
- Ban hành Khung Quản trị Môi trường và Xã hội là Khung hướng dẫn, xác định lộ trình và các hành động thực hiện để giảm thiểu các rủi ro, tác động đến môi trường và xã hội trong quá trình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Công nghệ CMC.
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ cho cán bộ nhân viên và các cấp quản lý, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, từ đó nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro trên toàn Tập đoàn Công nghệ CMC. Trong đó, đã thực hiện hai chương trình đào tạo nổi bật trong năm:
 - Đào tạo nghiệp vụ điều tra gian lận nhằm nâng cao năng lực nhận diện, phân tích, điều tra và báo cáo rủi ro gian lận cho các nhân sự ngành dọc kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ Tập đoàn tham gia vào công tác quản trị rủi ro, điều tra gian lận.
 - Đào tạo cho đội ngũ nhân sự thực hiện công tác quản trị rủi ro trên toàn Tập đoàn về Khung Quản trị Môi trường và Xã hội để cung cấp các hiểu biết và nâng cao năng lực quản lý rủi ro môi trường, xã hội.

4.5. Quản trị các nhóm rủi ro chính năm 2025:

Nhóm	Rủi ro	Mô tả	Biện pháp kiểm soát
Rủi ro chiến lược	Rủi ro công nghệ	Rủi ro liên quan đến việc không bắt kịp xu hướng công nghệ mới	- Định hướng chiến lược đẩy mạnh đầu tư vào các năng lực công nghệ phù hợp với xu hướng mới. - Đặc biệt chú trọng “Creativity – Sáng tạo”, một trong bốn giá trị cốt lõi của Tập đoàn Công nghệ CMC làm trọng tâm, nhằm xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư cho các lĩnh vực công nghệ mới, đồng thời luôn đưa ra các công nghệ nền tảng để phát triển các sản phẩm và dịch vụ CNTT và viễn thông. - Xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nhân sự, đặc biệt tập trung vào nguồn lực nhân sự trong các lĩnh vực công nghệ giải pháp mới. - Tiến hành thường xuyên liên tục các khảo sát, nghiên cứu nhu cầu thị trường; tổ chức hội thảo, trao đổi, cập nhật kiến thức, xu hướng công nghệ mới. - Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC (CMC ATI) triển khai hoạt động R&D các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data), Dữ liệu mạng xã hội (Social data), Internet vạn vật – Thiết bị thông minh – Xử lý hình ảnh (IoT) và Công nghệ chuỗi khối/ An toàn thông tin (Blockchain/ Cyber Security). - Thành lập Công ty Cổ phần CMC OpenAI với sứ mệnh thiết kế, xây dựng và phát triển nền tảng AI mở và an toàn, phát triển các mô hình ngôn ngữ lớn, mô hình AI chuyên biệt cho từng lĩnh vực, đồng thời thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp và nhà phát triển xây dựng, phân phối ứng dụng trên nền tảng.
	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro giảm lợi thế cạnh tranh trong thị trường mà mức độ cạnh tranh về cả số lượng lẫn chất lượng	- Nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, mở rộng hạ tầng và phát triển năng lực kỹ thuật, giải pháp đặc thù ngành góp phần tăng giá trị cho khách hàng. - Nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn bằng chiến lược đầu tư vào nguồn lực nhân sự, đưa mục tiêu phát triển và nâng cao chất lượng nhân sự trực tiếp vào KPI của các đơn vị. - Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, lấy “Customer Centricity - Hướng khách hàng” - một

		ngày càng gia tăng	trong bốn giá trị cốt lõi của Tập đoàn Công nghệ CMC làm trọng tâm. - Thường xuyên rà soát, đánh giá và cải tiến mô hình kinh doanh, đẩy mạnh chuyển đổi số và chuyển đổi AI nội bộ, hoàn thiện và tối ưu hóa các quy trình vận hành để nâng cao hiệu suất và chất lượng hoạt động, từ đó tạo ra năng lực cạnh tranh xuất phát từ năng lực nội tại của Tập đoàn.
Rủi ro hoạt động	Rủi ro an ninh thông tin	Rủi ro trong việc bị lộ, bị thay đổi, bị mất thông tin, rủi ro bị tấn công mạng	- Xác định việc đảm bảo bảo mật, an ninh, an toàn thông tin là ưu tiên hàng đầu trong hoạt động của Tập đoàn. - Đầu tư nguồn lực, nâng cao năng lực của hệ thống thông tin trong các đơn vị của Tập đoàn, áp dụng triệt để các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống thông tin. - Gán trách nhiệm an toàn thông tin với từng thành viên trong Tập đoàn, nhằm giảm thiểu tối đa vi phạm an toàn thông tin dẫn tới hậu quả nghiêm trọng. - Liên tục giám sát an toàn, an ninh mạng tự động qua Trung tâm điều hành an ninh mạng CMC (CMC SOC), được tích hợp trí tuệ nhân tạo và công nghệ Automation. - Thực hiện các hoạt động rà soát, giám sát, kiểm soát nội bộ, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình về quản trị an ninh thông tin trong Tập đoàn, xây dựng các kịch bản ứng phó với sự cố an ninh thông tin. - Thực hiện đào tạo, nâng cao nhận thức về an ninh thông tin cho các cán bộ, nhân viên.
	Rủi ro nhân sự	Rủi ro không đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực, không đảm bảo nhân sự chất lượng và ổn định trong khi không	- Xây dựng môi trường làm việc tốt, phát triển thương hiệu tuyển dụng để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. - Xây dựng lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, đồng thời tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm cho nhân viên và cán bộ lãnh đạo kế cận, xem đây vừa là yếu tố thu hút nhân sự, vừa là yếu tố giúp nâng cao chất lượng nhân sự. - Tiếp tục thực hiện chính sách đãi ngộ cạnh tranh và minh bạch dựa vào kết quả công việc.

		ngừng bút phá về mặt quy mô hoạt động	- Có tầm nhìn và kế hoạch dài hạn trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự kế cận làm nòng cốt tương lai cho CMC. - Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, theo đuổi giá trị cốt lõi của Tập đoàn CMC: “Commitment – Cam kết” trong mọi hoạt động.
Rủi ro kiểm soát nội bộ	Rủi ro quy định, quy trình nội bộ chưa phù hợp hoặc chưa đáp ứng yêu cầu quản trị của các đơn vị trong Tập đoàn. Rủi ro tuân thủ quy định quy trình nội bộ.	- Thực hiện rà soát định kỳ hoặc đột xuất về tính đầy đủ và phù hợp của hệ thống văn bản nội bộ tại từng Đơn vị thành viên và trên toàn Tập đoàn một cách độc lập với các cá nhân, bộ phận xây dựng và triển khai thông qua các hoạt động của các bộ phận chuyên môn (kiểm soát chất lượng, kiểm toán nội bộ và kiểm soát tuân thủ). - Bổ sung và sửa đổi để đảm bảo các quy định được cập nhật kịp thời và phù hợp với các thay đổi của môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của Tập đoàn và từng Đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn. - Thiết lập các cơ chế và hoạt động kiểm tra, kiểm soát tuân thủ để tăng cường ý thức tuân thủ của cả lãnh đạo và từng cán bộ, nhân viên trong Tập đoàn.	
Rủi ro môi trường, xã hội	Rủi ro các hoạt động kinh doanh ảnh hưởng tới môi trường, xã hội, sức khỏe, an toàn của người lao động	- Thành lập Ủy Ban Môi trường Xã hội có trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý môi trường và xã hội - Triển khai chương trình đào tạo cho đội ngũ nhân sự thực hiện công tác quản trị rủi ro trên toàn Tập đoàn về Khung Quản trị Môi trường và Xã hội - Xây dựng bộ công cụ vận hành hệ thống Khung Quản trị Môi trường và Xã hội và triển khai áp dụng, bao gồm: hướng dẫn nhận diện, đánh giá và xử lý rủi ro môi trường, xã hội; rủi ro sức khỏe và an toàn của người lao động.	
Rủi ro tuân thủ (pháp lý)	Rủi ro tuân thủ quy định pháp luật	Rủi ro liên quan tới việc không tuân thủ quy định, pháp luật ở - Chủ động nghiên cứu, cập nhật các quy định pháp luật có liên quan của thị trường trong nước và các thị trường nước ngoài, đồng thời thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình nội bộ tương ứng.	

		các nước mà Tập đoàn có hoạt động kinh doanh, đặc biệt khi quy mô hoạt động ngày càng lớn, không chỉ ở phạm vi Việt Nam	- Nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ của từng cán bộ nhân viên trên toàn Tập đoàn, không chỉ tại Việt Nam mà cả ở các thị trường sở tại. - Nâng cao nhận thức, cũng như năng lực quản trị rủi ro pháp lý, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, Kiểm toán nội bộ để kịp thời phát hiện sai phạm, tăng cường các chốt kiểm soát. - Sử dụng đơn vị tư vấn luật trong nước và quốc tế trong trường hợp cần thiết để hỗ trợ CMC trong việc tuân thủ luật pháp của nước sở tại.
Rủi ro tài chính	Rủi ro thanh khoản	Rủi ro không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn	- Chủ động theo dõi và xây dựng kế hoạch thanh toán cho đối tác và các nhà cung cấp, từ đó xây dựng kế hoạch dòng tiền cũng như các phương án huy động vốn đảm bảo hiệu quả chi phí sử dụng vốn. - Tăng cường hiệu quả công tác quản trị dự án, đảm bảo các dòng tiền vào đúng kế hoạch từ đó giảm áp lực lên khả năng thanh toán của các đơn vị trong Tập đoàn. - Thực hiện đánh giá và dự báo dòng tiền để lường trước các rủi ro về khả năng thanh khoản trong tương lai.
	Rủi ro thị trường	Rủi ro biến động của các loại giá cả thị trường ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa)	- Lưu trữ và thu thập dữ liệu, thông tin để cập nhật và theo dõi thường xuyên các biến động giá trên thị trường trong nước và quốc tế. Từ đó, có những đánh giá và dự báo về khả năng biến động giá trong tương lai cũng như các ảnh hưởng tiềm tàng tới các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. - Xây dựng các công cụ và đưa ra các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của các biến động giá tới hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
Rủi ro danh tiếng	Rủi ro danh tiếng của Tập đoàn bị	- Rủi ro các thông tin sai lệch làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín,	- Công bố rộng rãi về thương hiệu, website, các kênh truyền thông chính thức của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên. Kiểm tra về sự tồn tại của các website, kênh truyền thông giả mạo, các thông tin sai sự thật, có thể

ảnh hưởng do các thông tin sai lệch	hình ảnh, danh tiếng của Tập đoàn. - Hình ảnh, danh tiếng của công ty bị sử dụng sai mục đích.	gây ra những ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín, hình ảnh, danh tiếng của CMC. - Thường xuyên rà soát, kiểm tra để phát hiện việc hình ảnh, thương hiệu của CMC đang bị sử dụng sai mục đích. - Ứng dụng công cụ Social listening do Viện CMC ATI phát triển để phát hiện sớm các sự kiện rủi ro danh tiếng. - Ban hành các quy định, quy trình nội bộ trong đó bao gồm việc xây dựng kế hoạch hành động cho các kịch bản theo từng mức độ nghiêm trọng khác nhau để kích hoạt ngay khi có các sự kiện rủi ro danh tiếng xảy ra.
--	--	--

4.6. Định hướng hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2026:

- Liên tục kiện toàn và cải tiến Khung quản trị rủi ro hiệu quả, áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn, bám sát với thông lệ và khuyến nghị tốt, phù hợp của ISO, COSO, CMMI.
- Tiếp tục xây dựng, nâng cấp và áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro, nhận diện sớm và theo dõi rủi ro, hệ thống ứng dụng trong công tác quản trị rủi ro.
- Đẩy mạnh việc tích hợp hoạt động quản trị rủi ro trong xây dựng chiến lược, quản trị dự án thương mại, dự án đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thúc đẩy năng lực chủ động nhận diện, đánh giá và ứng phó sớm, kịp thời với rủi ro của từng Đơn vị, cá nhân tại Tập đoàn. Triển khai thường xuyên việc rà soát và xây dựng các kịch bản ứng phó sự cố, tập huấn cho các bộ phận, cá nhân, nhằm đảm bảo giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực, duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn.
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, đào tạo nội bộ, nâng cao năng lực quản trị rủi ro của từng cá nhân, đơn vị trong Tập đoàn, nâng cao khả năng phối hợp giữa các khu vực chuyên môn trong công tác quản trị rủi ro, từ đó nâng cao văn hóa quản trị rủi ro và hiệu quả của công tác quản trị rủi ro trên toàn Tập đoàn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2025:

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2025 tăng 8,02%, cao hơn mức tăng trưởng 7,09% của năm 2024 và là mức tăng trưởng cao thứ hai trong giai đoạn 2011 - 2025. Quy mô nền kinh tế đạt khoảng 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm trước; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD/người, lần đầu tiên vượt mốc 5.000 USD. Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức khoảng 3,31%, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, hoạt động xuất nhập khẩu, tiêu dùng nội địa và đầu tư tiếp tục tăng trưởng tích cực¹.

Bên cạnh những kết quả tích cực, cộng đồng doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh toàn cầu. Các biến động địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại, các chính sách thuế quan mới của các nền kinh tế lớn, cùng với áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng đã tạo ra những tác động đáng kể đến hoạt động xuất khẩu, chuỗi cung ứng và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn thể hiện khả năng chống chịu tốt, duy trì được tốc độ tăng trưởng cao nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, tiêu dùng trong nước và đầu tư công².

Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 68-NQ/TW đang mở ra giai đoạn phát triển mới cho doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Nếu Nghị quyết 57 xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực cốt lõi để đưa nền kinh tế tăng trưởng hai con số, thì Nghị quyết 68 khẳng định kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất và lực lượng tiên phong hiện thực hóa mục tiêu đó.

Trong bối cảnh này, CMC khẳng định vai trò là một trong những doanh nghiệp công nghệ tư nhân tiêu biểu của Việt Nam, không chỉ tập trung phát triển hoạt động kinh doanh mà còn kiên định sứ mệnh làm chủ công nghệ lõi, phát triển các sản phẩm "Make in Vietnam", nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia và đồng hành cùng Chính phủ trong công cuộc chuyển đổi số. Việc nhiều sản phẩm công nghệ của CMC được lựa chọn công bố trên Cổng thông tin Nghị quyết 57 là minh chứng rõ nét cho năng lực đổi mới sáng tạo và đóng góp thực chất của Tập đoàn vào việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 68-NQ/TW, góp phần đưa kinh tế tư nhân trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế.

Xu hướng chuyển đổi từ "Digital Transformation" sang "AI Transformation" đã mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp công nghệ thông tin, điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu, an toàn thông tin và các nhà cung cấp nền tảng số. Nhu cầu đầu tư vào hạ tầng AI, Cloud, Data Center và Cyber Security gia tăng mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu và đồng hành cùng Chính phủ trong quá trình phát triển nền kinh tế số quốc gia.

¹ Nguồn dữ liệu: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025 - General Statistics Office of Vietnam

² Nguồn dữ liệu: <https://www.reuters.com/world/asia-pacific/vietnams-annual-growth-reaches-8-trade-surplus-with-us-hits-record-despite-2026-01-05/?utm>

Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành Tập đoàn Công nghệ CMC nhận thấy năm 2025 là năm bản lề đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ từ chuyển đổi số sang chuyển đổi AI. Với lợi thế về hạ tầng số, điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu, an toàn thông tin và hệ sinh thái giải pháp công nghệ toàn diện, CMC tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào các công nghệ chiến lược như AI, Cloud, Data Platform và Cyber Security nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, đồng thời khẳng định vị thế là doanh nghiệp tiên phong trong công cuộc chuyển đổi AI tại Việt Nam. Qua đó, CMC tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế số và mục tiêu tăng trưởng bền vững của quốc gia trong kỷ nguyên số.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025	% Tăng trưởng	% Hoàn thành
1	Doanh thu thuần	10.554.530	9.018.060	10.810.874	17,0%	98%
	<i>Trong đó: Doanh thu thuần trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	9.560.786	8.202.642	9.827.922	16,6%	97%
2	Lợi nhuận trước Lãi vay, Thuế và Khấu hao phân bổ (EBITDA)	1.178.977	986.941	1.200.368	19,5%	98%
3	Lợi nhuận trước thuế	737.445	582.429	641.762	26,6%	115%
	<i>Trong đó: Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	611.899	501.545	550.039	22,0%	111%
4	Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)	516.833	427.085	463.697	21,0%	111%

2. Tổ chức và nhân sự năm 2025

2.1. Danh sách Ban Điều hành:

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
1	Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch HĐQT / Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	1,18%	Năm sinh: 1963. Thành viên sáng lập Tập đoàn CMC (05/1993) Trình độ: Kỹ sư Điện tử - Viễn thông - Đại học Bách khoa (1987). Quá trình công tác: - Từ 2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch Điều hành Tập đoàn – Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - Từ 01/2022 đến nay: Chủ tịch Hội đồng trường – Trường Đại học CMC - Từ tháng 5/2026 đến nay: Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC - 2023 - đến nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC - Từ 06/2021 đến 06/2024: Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH CMC Global - Từ 06/2016 đến 2020: Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc – Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - 2007 đến 2016: Tổng Giám đốc/Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - 1999 đến 01/2007: Tổng Giám đốc/thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Máy tính Truyền thông CMC - 1995 đến 1999: Phó Giám đốc - Công ty TNHH Máy tính Truyền thông CMC - 1993 đến 1995: Phó Giám đốc - Công ty TNHH HT&NT - 1988 đến 1989: Cán bộ nghiên cứu - Viện Nghiên cứu Công nghệ quốc gia – Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học
2	Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc Tập đoàn	0,03%	Năm sinh: 1971. Gia nhập CMC: 06/2017. Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Bang Washington, Mỹ (2002). Quá trình công tác: - Từ 06/2026 đến nay: Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn - CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC - Từ 07/2021 – 05/2026: Tổng Giám đốc - CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC - Từ 07/2024 đến nay: Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH CMC Global - Từ 10/2023 đến nay: Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH CMC Consulting - 11/2020 đến 06/2021: Quyền Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC - 08/2020 đến 06/2021: Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
				– 01/2019 đến 01/2024: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ & Giải pháp CMC – 06/2017 đến 08/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC – 01/2003 đến 05/2017: Tổng Giám đốc Oracle khu vực Việt Nam & Đông Dương – 12/1995 đến 06/2002: Chuyên gia giải pháp & Quản lý, Oracle Việt Nam – 05/1995 - 11/1995: Quản lý nhân hàng, Peregrine Capital Việt Nam
3	Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn / Giám đốc Quản trị Tập đoàn	0,08%	Năm sinh: 1978. Gia nhập CMC: 11/2007. Trình độ: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán - Đại học Kinh tế Quốc dân (2000). Quá trình công tác: – 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn / Giám đốc Quản trị Tập đoàn kiêm Trưởng ban Đầu tư – Từ 06/2024 đến nay: Phó Giám đốc – Trường Đại học CMC – Từ 01/2024 – 6/2025: Phó Chủ tịch Điều hành kiêm Trưởng Ban Đầu tư – Từ 2020 đến 12/2023: Phó Chủ tịch Cấp cao, Giám đốc Tài chính - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 11/2007 - 2020: Giám đốc Tài chính – Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 2006 đến 2007: Giám đốc Đầu tư - Tập đoàn Phú Thái – 2005 đến 2006: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ - Công ty HBL Việt Nam – 2000 đến 2005: Trưởng nhóm kiểm toán - KPMG Việt Nam
4	Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn	0,04%	Năm sinh: 1978. Gia nhập CMC: 01/2010. Trình độ: Kỹ sư Đại học Bách Khoa (2001). Quá trình công tác: – 08/2020 đến nay: Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn – Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 01/2015 đến nay: Tổng Giám đốc CTCP Hạ tầng Viễn thông CMC – 07/2024 – 05/2026: Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ & Giải pháp CMC – 01/04/2022 - 11/2023, 12/2024 đến nay: Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC – 01/2010 đến 12/2014: Phó Tổng Giám đốc CTCP Hạ tầng Viễn thông CMC

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
				– 2008 - 2009: Giám đốc Kỹ thuật, Công ty CP Viễn thông Đông Dương – 2006 - 2008: Phó Giám đốc Kỹ thuật - Công ty CP Viễn thông Hà Nội Telecom – 2003 - 2006: Phó Giám đốc - Trung tâm điều hành toàn quốc - Công ty viễn thông Viettel (Viettel Telecom) – 2001 - 2003: Trưởng phòng phát triển phần mềm - Công ty đầu tư phát triển viễn thông Elcom.
5	Đặng Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn	0,03%	Năm sinh: 1983. Gia nhập CMC: 2017. Trình độ: Thạc sĩ Khoa học kỹ thuật – Đại học Thanh Hoa – Trung Quốc (2009). Quá trình công tác: – 05/2023 đến nay: Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn – Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 06/2021 đến nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH CMC Global – 08/2020 đến 06/2021: Quyền Tổng Giám đốc - Công ty TNHH CMC Global – 12/2017 đến 08/2020: Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất - Công ty TNHH CMC Global – 01/2013 đến 07/2017: Phó Giám đốc Khối Nhật Bản – Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Quốc tế – 01/2011 đến 12/2012: Phó Giám đốc Trung tâm sản xuất phần mềm - Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Quốc tế – 01/2010 đến 07/2010: Trưởng phòng R&D - Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Quốc tế.
6	Phạm Ngọc Bắc	Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn	0,02%	Năm sinh: 1980. Gia nhập CMC: 2020. Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – University of Hawaii (VEMBA). Quá trình công tác: – 07/2025 – 05/2026: Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC. – 07/2024 – 05/2026: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 02/2024 – 06/2024: Quyền Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 04/2022 – 01/2024: Phó Tổng giám đốc/Giám đốc Quản trị - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 06/2021 – 03/2022: Quyền Giám đốc Quản trị - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
				– 07/2020 – 06/2021: Phó ban Công nghệ & Chuyển đổi số Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC kiêm Phó GD kỹ thuật khối BFS - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 01/2020 – 07/2020: Phó ban Công nghệ & Chuyển đổi số Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 11/2014 – 01/2020: Phó Giám đốc phụ trách Khối Công nghệ thông tin - Công ty cổ phần chứng khoán SSI.
7	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn	0,00%	Năm sinh: 1976. Gia nhập CMC: 2022. Trình độ: Tiến sĩ – Viện Công nghệ tiên tiến Thâm Quyển – Trung Quốc (2014). Quá trình công tác: – 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 07/2025 đến nay: Hiệu trưởng - Trường Đại học CMC – 09/2022 – 07/2025: Phó Hiệu trưởng - Trường Đại học CMC – 2015 – 08/2022: Trưởng khoa, Khoa CNTT, Trường Đại học Thủy Lợi – 2007 – 2015: Giám đốc/Giảng viên - Trung tâm tin học, Trường Đại học Thủy Lợi – 2005 – 2007: Giảng viên, Giám đốc trung tâm tin học - Khoa CNTT, Trường Đại học Thủy Lợi
8	Đặng Tùng Sơn	Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn / Giám đốc chiến lược Tập đoàn	0,03%	Năm sinh: 1980. Gia nhập CMC: 2012. Trình độ: Thạc sỹ Viễn thông - Đại học Pierre và Marie Curie (2004). Quá trình công tác: – Từ 06/2026 đến nay: Tổng Giám đốc - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – Từ 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – Từ 10/2024 đến nay: Giám đốc chiến lược Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – Từ 04/2019 – 05/2026: Phó Tổng giám đốc/Giám đốc Kinh doanh và Marketing - CTCP Hạ tầng Viễn thông CMC – Từ 04/2015 – 03/2019: Phó Tổng giám đốc - CTCP Hạ tầng Viễn thông CMC – Từ 2012 – 03/2015: Giám đốc Khối Kinh doanh toàn cầu - CTCP Hạ tầng Viễn thông CMC – Từ 2008 – 2011: Giám đốc Khối Kinh doanh toàn cầu - Công ty viễn thông điện lực EVNTelecom

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
				- Từ 2006 – 2008: Trưởng phòng Quan hệ Quốc tế - Công ty viễn thông điện lực EVNTelecom - Từ 2005 – 2006: Trưởng phòng Kinh doanh - Trung tâm Internet - Công ty viễn thông điện lực EVNTelecom
9	Đặng Văn Tú	Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn / Giám đốc Công nghệ Tập đoàn	0,00%	Năm sinh: 1986. Gia nhập CMC: 2023 (trước đã có thời gian làm việc tại CMC TS trước khi gia nhập CMC Global). Trình độ: Thạc sỹ Chuyển đổi số - Trường Quản lý IÉSEG. Quá trình công tác: - Từ 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - Từ 10/2024 đến nay: Giám đốc Công nghệ Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - 08/2025 đến nay: Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần CMC OpenAI - Từ 11/2023 – 08/2025: Giám đốc Công nghệ - Công ty TNHH CMC Global - Từ 04/2021 – 08/2022: Giám đốc Khối Giải pháp Cloud - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ & Giải pháp CMC - Từ 06/2018 – 04/2021: Giám đốc dịch vụ khu vực - Kiến trúc sư trưởng - Softline International - Từ 09/2015 – 05/2018: Kỹ sư - Azure Ranger - Microsoft Service APAC - Từ 11/2014 – 08/201: Chuyên gia chiến lược giải pháp kỹ thuật - Microsoft Vietnam - Từ 05/2017 – 10/2014: Trưởng phòng Giải pháp Microsoft - HPT Vietnam Corporation
10	Nguyễn Minh Tuệ	Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn / Giám đốc Tài chính Tập đoàn	0,01%	Năm sinh: 1988. Gia nhập CMC: 2020. Trình độ: Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại Thương Hà Nội (2010). Quá trình công tác: - Từ 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - 08/2024 đến nay: Giám đốc Tài chính kiêm Trưởng Ban Tài chính - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - 01/2024 – 08/2024: Trưởng ban Tài chính - Kế hoạch - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - 07/2022 – 01/2024: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - 06/2021 - 12/2023: Trưởng ban KTNB&QTRR (Kiểm toán nội bộ & Quản trị rủi ro) - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC - 02/2020 - 05/2021: Phó Ban Tài chính Kế hoạch - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
				– 12/2017 - 01/2020: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Thương mại dịch vụ T&T (trực thuộc T&T Group) – 12/2015 - 11/2017: Kiểm soát viên tài chính kiêm Kế toán trưởng - Siêu thị Lan Chi (thuộc Central Group) – 09/2010 - 12/2015: Trợ lý Kiểm toán – Phó phòng Kiểm toán - KPMG Việt Nam
11	Đặng Minh Tuấn	Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn	0,02%	Năm sinh: 1966. Gia nhập CMC: 2018. Trình độ: Tiến sĩ - Viện Khoa học và Công nghệ quân sự (2017). Quá trình công tác: – 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 09/2019 đến nay: Viện trưởng – Viện Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ CMC – 2018 – 2019: Chuyên gia Blockchain - Viện Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ CMC – 1990 – 2017: Quân hàm Đại tá - Trưởng phòng tích hợp hệ thống; Phó Giám đốc Phòng thí nghiệm trọng điểm An toàn thông tin - Viện Tự động hóa Kỹ thuật quân sự – 2017 - 2019: Trưởng lab Blockchain Học viện, Giảng viên chính Khoa Công nghệ thông tin - Học viện Bưu chính Viễn thông
12	Phó Đức Kiên	Phó Chủ tịch VP Tập đoàn	0,02%	Năm sinh: 1978. Gia nhập CMC: 2008. Trình độ: Kỹ sư - Điện tử viễn thông - Đại học Bách Khoa HN (2001). Quá trình công tác: – 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch VP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 04/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc / Giám đốc Vận hành - Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC – 2014 đến 03/2019: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC – 2013 - 2014: Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc (CNMB) - Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC – 2012 - 2013: Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc (CNMB) - Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC – 2011 - 2012: Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Hà Nội - Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC – 2010 - 2011: Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Hà Nội - Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
				– 2009 - 2010: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC – 2008 - 2009: Quản lý Dự án - Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC – 2002 – 2008: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý tín hiệu - Công ty Dịch vụ Truyền thanh – 2001 – 2002: Trưởng phòng kinh doanh - Công ty TNHH Viễn thông Việt Nam
13	Nguyễn Việt Bách	Phó Chủ tịch VP Tập đoàn	0,02%	Năm sinh: 1980. Gia nhập CMC: 2022. Trình độ: Cử nhân - Công nghệ thông tin - Trường Đại học Kinh tế quốc dân (1998). Quá trình công tác: – 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch VP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 07/2025 đến nay: Phó Tổng Giám đốc / Giám đốc sản xuất (CDO) – Công ty TNHH CMC Global – 03/2019 – 06/2025: Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Sản xuất - Công ty TNHH CMC Global – 06/2016 – 02/2019: Quản lý sản xuất - FPT ASIA PACIFIC, SINGAPORE – 04/2004 – 06/2016: Quản lý sản xuất - Công ty TNHH Phần mềm FPT
14	Lê Anh Linh	Phó Chủ tịch VP Tập đoàn	0,01%	Năm sinh: 1986. Gia nhập CMC: 2007. Trình độ: Cử nhân BCA - Computer Application - Bangalore University (2007); Cử nhân Bcom - Commercial - Rajasthan University (2007). Quá trình công tác: – 07/2025 – 06/2026: Phó Chủ tịch VP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 02/2024 – 06/2026: Phó Tổng giám đốc/Giám đốc kinh doanh – Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 04/2019 – 01/2024: Giám đốc Khối BFSI (HN) – Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 2017 – 03/2019: Giám đốc TTKD FSI1 kiêm Giám đốc phụ trách Quan hệ đối tác – Công ty tích hợp hệ thống CMC
15	Nguyễn Hải Sơn	Phó Chủ tịch VP Tập đoàn	0,00%	Năm sinh: 1972. Gia nhập CMC: 2023. Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Viện Công nghệ Châu Á (AIT). Quá trình công tác: – 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch VP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
				– 06/2026 đến nay: Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 05/2026 - 06/2026: Quyền Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 01/2024 đến nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH CMC Consulting – 07/2023 – 01/2024: Giám đốc Quản trị - Công ty TNHH CMC Consulting – 2018 - 2023: Senior Manager, BU-IT Transformation – Techcombank – 2015 – 2018: Senior Manager, Customer Success - Oracle Vietnam Pte – 10/2010 – 04/2012: Deputy Director - Gimasys Co., Ltd – 02/2010 - 09/2010: Senior Project Manager - Harvey Nash – 04/2008 – 12/2009: Vice Director of ERP PMO - EVN
16	Trần Quốc Chính	Phó Chủ tịch VP Tập đoàn	0,00%	Năm sinh: 1981. Gia nhập CMC: 2023. Trình độ: Kỹ sư Công nghệ thông tin - Đại học Bách Khoa Hà Nội. Quá trình công tác: – 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch VP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 05/2026 đến nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC – 12/2024 đến nay: Tổng giám đốc – Công ty TNHH An Ninh An toàn Thông tin CMC – 11/2023 – 12/2024: Chủ tịch công ty - Công ty TNHH An Ninh An toàn Thông tin CMC – 11/2023 – 06/2024: Giám đốc công nghệ - Công ty TNHH An Ninh An toàn Thông tin CMC – 2023: Thành viên HĐQT / Tổng Giám đốc vận hành / Phó Chủ tịch Tập đoàn Bkav - Công ty Cổ phần phần mềm diệt virus Bkav – 2010 – 2022: Phó Chủ tịch phụ trách Công nghệ, Tài chính - Công ty Cổ phần Bkav – 2005 – 2009: Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc đơn vị - Công ty TNHH An ninh mạng Bkav

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
17	Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch VP Tập đoàn	0,00%	Năm sinh: 1981. Gia nhập CMC: 2022. Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Benedictine University (USA) - 2011. Quá trình công tác: – 07/2025 đến nay: Phó Chủ tịch VP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 11/2025 đến nay: Phó Hiệu trưởng - Trường Đại học CMC – 06/2024 – 11/2025: Phó Giám đốc - Trường Đại học CMC – 2022 – 06/2024: Trưởng ban Tuyển sinh, Marketing và Truyền thông - Trường Đại học CMC – 07/2017 - 07/2020: Giám đốc - Trường Đại học liên kết FPT – Greenwich – 08/2015 – 06/2017: Giám đốc TTĐT Đại học liên kết - Viện Đào tạo quốc tế - Trường Đại học FPT – 01/2010 – 07/2015: Giám đốc TTĐT Cao đẳng và Đại học liên kết - Viện QTKD - Trường Đại học FPT
18	Nguyễn Hữu Quỳnh	Phó Chủ tịch VP Tập đoàn	0,00%	Năm sinh: 1976. Gia nhập CMC: 2024. Trình độ: Tiến sĩ – Công nghệ thông tin – Đại học Công nghệ (2010). Quá trình công tác: – T5/2026 – nay: Phó Chủ tịch VP Tập đoàn - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – T8/2024 – nay: Phó Hiệu Trưởng – CMC Uni – 2022 – T7/2024: Trưởng khoa CNTT - Trường Đại học Thủy Lợi – T12/2019 – 2022: Giảng viên, Phó Trưởng khoa CNTT – Trường Đại học Thủy Lợi – 2002 – T11/2019: Giảng viên, Trưởng khoa CNTT – Trường đại học Điện lực
19	Nguyễn Cao Cường	Phó Chủ tịch VP Tập đoàn	0,00%	Năm sinh: 1990. Gia nhập CMC: 2020. Trình độ: Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh – Đại học Ngoại thương (2017) Quá trình công tác: – T5/2026 – nay: Phó Chủ tịch VP Tập đoàn – Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC – T5/2026 – nay: Giám đốc Kinh doanh – CMC Global – 8/2024 – T4/2026: Phó Giám đốc Kinh doanh và Marketing – CMC Global – T4/2021 – T7/2024: Phụ trách Khối/Quyền Giám đốc/Giám đốc Khối Sản xuất Kinh doanh GEU, GUS – CMC Global – T3/2020 – T3/2021: Trưởng nhóm Kinh doanh – CMC Global

TT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tóm tắt lý lịch
				– 2019 – 2020: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần SnapVN – 2018 – 2019: Giám đốc Kinh doanh Quốc tế – Công ty Cổ phần SmartOSC – 2016 – 2018: Giám đốc Kinh doanh Quốc tế – Công ty TNHH Thông tin M3 (Viettel) – 2013 – 2016: Phó Giám đốc Kinh doanh Khu vực – Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc
19	Nguyễn Hồng Phương	Kế toán trưởng	0,00%	Năm sinh: 1983. Gia nhập CMC: 2007. Trình độ: Cử nhân Tài chính – Kế toán – Đại học Thăng Long (2005). Quá trình công tác: – 2011 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 2010 - 2011: Kế toán tổng hợp - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 2007 – 2010: Kế toán thanh toán - Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC – 2005 – 09/2007: Kế toán tổng hợp – Công ty TNHH Vạn Yên

2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

❖ Trường hợp tái bổ nhiệm:

- Ông Hồ Thanh Tùng – Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, nhiệm kỳ 30/07/2025 – 30/06/2028; sau đó miễn nhiệm vào ngày 01/06/2026.

❖ Trường hợp điều chỉnh nhiệm kỳ:

- Ông Ngô Trọng Hiếu – Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn; nhiệm kỳ cũ 01/01/2024 – 31/12/2026, kéo dài nhiệm kỳ đến ngày 30/06/2028.
- Ông Đặng Ngọc Bảo – Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn; nhiệm kỳ cũ 01/01/2024 – 31/12/2026, kéo dài nhiệm kỳ đến ngày 30/06/2028.

❖ Trường hợp bổ nhiệm:

- Ông Lê Thanh Sơn - Giám đốc Quản trị Tập đoàn, nhiệm kỳ 17/07/2025 – 30/06/2028.
- Ông Phạm Ngọc Bắc - Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn, nhiệm kỳ 15/07/2025 – 30/06/2028.
- Ông Nguyễn Thanh Tùng - Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn, nhiệm kỳ 15/07/2025 – 30/06/2028.
- Ông Đặng Tùng Sơn – Tổng Giám đốc Tập đoàn, nhiệm kỳ 01/06/2026 – 31/05/2027
- Ông Đặng Tùng Sơn - Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn, nhiệm kỳ 17/07/2025 – 30/06/2028.
- Ông Đặng Văn Tú - Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn, nhiệm kỳ 17/07/2025 – 30/06/2028
- Ông Nguyễn Minh Tuệ - Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn, nhiệm kỳ 17/07/2025 – 30/06/2028.

- Ông Đặng Minh Tuấn - Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn, nhiệm kỳ 23/07/2025 - 30/06/2028.
 - Ông Phó Đức Kiên - Phó Chủ tịch VP Tập đoàn, nhiệm kỳ 23/07/2025 - 30/06/2028
 - Ông Nguyễn Việt Bách - Phó Chủ tịch VP Tập đoàn, nhiệm kỳ 23/07/2025 - 30/06/2028.
 - Ông Lê Anh Linh - Phó Chủ tịch VP Tập đoàn, nhiệm kỳ 23/07/2025 - 30/06/2028
 - Ông Nguyễn Hải Sơn - Phó Chủ tịch VP Tập đoàn, nhiệm kỳ 23/07/2025 - 30/06/2028.
 - Ông Trần Quốc Chính - Phó Chủ tịch VP Tập đoàn, nhiệm kỳ 23/07/2025 - 30/06/2028.
 - Ông Lê Anh Tuấn - Phó Chủ tịch VP Tập đoàn, nhiệm kỳ 23/07/2025 - 30/06/2028.
 - Ông Nguyễn Hữu Quỳnh - Phó Chủ tịch VP Tập đoàn, nhiệm kỳ 01/05/2026 - 30/06/2028.
 - Ông Nguyễn Cao Cường - Phó Chủ tịch VP Tập đoàn, nhiệm kỳ 01/05/2026 - 30/06/2028.
- ❖ **Trường hợp miễn nhiệm:**
- Ông Phạm Ngọc Bắc – miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn kể từ ngày 11/5/2026.
 - Ông Lê Anh Linh – miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch VP Tập đoàn kể từ ngày 13/6/2026.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tính đến ngày 31/3/2026, quy mô nhân sự của Tập đoàn đạt **5.825 người**, nguồn nhân lực tăng 13% so với thời điểm ngày 31/3/2025.

ĐVT: người

TT	Khối	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	% Tăng trưởng	% Hoàn thành
1	Khối Hạ tầng số	1.497	1.347	1.472	11%	102%
2	Khối Công nghệ & Giải pháp	879	817	1.055	8%	83%
3	Khối Kinh doanh toàn cầu	3.099	2.662	3.009	16%	103%
4	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	237	234	255	1%	93%
5	Kinh doanh khác	113	113	132	0%	86%
6	Tổng	5.825	5.173	5.923	13%	98%

- ❖ **Thu nhập bình quân: 31.000.000 đồng/người/tháng.**
- ❖ **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**
Không có.

❖ **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy định nội bộ nhằm bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và môi trường làm việc an toàn cho người lao động. Trong năm, Công ty đã thực hiện rà soát và cập nhật nhiều quy định quan trọng, bao gồm: Quy định định mức danh mục phúc lợi cho Ban lãnh đạo Tập đoàn; Quy định đánh giá tháng, năm và chi trả thưởng đánh giá tháng, thu nhập tháng; Quy chế thi đua khen thưởng, Quy định đào tạo, Quy trình quản lý hợp đồng.
- Tiếp tục triển khai và mở rộng chương trình Bảo hiểm sức khỏe (CMC-care), kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV toàn Tập đoàn.
- Chương trình phát hành cổ phần (ESOP) cho cán bộ nhân viên nhằm gắn kết hiệu quả làm việc với lợi ích chung của Công ty, nâng cao quyền lợi và tạo động lực gắn bó của CBNV đối với Tập đoàn.
- Tối ưu hiệu quả chính sách phúc lợi, nâng cao sự hài lòng của CBNV thông qua các phúc lợi dịp Lễ, Tết, sinh nhật Tập đoàn/Công ty, sinh nhật NLĐ, nghỉ mát...
- Môi trường làm việc: không gian sáng tạo, truyền cảm hứng; CBNV có cơ hội gắn kết, trải nghiệm thông qua các hoạt động thể thao, văn hóa nhân dịp lễ Tết và các ngày kỷ niệm.
- Tôn vinh, khen thưởng 61 cá nhân và tập thể có đóng góp xuất sắc vào kết quả chung của Công ty nhân dịp kỷ niệm 33 năm thành lập Tập đoàn.
- Tri ân 90 CBNV với giải thưởng "Cống hiến 10/15/20/25 năm vì sự nghiệp CMC".

❖ **Chính sách đào tạo người lao động:**

- Tổng số giờ đào tạo toàn Tập đoàn trong năm 2025 đạt 90.222 giờ/năm (trong đó: chương trình cho Quản lý, Lãnh đạo: 3.221 giờ; chương trình cho Chuyên gia, chuyên viên, nhân viên: 87.001 giờ).
- Số giờ đào tạo trung bình cho 1 nhân sự/năm: 11,2 giờ/năm.

Các khóa học chính:

- Chương trình phát triển năng lực cho Quản lý và Lãnh đạo: Kỹ năng quản lý cơ bản, Chiến lược chuyển đổi AI-X.
- Chương trình về công nghệ và chuyển đổi AI-X: Chuỗi đào tạo ứng dụng AI trong công việc được triển khai ở cấp Tập đoàn, đơn vị và bộ phận.
- Chương trình phát triển đội ngũ kinh doanh: Năng lực Sản phẩm Dịch vụ One CMC, kỹ năng bán hàng, kỹ năng thuyết trình, tư duy phản biện và các năng lực phục vụ khách hàng.

Ngoài ra, Tập đoàn thường xuyên đào tạo Định hướng nhân viên mới, Văn hóa CMC; các chương trình kỹ năng mềm; chương trình ngoại ngữ; hướng dẫn đào tạo cho giảng viên nội bộ...

Bên cạnh các hoạt động đào tạo tập trung, Tập đoàn tiếp tục chú trọng công tác huấn luyện, kèm cặp, chia sẻ kiến thức và đào tạo tại nơi làm việc nhằm nâng cao năng lực đội ngũ, thúc đẩy văn hóa học tập liên tục và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn chuyển đổi AI-X.

3. Tình hình tài chính năm 2025

3.1. Tài sản và Nguồn vốn:

ĐVT: triệu đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng / Giảm
1	Tài sản	10.451.931	7.677.055	36%
	Ngắn hạn	5.839.626	3.791.499	54%
	Dài hạn	4.612.305	3.885.556	19%
2	Nguồn vốn	10.451.931	7.677.055	36%
	Nợ ngắn hạn	3.975.887	3.056.272	30%
	Nợ dài hạn	2.388.668	943.267	153%
	Vốn chủ sở hữu	4.087.376	3.677.516	11%

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,47	1,24
	Hệ số thanh toán nhanh	1,41	1,15
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,61	0,52
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,56	1,09
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	42,85	32,45
	Vòng quay khoản phải thu	6,43	6,79
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,10	1,13
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần %	5,41%	5,21%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ %	22,19%	20,21%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu %	12,64%	11,61%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản %	4,94%	5,56%

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

4.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 232.954.608 cổ phiếu.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 232.098.008 cổ phiếu.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 856.600 cổ phiếu.
- Số cổ phần đang lưu hành: 232.900.908 cổ phiếu.
- Số cổ phiếu quỹ: 53,700 cổ phiếu.

4.2. Cơ cấu cổ đông:

* Số liệu căn cứ theo danh sách cổ đông lập ngày 15/01/2026:

STT	Phân loại theo tiêu chí cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Phân loại CD theo vị trí địa lý			
1.1	Cổ đông trong nước	12.217	143.933.629	61,79%
1.2	Cổ đông nước ngoài	421	89.020.979	38,21%
2	Phân loại CD theo tỷ lệ sở hữu			
2.1	Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	03	112.528.816	48,31%
2.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phần	12.635	120.425.792	51,69%
3	Phân loại CD theo loại hình sở hữu			
3.1	Cổ đông là tổ chức	87	150.007.718	64,41%
3.2	Cổ đông là cá nhân	12.551	82.893.190	35,59%
4	Phân loại CD theo đại diện sở hữu			
4.1	Cổ đông nhà nước	0	0	0.00%
4.2	Cổ đông khác	12.638	232.954.608	100%

4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm tài chính 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC có sự thay đổi về vốn cổ phần:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2024: 2.113.396.070.000 VND
- Vốn đầu tư tăng thêm: 216.150.010.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2025: 2.329.546.080.000 VND

Lý do thay đổi: Công ty tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.

4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm tài chính 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC thực hiện 01 đợt mua lại cổ phiếu ESOP của các CBNV nghỉ việc theo quy chế phát hành ESOP.

Số lượng CP mua lại làm CP Quỹ: 17.900 cổ phiếu.

4.5. Các chứng khoán khác:

Trong năm tài chính 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC thực hiện 01 đợt chào bán và phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ.

Tổng khối lượng trái phiếu chào bán: 12.500 trái phiếu.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

5.1. Tác động lên môi trường:

Hệ thống văn phòng làm việc của phần lớn các công ty thành viên của Tập đoàn CMC đều tập trung tại tòa nhà CMC Tower, số 11 Duy Tân, phường Cầu Giấy, Hà Nội và tòa nhà CCS đặt tại Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh.

CMC luôn ý thức mô hình văn phòng xanh không chỉ giúp Công ty đạt được những hiệu quả nhất định trong việc tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí vận hành văn phòng mà còn góp phần nâng cao nhận thức về môi trường cho CBNV.

5.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Chỉ số tiêu thụ năng lượng trực tiếp của tòa nhà CMC Tower và tòa nhà CCS trong năm 2025 chi tiết như sau:

Tổng năng lượng điện sử dụng (phân loại theo từng nguồn):

- Tòa nhà CMC Tower: 20.435.926 kW
- Tòa nhà CCS: 1.432.560 kW

Nguồn điện cho tòa nhà CMC Tower được cung cấp từ Công ty Điện lực Cầu Giấy. Nguồn điện cho tòa nhà CCS được cung cấp từ Công ty Điện lực Tân Thuận. Nguồn điện phục vụ hoàn toàn cho mục đích vận hành hệ thống kỹ thuật tòa nhà (điều hòa, chiếu sáng công cộng), hoạt động CNTT và sử dụng các thiết bị văn phòng cho CBNV trong tòa nhà.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

❖ *Tòa nhà đã và đang thực hiện đầy đủ trách nhiệm của một cơ sở trọng điểm:*

- Đã xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm và 05 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
- Đã xây dựng chế độ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
- Quyết định thành lập ban quản lý năng lượng theo quy định;
- 03 năm một lần thực hiện việc kiểm toán năng lượng bắt buộc;
- Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở.
- Tòa nhà nhận thức rõ tầm quan trọng của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với Tòa nói riêng và đối với chiến lược phát triển bền vững của Quốc gia nói chung.
- Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật trong việc quản lý các nguồn năng lượng.
- Ưu tiên sử dụng các dạng năng lượng sạch, thân thiện với môi trường, hạn chế sự thất thoát, lãng phí các nguồn tài nguyên và năng lượng.
- Từng bước xây dựng, triển khai hệ thống quản lý năng lượng tại cơ sở.

❖ **Trong năm tài chính 2025, các tòa nhà đã triển khai:**

- Thay thế đèn huỳnh quang bằng đèn LED
- Dán phim cách nhiệt vách kính tầng 19
- Bảo trì định kỳ máy móc
- Tắt thiết bị khi không sử dụng
- Tăng nhận thức cho nhân viên về tiết kiệm năng lượng
- Hướng ứng lễ phát động giờ trái đất.
- Chủ động bật tắt đèn chiếu sáng tầng hầm và ngoại vi để tiết kiệm năng lượng và kiểm soát nhiệt năng, nhất là trong giai đoạn cao điểm hoặc nắng nóng, hanh khô.
- Tối ưu hóa hiệu suất hệ thống điều hòa (HVAC)
- Bảo trì định kỳ nghiêm ngặt hệ thống cơ điện (MEP), đảm bảo thiết bị vận hành ở hiệu suất tối ưu, giảm tổn hao năng lượng.

Là Tập đoàn Công nghệ hàng đầu Việt Nam, CMC luôn ý thức trong tái tạo nguồn năng lượng và giảm lượng khí thải carbon. Việc đầu tư mua năng lượng xanh cũng được Ban Lãnh đạo Tập đoàn đề ra. CMC đặt ra mục tiêu hoạt động hoàn toàn bằng năng lượng không có carbon, giảm lượng phát thải trên toàn bộ chuỗi cung ứng của Tập đoàn. Các giải pháp tiết kiệm năng lượng luôn được CMC đặt lên hàng đầu và nhận được sự hưởng ứng của CBNV.

- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

5.3. Tiêu thụ nước:

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
Nguồn nước sạch cho tòa nhà CMC Tower và CSS lần lượt được cung cấp từ Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Cầu Giấy và KCX Tân Thuận. Nguồn nước được phục vụ hoàn toàn cho việc sinh hoạt của CBNV trong văn phòng tòa nhà, vận hành hệ thống điều hòa trung tâm, và hệ thống chữa cháy tự động.
Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2025 của hai tòa nhà lần lượt là 21.356 m³ (CMC Tower) và 51.120 m³ (CCS).
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

5.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đồng hành với sự phát triển của xã hội, CMC luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao qua các hoạt động thiện nguyện thiết thực, đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghệ thông tin, cũng như thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước:

- **Tháng 09/2025:** Tập đoàn CMC trao tặng 50.000.000 VNĐ cho Quỹ học bổng Nguyễn Hữu Duyên tại xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- **Tháng 11/2025:** Hưởng ứng lời kêu gọi hỗ trợ đồng bào miền Trung - Tây Nguyên khắc phục hậu quả bão số 13, CBNV Tập đoàn Công nghệ CMC đã chung tay quyên góp hơn 1,2 tỷ đồng. Tính đến 15h00 ngày 26/11/2025, tổng số tiền ủng hộ đạt 1.206.410.000 đồng và đã được chuyển tới Ban Vận động Cứu trợ tỉnh Gia Lai cùng Ủy ban MTTQ Việt Nam để kịp thời hỗ trợ người dân vùng bị ảnh hưởng. Đây là minh chứng cho tinh thần “tương thân tương ái”, trách nhiệm cộng đồng và nghĩa cử sẻ chia của Người CMC.
- **Tháng 11/2025:** Hưởng ứng phong trào thi đua “Vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau”, Tập đoàn Công nghệ CMC đã ủng hộ 200 triệu đồng cho Quỹ “Vì người nghèo” TP. Hà Nội tại Chương trình chung tay “Vì người nghèo” và an sinh xã hội năm 2025 do UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam TP. Hà Nội tổ chức ngày 3/11. Thông qua hoạt động này, CMC tiếp tục khẳng định trách nhiệm xã hội, chung tay hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và lan tỏa những giá trị nhân văn tới cộng đồng.
- **Tháng 1/2026:** Tập đoàn CMC ủng hộ gần 50.000.000 VNĐ cho Quỹ Trò nghèo vùng cao (Cơm có thịt) hỗ trợ học sinh nghèo vùng cao Việt Nam có bữa ăn tại lớp nhiều dinh dưỡng hơn, có quần áo ấm, ủng, đồ dùng học tập, sách truyện, thuốc chữa bệnh, ký túc xá, phòng học... và những trợ giúp cần thiết khác.
- **Tháng 1/2026:** Tập đoàn CMC tặng quà Tết thường niên cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại quận Cầu Giấy, Hà Nội với mục đích chia sẻ và chung tay cùng cộng đồng chăm lo đời sống để các em học sinh nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn cải thiện điều kiện cuộc sống trong mỗi dịp Tết Nguyên đán.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Phần I - Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh 2025

1. Thực hiện chỉ tiêu kinh doanh 2025

1.1. Kết quả kinh doanh hợp nhất Tập đoàn năm 2025

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025	% Tăng trưởng	% Hoàn thành
1	Doanh thu thuần	10.554.530	9.018.060	10.810.874	17,0%	98%
	<i>Trong đó: Doanh thu thuần trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	9.560.786	8.202.642	9.827.922	16,6%	97%
2	Lợi nhuận trước Lãi vay, Thuế và Khấu hao phân bổ (EBITDA)	1.178.977	986.941	1.200.368	19,5%	98%
3	Lợi nhuận trước thuế	737.445	582.429	641.762	26,6%	115%
	<i>Trong đó: Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	611.899	501.545	550.039	22,0%	111%
4	Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)	516.833	427.085	463.697	21,0%	111%

* Đánh giá tổng quan:

Năm tài chính 2025 đánh dấu một năm tăng trưởng bền vững của Tập đoàn CMC với các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 10.555 tỷ đồng, tăng 17% so với năm trước; lợi nhuận trước thuế đạt 737 tỷ đồng, tăng 26,6% và vượt kế hoạch năm. Đồng thời, EBITDA tăng 19,5%, phản ánh sự cải thiện về hiệu quả hoạt động và chất lượng tăng trưởng.

Những kết quả này khẳng định năng lực quản trị, khả năng thích ứng trước biến động của thị trường và hiệu quả triển khai chiến lược phát triển của Tập đoàn, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của Tập đoàn CMC trong hành trình hiện thực hóa tầm nhìn trở thành Tập đoàn công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng

đầu khu vực, với nhiều dấu ấn chiến lược trên cả phương diện công nghệ, hạ tầng và mở rộng thị trường quốc tế.

Thứ nhất, CMC được Chính phủ giao 02 nhiệm vụ quốc gia, bao gồm phát triển nền tảng điện toán đám mây CMC Cloud và xây dựng hệ sinh thái AI mở C-OpenAI “Make in Vietnam”. Đây là sự ghi nhận đối với năng lực công nghệ chiến lược, công nghệ lõi của CMC, đồng thời khẳng định vai trò của Tập đoàn trong việc tham gia giải quyết các bài toán chiến lược của quốc gia về hạ tầng số và trí tuệ nhân tạo.

Thứ hai, CMC tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ quy mô lớn, triển khai chiến lược phát triển hệ sinh thái Data Center với mục tiêu tổng công suất 150MW, tổng vốn đầu tư từ 1 - 2 tỷ USD. Trong năm, Tập đoàn được chấp thuận đầu tư CMC Hyperscale Data Center tại TP.HCM và khởi công CMC Creative Space Hà Nội với quy mô đầu tư 300 triệu USD, tạo nền tảng hạ tầng số hiện đại phục vụ chiến lược AI và kinh tế số trong dài hạn.

Thứ ba, CMC tăng tốc chiến lược chuyển đổi AI-X, chính thức thành lập CMC OpenAI (C-OpenAI) nhằm phát triển các mô hình AI và hệ sinh thái AI mở “Make in Vietnam”. Đồng thời, Tập đoàn tiếp tục đồng hành cùng Chính phủ trong thúc đẩy chuyển đổi số và chuyển đổi AI quốc gia thông qua các nền tảng, giải pháp AI phục vụ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân. CMC cũng chủ động nghiên cứu, đề xuất Khung Chuyển đổi AI và Đề án phát triển nền kinh tế AI quốc gia, thể hiện vai trò tiên phong trong kiến tạo động lực tăng trưởng mới cho Việt Nam trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

Thứ tư, chiến lược “Go Global” tiếp tục được đẩy mạnh, với việc mở rộng hiện diện tại Hoa Kỳ và Malaysia, nâng mạng lưới hoạt động lên 09 văn phòng tại 06 quốc gia. CMC đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức và hiệp hội kinh tế hàng đầu thế giới, từng bước đưa các sản phẩm, dịch vụ và hệ sinh thái AI “Made by CMC” ra thị trường quốc tế.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 không chỉ củng cố vị thế của CMC trong lĩnh vực công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, mà còn tạo nền tảng vững chắc để Tập đoàn hiện thực hóa mục tiêu trở thành doanh nghiệp công nghệ toàn cầu, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi AI và phát triển kinh tế số của Việt Nam.

1.2. Kết quả kinh doanh theo từng khối năm 2025

** Doanh thu theo từng khối:*

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	% Tăng trưởng	% Hoàn thành
1	Khối Hạ tầng số	3.969.525	3.417.111	4.074.102	16%	97%
2	Khối Công nghệ & Giải pháp	4.453.309	4.003.614	4.633.431	11%	96%
3	Khối Kinh doanh toàn cầu	1.745.756	1.282.828	1.709.285	36%	102%

4	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	113.283	63.990	112.919	77%	100%
5	Kinh doanh khác	272.655	250.516	281.138	9%	97%
	Tổng	10.554.530	9.018.060	10.810.874	17%	98%
	Kết quả hợp nhất (*)	9.560.786	8.202.642	9.827.922	17%	97%

(*) Là Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ).

*** Lợi nhuận trước thuế (EBT) theo từng khối:**

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	% Tăng trưởng	% Hoàn thành
1	Khối Hạ tầng số	464.031	366.607	425.314	27%	109%
2	Khối Công nghệ & Giải pháp	129.564	87.325	96.667	48%	134%
3	Khối Kinh doanh toàn cầu	147.662	140.436	160.006	5%	92%
4	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	(34.961)	(47.100)	(39.675)	26%	112%
5	Kinh doanh khác	31.149	35.161	(551)	-11%	5854%
	Tổng	737.445	582.429	641.762	27%	115%
	Kết quả hợp nhất (*)	611.899	501.545	550.039	22%	111%

(*) Là Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ).

❖ Khối Hạ tầng số:

Về kết quả kinh doanh năm 2025: Khối Hạ tầng số tiếp tục khẳng định vai trò là nền tảng tăng trưởng quan trọng của Tập đoàn với doanh thu đạt 3.969 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ và hoàn thành 99% kế hoạch năm. Các đơn vị chủ lực gồm CMC Telecom và NetNam duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định lần lượt 17% và 16%, phản ánh nhu cầu ngày càng gia tăng đối với hạ tầng số, dịch vụ kết nối và trung tâm dữ liệu, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển AI và chuyển đổi số của Tập đoàn.

Một số dấu ấn nổi bật năm 2025:

Tiên phong phát triển nền tảng Dữ liệu và AI

Năm 2025, Khối Hạ tầng số chính thức đưa Data & ML trở thành trụ cột sản phẩm thứ 6 trong hệ sinh thái dịch vụ hạ tầng công nghệ, với Data & ML Platform là sản phẩm chiến lược. Nền tảng này cho phép khách hàng xây dựng, huấn luyện, triển khai và

quản trị dữ liệu, mô hình AI/ML trên quy mô lớn, hoàn thiện chuỗi giá trị từ Hạ tầng – Dữ liệu – AI, đồng thời tạo động lực tăng trưởng mới trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng số quy mô lớn

Tiếp tục triển khai chiến lược phát triển hệ thống trung tâm dữ liệu thế hệ mới, hướng tới quy mô 06 Data Center vào năm 2027. Trong đó, CMC đầu tư 02 AI-Hyperscale Data Center tại Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao TP.HCM, với tổng công suất dự kiến 45–50MW, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu hạ tầng AI và điện toán đám mây quy mô lớn của các hyperscaler hàng đầu thế giới như AWS, Google, Microsoft, Meta, Alibaba và ByteDance.

Song song với đó, hệ thống Data Center doanh nghiệp tại Duy Tân, Tân Thuận, SHTP và Tây Hồ Tây dự kiến đạt tổng công suất 18,5MW, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của khối tài chính, cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp.

Nâng cao năng lực hạ tầng AI, đáp ứng nhu cầu tính toán hiệu năng cao với các dòng GPU thế hệ mới như H100/H200, A100 và RTX Pro 6000, hiện đang phục vụ nhiều khách hàng lớn như VinBigData và VNPAY.

Thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

- ❖ Tập đoàn đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và giảm phát thải carbon trong đầu tư, vận hành trung tâm dữ liệu, hướng tới các tiêu chuẩn ESG quốc tế và phát triển bền vững trong dài hạn.

❖ Khối Công nghệ & Giải pháp:

Về kết quả kinh doanh năm 2025: Doanh thu đạt 4.453 tỷ VND, tăng 14% so với cùng kỳ và hoàn thành 98% kế hoạch. Các thị trường trừ khối GOV đều đang có tăng trưởng mạnh mẽ hai con số, trong đó lớn nhất đến từ khối BFSI và SME lần lượt tăng trưởng 13% và 14%, đặt nền móng vững chắc cho việc thực thi kế hoạch 2026, đồng thời chuẩn bị cho giai đoạn chuyển đổi mạnh sang AI-X. Khối GOV giảm 16% so với cùng kỳ do thiếu các dự án trọng tâm.

Một số dấu ấn nổi bật năm 2025:

Nâng cao vị thế trên thị trường công nghệ

Năm 2025, CMC TS tiếp tục khẳng định năng lực công nghệ và vị thế đối tác chiến lược của các hãng công nghệ hàng đầu thế giới như Microsoft, Dell Technologies, NetApp và Fortinet. Đặc biệt, việc trở thành **đối tác nội địa đầu tiên của Microsoft đạt danh hiệu Frontier Partner** đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong năng lực triển khai các giải pháp AI, Cloud và Chuyển đổi số theo tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, Công ty mở rộng hợp tác với nhiều đối tác lớn, tạo thêm động lực tăng trưởng và mở rộng thị trường.

Tăng cường năng lực quản trị và vận hành

CMC TS tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế khi đạt đồng thời hai chứng chỉ **ISO/IEC 20000-1:2018** và **ISO/IEC 27701:2019** trước tiến độ

kế hoạch. Việc chuẩn hóa quy trình, nâng cao chất lượng quản trị và tối ưu vận hành đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

Củng cố nền tảng phát triển dài hạn

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh thương hiệu tuyển dụng, lan tỏa hình ảnh doanh nghiệp công nghệ đổi mới sáng tạo và xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn kết. Các hoạt động cộng đồng, trách nhiệm xã hội và phát triển con người được triển khai hiệu quả, góp phần củng cố nội lực, gia tăng sức mạnh tổ chức và tạo nền tảng cho các mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.

Những kết quả trên đã góp phần nâng cao vị thế thương hiệu, củng cố năng lực cạnh tranh và tạo động lực để CMC TS tiếp tục đồng hành cùng chiến lược phát triển AI, chuyển đổi số và tăng trưởng bền vững của Tập đoàn CMC trong những năm tới.

❖ Khối Kinh doanh toàn cầu:

Về kết quả kinh doanh năm 2025: CMC Global tiếp tục là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của Tập đoàn, với doanh thu đạt 1.745 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ. Đội ngũ gần 3.000 nhân sự công nghệ chất lượng cao không chỉ củng cố năng lực cung cấp dịch vụ toàn cầu mà còn tạo nền tảng để CMC từng bước nâng cao vị thế doanh nghiệp công nghệ Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Một số dấu ấn chiến lược năm 2025 và đầu năm 2026:

Nâng tầm vị thế công nghệ Việt Nam trên trường quốc tế

Năm 2025, Tập đoàn tiếp tục triển khai chiến lược “Global Standard”, từng bước chuẩn hóa năng lực quản trị, chất lượng dịch vụ và tiêu chuẩn triển khai theo thông lệ quốc tế. Những nỗ lực này được ghi nhận thông qua các giải thưởng công nghệ uy tín toàn cầu như Globee Awards for Technology và Asia-Pacific Stevie Awards, khẳng định năng lực đổi mới sáng tạo, trình độ công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong lĩnh vực chuyển đổi số, dữ liệu và giải pháp doanh nghiệp.

Đẩy mạnh chiến lược “Go Global”, mở rộng hiện diện tại các thị trường trọng điểm

Tập đoàn tiếp tục mở rộng hoạt động quốc tế thông qua việc hoàn tất thành lập pháp nhân tại Hoa Kỳ và Malaysia trong năm 2025, đồng thời chính thức khai trương công ty tại **Đức** vào đầu năm 2026. Với mạng lưới hiện diện ngày càng mở rộng tại các thị trường chiến lược, Tập đoàn từng bước khẳng định vị thế doanh nghiệp công nghệ Việt Nam trên bản đồ công nghệ toàn cầu và tạo nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng mới.

Mở rộng hợp tác với các tập đoàn và tổ chức kinh tế hàng đầu thế giới

Thông qua việc tham gia các diễn đàn công nghệ quốc tế lớn tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh, Úc và Đức, đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức uy tín như Keidanren, VADX Japan, AmCham và GBA, Tập đoàn đã mở rộng đáng kể mạng lưới đối tác

chiến lược, gia tăng cơ hội tiếp cận khách hàng toàn cầu và thúc đẩy xuất khẩu dịch vụ công nghệ số “Make in Vietnam”.

Tạo nền tảng cho chiến lược AI-X và hệ sinh thái AI toàn cầu

Các hoạt động mở rộng thị trường và hợp tác quốc tế được triển khai đồng bộ với chiến lược AI-X của Tập đoàn, hướng tới xây dựng hệ sinh thái AI mở dựa trên các sản phẩm và dịch vụ “AI Made by CMC”. Đây là nền tảng quan trọng để Tập đoàn mở rộng quy mô kinh doanh quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 và đầu năm 2026 tiếp tục khẳng định năng lực hội nhập quốc tế, vị thế công nghệ và khát vọng đưa trí tuệ Việt Nam vươn tầm thế giới, tạo động lực tăng trưởng bền vững cho Tập đoàn trong giai đoạn tiếp theo.

❖ Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực

Trường đại học CMC (CMC UNI):

Khẳng định vị thế và quy mô đào tạo

Năm tài chính 2025 đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của Trường Đại học CMC khi tuyển sinh thành công **1.536 sinh viên khóa 4**, tăng gần **90%** so với năm trước, nâng tổng quy mô đào tạo lên gần **4.000 sinh viên**. Nhà trường tiếp tục mở rộng hệ sinh thái đào tạo với **15 ngành và 05 chương trình đào tạo**, đồng thời phát triển mạng lưới hợp tác với hơn **130 doanh nghiệp** nhằm tăng cường đào tạo gắn với thực tiễn và nhu cầu thị trường lao động.

Tiên phong chuyển đổi từ Digital University sang AI University

Năm 2025, Trường Đại học CMC tiếp tục đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi sang mô hình **AI University**, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị và đào tạo thông qua các mô hình lớp học đảo ngược, trợ giảng AI, học tập cá nhân hóa và học liệu số. Nhà trường đã triển khai các chương trình học trực tuyến và blended learning cho **4.714 lượt sinh viên**, đồng thời trở thành một trong hai trường đại học của Việt Nam được mời chia sẻ kinh nghiệm về ứng dụng AI tại **Diễn đàn Chính sách Giáo dục số APEC 2025**.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế

Trường Đại học CMC tiếp tục mở rộng hợp tác với các trường đại học và tổ chức giáo dục hàng đầu thế giới như **Đại học Thanh Hoa** và **Steinbeis University (Đức)**; đồng thời tổ chức thành công Hội nghị khoa học quốc tế **ICAI-IP 2025**, từng bước khẳng định vị thế trong mạng lưới giáo dục đại học công nghệ và đổi mới sáng tạo khu vực.

Nâng cao chất lượng quản trị và tạo nền tảng tăng trưởng dài hạn

Năm 2025 ghi nhận nhiều cột mốc quan trọng khi Trường chính thức nhận **Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học**, hoàn thành mục tiêu chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn giáo dục hiện đại. Kết quả hoạt động tiếp tục tăng trưởng tích cực, **tăng 22% so với cùng kỳ và hoàn thành 108% kế hoạch năm**. Đồng thời, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương thành lập

Phân hiệu Trường Đại học CMC tại TP. Hồ Chí Minh, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Những kết quả đạt được trong năm tài chính 2025 tiếp tục khẳng định vị thế của Trường Đại học CMC là mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tiên phong trong ứng dụng AI và chuyển đổi số, đồng thời là nguồn cung cấp nhân lực chất lượng cao cho chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn CMC.

Viện nghiên cứu ứng dụng Công nghệ CMC (CMC ATI)

Tập đoàn CMC Corporation đã phát triển thành công 25 công nghệ lõi trong các lĩnh vực trọng điểm như Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), An ninh mạng, Blockchain và Thiết kế vi mạch (IC Design). Đây là nền tảng quan trọng giúp CMC xây dựng các sản phẩm, giải pháp công nghệ “Make in Vietnam”, phục vụ hiệu quả cho cả nhu cầu nội bộ và khách hàng doanh nghiệp, cơ quan nhà nước trong tiến trình chuyển đổi số.

Phát triển thiết bị AI Edge “Make in Vietnam”:

CMC ATI đã thiết kế và sản xuất thành công phiên bản 2.0 của CMC AI Camera và AI Box – các thiết bị AI Edge có khả năng xử lý dữ liệu và suy luận AI trực tiếp tại biên, hỗ trợ phân tích thời gian thực mà không phụ thuộc hoàn toàn vào hạ tầng điện toán đám mây. Đồng thời, CMC ATI nghiên cứu và phát triển hệ thống Edge Sovereign AI Server, nền tảng IoT Gateway/AI Box và máy tính nhúng AI tại biên đóng vai trò điều khiển trung tâm cho Robot, UAV, Camera AI và các hệ thống IoT thông minh,... Các giải pháp này giúp tăng cường khả năng xử lý AI cục bộ, bảo mật và làm chủ dữ liệu, hỗ trợ triển khai hiệu quả các bài toán đô thị thông minh, an ninh giám sát, tự động hóa và chuyển đổi số trong doanh nghiệp, cơ quan nhà nước.

Một số kết quả và dự án tiêu biểu gồm:

Công nhận và thành tựu quốc tế:

- Giải pháp chống giả mạo khuôn mặt CIVAMS.FACE-FAS đạt chuẩn quốc tế iBeta Level 1 (ISO/IEC 30107-3).
- Mô hình CATI-VLM đứng Top 1 Việt Nam và Top 12 thế giới ở hạng mục DocVQA (6/2025) của Robust Reading Competition
- Đội thi Vươn Mình (kết hợp giữa CMC ATI và COPENAI) đoạt Giải Nhì tại cuộc thi AI thực chiến.

Thương mại hóa & Triển khai thực tiễn:

- Giải pháp CIVAMS được chọn công bố trên Cổng thông tin điện tử Nghị quyết 57.
- Triển khai các hệ thống an ninh, đô thị thông minh, và xử lý tài liệu cho khối chính phủ, VTV, TH Group, IIG Vietnam và các ngân hàng lớn.

C-OPENAI:

- o CMC đang tiên phong xây dựng hệ sinh thái AI toàn diện xoay quanh bốn trụ cột chính gồm: xử lý hình ảnh, xử lý âm thanh, xử lý ngôn ngữ tự nhiên (LLM) và phân tích dữ liệu. Hệ sinh thái này được phát triển theo định hướng tích hợp đồng bộ giữa hạ tầng, mô hình AI và ứng dụng thực tiễn, hướng tới giải quyết các bài toán phức tạp trong tài chính – ngân hàng, giáo dục, giao thông, an ninh và quản trị doanh nghiệp
- o Trợ lý ảo CLS được chọn công bố trên Cổng thông tin điện tử Nghị quyết 57 của Bộ Chính Trị và Cổng thông tin Bộ Tư Pháp.

1.3. Hoạt động quản trị năm 2025:

Trong năm tài chính 2025, HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị, ban hành tổng cộng 30 nghị quyết với tỷ lệ thông qua nhất quán cao, cụ thể như sau:

- HĐQT thường xuyên rà soát và điều chỉnh chiến lược hoạt động của Công ty nhằm thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của các chính sách quản lý của nhà nước và xu hướng công nghệ của thế giới.
- HĐQT họp thường kỳ hàng quý để nghe báo cáo về kết quả hoạt động của Tập đoàn và kế hoạch kinh doanh của kỳ tiếp theo, phân tích, đánh giá những mặt được và chưa được, đề ra phương án hành động cho quý tiếp theo. Các chỉ đạo kết luận thống nhất trong cuộc họp được ban hành ngay sau đó để BĐH và các đơn vị liên quan kịp thời thực hiện, đồng thời theo dõi báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện.
- Phê duyệt chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- Tổ chức đánh giá các đề án khả thi, dự án đầu tư.
- Tổ chức các hoạt động trao đổi với các chuyên gia để nâng cao năng lực quản trị cũng như cập nhật thông tin về thị trường và kinh tế vĩ mô.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổ chức Tập đoàn; sửa đổi, bổ sung Điều lệ và một số ngành nghề đăng ký kinh doanh của các đơn vị thành viên.
- Phê duyệt bổ nhiệm, điều chỉnh nhiệm kỳ BĐH và tái bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao tại đơn vị thành viên, đảm bảo tính liên tục trong điều hành.
- Chương trình ESOP được tiếp tục triển khai với đợt phát hành cổ phần thứ ba hoàn tất trong năm, kết hợp với công tác xử lý thu hồi cổ phiếu từ người lao động nghỉ việc, bảo đảm tính chặt chẽ và tuân thủ quy chế ESOP của Tập đoàn.
- Thông qua phương án phát hành cổ phần trả cổ tức năm 2024 theo tỷ lệ 10% và ghi nhận kết quả thực hiện đầu năm 2026, đánh dấu việc hoàn tất nghĩa vụ phân phối lợi nhuận cho cổ đông.
- Phê duyệt ngân sách đầu tư cập nhật, xác lập hạn mức tín dụng toàn hệ thống và phê duyệt phương án phát hành trái phiếu phục vụ dự án CMC Starlake.
- Công tác tuân thủ quản trị được duy trì xuyên suốt, bao gồm thông qua chủ trương giao dịch với bên liên quan, phê duyệt chính sách thi đua khen thưởng và điều chỉnh thu nhập Ban Điều hành theo đúng quy định.

1.4. Hoạt động đầu tư năm 2025:

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	% Tăng trưởng	% Hoàn thành
1	Khối Hạ tầng số	625.266	647.621	646.360	-3%	97%
2	Khối Công nghệ & Giải pháp	4.478	10.968	10.026	-59%	45%
3	Khối Kinh doanh toàn cầu	48.766	69.582	206.397	-30%	24%
4	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	43.126	44.726	115.511	-4%	37%
5	Kinh doanh khác	265.916	197.153	742.400	35%	36%
	Tổng	987.552	970.050	1.720.694	2%	57%

- ❖ **Khối Hạ tầng số:** Đầu tư hạ tầng (DC Duy Tân (tầng 4), DC Tân Thuận (tầng 5, một phần tầng 6), đầu tư hạ tầng cho dịch vụ Cloud, mạch 3 CVCS cho hệ thống Backbone); Đầu tư công nghệ (phát triển tính năng Cloud trên nền tảng KVM, VMWare, CMC Endpoint và CMC CA).
- ❖ **Khối Công nghệ & Giải pháp:** Đầu tư vào công nghệ và giải pháp (hệ thống quản lý sản xuất MES; Data, AI cho SAP).
- ❖ **Khối Kinh doanh toàn cầu:** Đầu tư thành lập, góp vốn các pháp nhân tại nước ngoài (Mỹ, Đức, Malaysia); Đầu tư vào công nghệ (nền tảng C-code X), đầu tư hạ tầng (văn phòng, thiết bị TSCĐ).
- ❖ **Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực:** Đầu tư Hạ tầng (nâng cấp hạ tầng trường CMC UNI cơ sở 2, phòng thí nghiệm); Đầu tư DX (Đại học số); Đầu tư Công nghệ (dự án AI camera, Security, Chip).
- ❖ **Kinh doanh khác:** Đầu tư hạ tầng (dự án CCS Hà Nội, dự án Hòa Lạc); Đầu tư công nghệ (dự án CopenAI).

1.5. Tổ chức và nhân sự năm 2025:

Tính đến 31/3/2026, quy mô nhân sự của Tập đoàn đạt **5.825 người**, nguồn nhân lực **tăng 13%** so với thời điểm 31/3/2025.

ĐVT: người

TT	Khối	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	% Tăng trưởng	% Hoàn thành
1	Khối Hạ tầng số	1.497	1.347	1.472	11%	102%
2	Khối Công nghệ & Giải pháp	879	817	1.055	8%	83%

3	Khối Kinh doanh toàn cầu	3.099	2.662	3.009	16%	103%
4	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	237	234	255	1%	93%
5	Kinh doanh khác	113	113	132	0%	86%
6	Tổng	5.825	5.173	5.923	13%	98%

2. Tình hình tài chính năm 2025

2.1. Tài sản và Nguồn vốn:

ĐVT: triệu đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng / Giảm
1	Tài sản	10.451.931	7.677.055	36%
	Ngắn hạn	5.839.626	3.791.499	54%
	Dài hạn	4.612.305	3.885.556	19%
2	Nguồn vốn	10.451.931	7.677.055	36%
	Nợ ngắn hạn	3.975.887	3.056.272	30%
	Nợ dài hạn	2.388.668	943.267	153%
	Vốn chủ sở hữu	4.087.376	3.677.516	11%

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,47	1,24
	Hệ số thanh toán nhanh	1,41	1,15
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,61	0,52
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,56	1,09
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	42,85	32,45
	Vòng quay khoản phải thu	6,43	6,79
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,10	1,13
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần %	5,41%	5,21%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ %	22,19%	20,21%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu %	12,64%	11,61%
	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản %	4,94%	5,56%

Các chỉ tiêu tài chính duy trì theo hướng tích cực, đảm bảo năng lực tài chính và thể hiện hiệu quả hoạt động:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều được cải thiện so với năm 2024, cho thấy khả năng đáp ứng nghĩa vụ ngắn hạn tốt hơn. Tỷ lệ nợ duy trì ở mức hợp lý, đảm bảo an toàn tài chính.
- Chỉ tiêu cơ cấu vốn: Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu tăng so với năm trước, cho thấy việc sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính cho hoạt động của Tập đoàn.
- Chỉ tiêu năng lực hoạt động: Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng, phản ánh khả năng quản lý hàng tồn kho được cải thiện đáng kể, qua đó tối ưu dòng tiền cho Tập đoàn và giảm áp lực vốn lưu động.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu thuần, vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản đều duy trì ổn định, thể hiện Tập đoàn duy trì được hiệu quả kinh doanh bền vững.

2.3. Giải trình ý kiến kiểm toán:

Trong báo cáo tài chính kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ.

Phần II – Kế hoạch kinh doanh năm 2026

1. Định hướng chiến lược

1.1. Mục tiêu Chiến lược cho giai đoạn 2026 - 2030:

- Trở thành tập đoàn toàn cầu, dẫn đầu chuyển đổi AI (Global AI-X company – AI Native Enterprise).
- Doanh thu trên 1 tỷ \$. Quy mô trên 15.000 nhân sự.
- Chuyển dịch mạnh mẽ từ thương mại dịch vụ sang làm chủ nền tảng và sản phẩm công nghệ lõi.
- Phát triển dựa trên 3 trụ cột không tách rời C-OpenAI - C-Product - AI-X, trong đó: C-OpenAI: nền tảng chiến lược, C-Product: động lực tăng trưởng, AI-X: thị trường (GOV, ENT, Industry Vertical) và dẫn dắt chuyển đổi.
- C-OpenAI là tài sản chiến lược quan trọng nhất, phải làm chủ Model, Data, Platform (tập trung AI-OS, LLM tiếng Việt, Agent AI, Multimodal).
- C-Products: Dịch chuyển sang sản phẩm AI cốt lõi, mục tiêu: 20+ sản phẩm, 3 - 5 sản phẩm global, trong đó có 05 flagship: AI Government, AI Office, Agent Platform, AI Data Platform, AI Security.

1.2. Mục tiêu chiến lược các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:

❖ **Khởi Hạ tầng số:**

▪ **CMC Telecom:**

- ✓ Trở thành nhà cung cấp hạ tầng số hàng đầu trong khu vực.
- ✓ Doanh thu 2030: 7.648 tỷ CAGR: +18%.

- ✓ Sản phẩm dịch vụ: Connectivity, Data Center, Cloud, Security & Managed Services.
- ✓ Dẫn đầu về bảo mật cho đa kết nối Secure – Multi Network – Endpoint.
- ✓ Data Center hiện đại, tiêu chuẩn và an toàn nhất Việt Nam.
- ✓ Nền tảng điện toán đám mây quốc gia – TOP1 Cloud Make in Vietnam.
- ✓ Top1 Infrastructure Managed Service.
- ✓ Dẫn đầu về giải pháp bảo mật toàn diện chuẩn quốc tế CCSP/CSSS.

❖ **Khởi Công nghệ & Giải pháp:**

▪ **CMC TS (bao gồm CMC Consulting sau sáp nhập):**

- ✓ Công ty số 1 Việt Nam về Dịch vụ & Giải pháp Chuyển đổi số.
- ✓ Trở thành nhà cung cấp giải pháp quản trị kinh doanh tầm khu vực , với thị trường: VN, APAC, JP, KR.
- ✓ Doanh thu: 11.480B++. CAGR+18%.
- ✓ 2.500+ nhân sự. 5.000+ khách hàng.
- ✓ Thị trường chiến lược: Việt Nam, Nhật Bản, ASEAN, Bắc Mỹ.
- ✓ Tập trung các ngành: GOV, Automotive, BĐS, Manufacturing, BSFI.
- ✓ Sản phẩm dịch vụ: Tư vấn Chuyển đổi số, Tích hợp hệ thống, Dịch vụ CNTT, Sản phẩm & Nền tảng số, Hạ tầng số.
- ✓ Top 3 đối tác AIX cho BSFI tại Việt Nam.
- ✓ Đối tác chuyển đổi số chiến lược cho doanh nghiệp lớn & doanh nghiệp FDI.
- ✓ SAP/ERP, MES, WMS, Data/AI.
- ✓ TOP 1 nền tảng công nghệ cho SME, FDI.
- ✓ Đối tác chuyển đổi số chiến lược cho CPĐT & Dữ liệu.
- ✓ Đối tác dịch vụ công nghệ thông tin và giải pháp toàn cầu đáng tin cậy.

▪ **CMC CS:**

- ✓ Cung cấp nền tảng quản trị an ninh mạng ứng dụng AI hàng đầu Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế.
- ✓ Doanh thu ~505 tỷ đồng. Tăng trưởng dịch vụ 35%/năm, giải pháp Made by CMC 60%/năm.
- ✓ Tỷ trọng: Services | Solutions: 35|65. Tối thiểu 80% recurring revenue.
- ✓ Sản phẩm dịch vụ: Professional Security Services (Pentest/Audit/MSS/MDR/Compliance), Security Solutions, Digital Trust.
- ✓ Dẫn đầu thị trường SME về cung cấp giải pháp Endpoint Security made in Vietnam.
- ✓ #1 Nhà cung cấp Dịch vụ chữ ký số tại Việt Nam.

❖ **Khởi Công nghệ mới - Công nghệ chiến lược:**

- **CMC ATI:** Tạo ra năng lực cạnh tranh cốt lõi cho CMC và Việt Nam, đi đầu trong một số mảng công nghệ:
 - ✓ #1 Computer Vision
 - ✓ AI nền tảng
 - ✓ Edge AI & IoT Security
 - ✓ Blockchain, Agentic KMS
- **CMC OPENAI:**
 - ✓ Thiết kế, xây dựng và phát triển nền tảng AI mở và an toàn, phát triển các mô hình ngôn ngữ lớn, mô hình AI chuyên biệt cho từng lĩnh vực, đồng thời thúc đẩy cộng đồng DN và nhà phát triển xây dựng, phân phối ứng dụng trên nền tảng.

❖ **Khởi Kinh doanh toàn cầu:**

- **CMC Global:**
 - ✓ Công ty cung cấp dịch vụ chuyển đổi AI / chuyển đổi số hàng đầu trong khu vực – TOP AIX/DX Service Provider.
 - ✓ Doanh thu: 6000 tỷ (Doanh thu AIX chiếm 45%). CAGR 2026-2030: 29%.
 - ✓ Quy mô nhân sự: 10,000 người (trong đó nhân sự nước ngoài chiếm 22%).
 - ✓ Thị trường chiến lược: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, APAC, EU/ANZ, Việt Nam.
 - ✓ Tập trung vào các ngành: BFSI, Manufacturing, Retail, Automotive.
 - ✓ Tăng trưởng 50% số lượng khách hàng mới (tập trung Mega/Super Mega Account).
 - ✓ SPDV: Dịch vụ AIX (Agentic AI, Data Analytic, AI Consultancy), Dịch vụ DX (Cloud, DnA, BPA, IoT), dịch vụ truyền thống.
 - ✓ Ứng dụng AI tăng 20% hiệu suất, tự động hóa 50% quy trình.

❖ **Khởi Giáo dục & Phát triển nguồn lực:**

- **CMC UNI**
 - ✓ Trở thành trường đại học số - đại học AI đổi mới sáng tạo đa ngành.
 - ✓ Quy mô đào tạo trên 10.000 sinh viên. Cơ sở đào tạo tại ít nhất 3 tỉnh thành.
 - ✓ Các ngành đào tạo đạt chuẩn quốc tế và gắn với doanh nghiệp và thực tiễn.
 - ✓ Đạt các chuẩn về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học.
 - ✓ Phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao.
 - ✓ Nâng cao hiệu quả tài chính hướng tới đạt điểm cân bằng và bắt đầu có lãi từ năm 2028.
 - ✓ Số hóa 90% quy trình quản trị, đào tạo và nghiên cứu; Tích hợp trên 90% nguồn dữ liệu liên thông; Tích hợp AI.X trên 50% ứng dụng trong toàn trường.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

2.1. Tình hình kinh tế vĩ mô 2026:

Bối cảnh kinh tế vĩ mô năm 2026

Kinh tế toàn cầu: Tăng trưởng chậm, rủi ro vẫn hiện hữu

Năm 2026, kinh tế thế giới tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng thấp hơn giai đoạn trước đại dịch. IMF dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt khoảng 3,0%, trong khi World Bank dự báo khoảng 2,7%. Các nền kinh tế lớn tiếp tục phân hóa với Mỹ tăng trưởng khoảng 1,8%, Eurozone 1,1% và Trung Quốc 4,2%. Môi trường lãi suất cao, căng thẳng địa chính trị và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng tiếp tục là những yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư và thương mại toàn cầu³.

Kinh tế số toàn cầu: AI trở thành động lực tăng trưởng mới

AI đang chuyển từ giai đoạn thử nghiệm sang triển khai quy mô lớn trong doanh nghiệp. Theo McKinsey, AI tạo sinh có khả năng tạo ra 2,6 - 4,4 nghìn tỷ USD giá trị kinh tế mỗi năm trên phạm vi toàn cầu. Quy mô kinh tế số thế giới hiện chiếm khoảng 25 - 30% GDP toàn cầu, tương đương 27 - 32 nghìn tỷ USD, trở thành một trong những động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế thế giới⁴.

Kinh tế Việt Nam: Tiếp tục thu hẹp nhóm tăng trưởng cao trong khu vực

Sau khi đạt mức tăng trưởng trên 7% trong năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2026 với mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 7,0–7,5%. Đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh với kế hoạch vốn ngân sách nhà nước trên 800 nghìn tỷ đồng, trong khi vốn FDI thực hiện duy trì ở mức trên 25 tỷ USD/năm. Tiêu dùng nội địa và xuất khẩu tiếp tục là những động lực quan trọng hỗ trợ tăng trưởng⁵.

Kinh tế số Việt Nam: Tăng trưởng dựa trên AI, Cloud và Dữ liệu

Kinh tế số Việt Nam được dự báo đạt quy mô 110 - 130 tỷ USD, đóng góp khoảng 20 - 22% GDP vào năm 2026. Các lĩnh vực tăng trưởng nhanh nhất bao gồm thương mại điện tử, thanh toán số, điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu (Data Center) và các giải pháp AI doanh nghiệp. Việt Nam cũng đang nổi lên là một trong những thị trường tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á về nhu cầu hạ tầng số và dịch vụ công nghệ⁶.

Năm 2026, kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng ở mức khoảng 2,7 - 3,0% và đối mặt với nhiều bất định từ địa chính trị và thương mại quốc tế. Trong khi đó, Việt Nam duy trì vị thế là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh của khu vực với mục tiêu GDP 7,0 - 7,5%, được hỗ trợ bởi đầu tư công, FDI, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Đặc biệt, kinh tế số dự kiến đóng góp 20 - 22% GDP, trong đó AI, Cloud và Data Center trở thành các động lực tăng trưởng mới, tạo cơ hội lớn cho các doanh nghiệp công nghệ nhưng đồng thời cũng làm gia tăng áp lực cạnh tranh, yêu cầu đầu tư về hạ tầng, dữ liệu và năng lực đổi mới sáng tạo.

³ Nguồn: *IMF World Economic Outlook ; World Bank Global Economic Prospects*

⁴ Nguồn: *McKinsey – Economic Potential of Generative AI ; UNCTAD Digital Economy Report*

⁵ Nguồn: *Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO); Bộ Tài chính Việt Nam; Cổng Thông tin Chính phủ*

⁶ Nguồn: *Google e-Conomy SEA Report; Bộ Khoa học và Công nghệ ; VCCI ; IDC Research*

2.2. Mục tiêu công nghệ, thị trường:

❖ Khối Hạ tầng số:

▪ CMC Telecom:

- ✓ Trở thành nhà cung cấp hạ tầng số hàng đầu trong khu vực.
- ✓ Doanh thu: 4.007 tỷ đồng. Tăng trưởng 17%.
- ✓ Mở rộng backbone CVCS mạch 3, đáp ứng dung lượng, nâng cao trải nghiệm băng thông
- ✓ Lắp đầy các Trung tâm Dữ liệu Hyperscale (DC SHTP), CMC Duy Tân và Tân Thuận: theo tỷ lệ ENT – Hyperscaler 70% - 30%.
- ✓ Làm chủ công nghệ Open Stack, nâng cấp core platform CMC Cloud tương đương Hyperscaler.
- ✓ Ra mắt CCSP/CCSS, hướng tới thị trường Global.

❖ Khối Công nghệ & Giải pháp:

▪ CMC TS (bao gồm CMC Consulting sau sát nhập):

- ✓ Doanh thu 5.273 tỷ đồng, tăng trưởng 16,5%.
- ✓ Made in CMC: ITS, C-Vision, C-AIOffice, C-Green, C-ID, C-GOV, C-Vision (Smart City), C-Health.
- ✓ Top 3 đối tác chuyển đổi số cho BSFI.
- ✓ Đối tác AIX/DX hàng đầu Top 500 doanh nghiệp tại Việt Nam.
- ✓ TOP 1 SME/FDI tại Việt Nam.
- ✓ Đối tác nền tảng số Chính phủ điện tử và dữ liệu Quốc gia.
- ✓ Đối tác công nghệ tin cậy tại thị trường: Asian, Nhật Bản, Bắc Mỹ.
- ✓ Hoàn thiện sản phẩm: MES, Prisma AI, AI Agent for ERP.

▪ CMC CS:

- ✓ Cung cấp nền tảng quản trị an ninh mạng ứng dụng AI hàng đầu Việt Nam, tiêu chuẩn Quốc tế.
- ✓ Doanh thu: 101 tỷ đồng. Tỷ trọng Services | Solutions: 52|48.
- ✓ Tập trung các khối BSFI, ENT, GOV và SME.

❖ Khối Công nghệ mới - Công nghệ chiến lược:

- CMC ATI: Tạo ra năng lực cạnh tranh cốt lõi cho CMC và Việt Nam, đi đầu trong một số mảng công nghệ sau:
 - ✓ #1 Computer Vision
 - ✓ AI nền tảng
 - ✓ Edge AI & IoT Security
 - ✓ Blockchain, Agentic KMS

▪ **CMC OPENAI:**

- ✓ Trở thành nền tảng AI mở, an toàn có chủ quyền do Việt Nam làm chủ, đóng vai trò hạ tầng trí tuệ và lớp AI vận hành cốt lõi cho Chính phủ, doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.
- ✓ Thương mại hoá và mở rộng C-AI Legal.
- ✓ Hoàn thiện sản phẩm: C-OpenAI Platform, C-Open AI Ecosystem.

❖ **Khối Kinh doanh toàn cầu:**

▪ **CMC Global:**

- ✓ Mục tiêu doanh thu: 2.044 tỷ đồng, tăng trưởng chung toàn Công ty > 25%.
- ✓ Mục tiêu nhân sự: 3,500 người.
- ✓ Mục tiêu về thị trường chiến lược: Nhật Bản 326 tỷ đồng (32%), Mỹ 86 tỷ đồng (164%) APAC 463 tỷ đồng (27%).
- ✓ Mục tiêu về Brand name: Xây dựng hình ảnh Công ty chuyển đổi số/chuyển đổi AI hàng đầu khu vực (Global Company)
- ✓ Mục tiêu về key account: tối thiểu 30 account phát KAM chiếm tối thiểu 65% doanh thu.
- ✓ Mục tiêu AI-X: Nâng cấp C-codeX lên version 2.0. Triển khai ứng dụng AI trong hệ thống DX và hệ thống thông tin nội bộ phục vụ hoạt động vận hành back-end.

❖ **Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực:**

▪ **CMC UNI:**

- ✓ Doanh thu: 160 tỷ đồng. Tăng trưởng 41%.
- ✓ Đạt 2.600 sinh viên tuyển mới (1.800 tại Hà Nội, 800 tại TP.HCM).
- ✓ Mở mới 06 chương trình đào tạo, triển khai ≥50 học phần có AI và ≥6.000 lượt học E-learning.
- ✓ Bảo đảm ≥85% hài lòng, dropout ≤5%, 100% OJT/thực tập.
- ✓ Đẩy mạnh DX/AI.X với ≥70% quy trình số hóa.

2.3. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

❖ **Kế hoạch tài chính năm 2026:**

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	% Tăng trưởng
1	Doanh thu thuần	12.604.758	10.554.530	19%
	Trong đó: Doanh thu thuần trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)	11.403.488	9.560.786	19%

2	Lợi nhuận trước Lãi vay, Thuế và Khấu hao phân bổ (EBITDA)	1.384.173	1.178.977	17%
3	Lợi nhuận trước thuế	752.819	737.445	2%
	<i>Trong đó: Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	633.988	611.899	4%
4	Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)	529.950	516.833	3%

Ghi chú: Số liệu cộng ngang kết quả kinh doanh các đơn vị thành viên, trước loại trừ hợp nhất đơn vị liên kết và nội bộ.

❖ **Kế hoạch doanh thu các khối năm 2026:**

ĐVT: triệu đồng

TT No	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	% Tăng trưởng
1	Khối Hạ tầng số	4.676.761	3.969.525	18%
2	Khối Công nghệ và Giải pháp	5.374.279	4.558.387	18%
3	Khối Công nghệ mới – Công nghệ chiến lược	36.475	-	
4	Khối Kinh doanh toàn cầu	2.044.138	1.640.679	25%
5	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	162.337	113.283	43%
6	Kinh doanh khác	310.768	272.655	14%
	Tổng cộng	12.604.758	10.554.530	19%
	<i>Doanh thu thuần trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)</i>	11.403.488	9.560.786	19%

❖ **Kế hoạch lợi nhuận các khối năm 2026:**

Đvt: triệu đồng

TT	Khối kinh doanh	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	% Tăng trưởng
1	Khối Hạ tầng số	524.956	464.031	13%
2	Khối Công nghệ & Giải pháp	133.763	132.032	1%

3	Khối Công nghệ mới – Công nghệ chiến lược	(9.195)	(2.384)	-286%
4	Khối Kinh doanh toàn cầu	158.140	147.578	7%
5	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	(55.856)	(34.961)	-60%
6	Kinh doanh khác	1.011	31.149	-97%
7	Tổng cộng	752.819	737.445	2%
	Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)	633.988	611.899	4%

2.4. Kế hoạch đầu tư năm 2026:

Đvt: Triệu đồng

TT	Khối	Năm 2026	Năm 2025	Tăng trưởng
1	Khối Hạ tầng số	991.000	611.500	62%
2	Khối Công nghệ & Giải pháp	101.773	18.244	458%
3	Khối Công nghệ mới & Công nghệ chiến lược	155.587	42.682	265%
4	Khối Kinh doanh toàn cầu	149.500	48.766	207%
5	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	534.000	18.726	2752%
6	Kinh doanh khác	1.508.809	247.634	509%
	Tổng	3.440.669	987.552	248%

- ❖ **Khối Hạ tầng số:** Dự án đầu tư xây dựng AI Factory; Đầu tư DC Tân Thuận (mở rộng tầng 5, một phần tầng 6); Đầu tư nâng cấp, cải tạo cho các DC hiện hữu (Duy Tân, SHTP), Đầu tư nâng cấp hạ tầng Backbone và mạng lõi quốc tế.
- ❖ **Khối Công nghệ & Giải pháp:** Đầu tư vào công nghệ và giải pháp (Smart Biz (C.Biz), C AI Office, C ID, Prisma AI, hoàn thiện hệ sinh thái Smart Factory, Endpoint security, CMC CA).
- ❖ **Khối Công nghệ mới - Công nghệ chiến lược:** Đầu tư vào công nghệ (C-AI legal, C-AI Platform, AIoT Edge phục vụ smartcity...).
- ❖ **Khối Kinh doanh toàn cầu:** Đầu tư thành lập pháp nhân tại Thái, Anh, Úc, Mexico; Tăng vốn cho các pháp nhân tại thị trường Mỹ, Đức, Malaysia, Hàn Quốc; Đầu tư TSCĐ thiết bị CNTT và văn phòng, Tools; Đầu tư phát triển năng lực công nghệ DX.

- ❖ **Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực:** Triển khai Dự án Tây Mỗ giai đoạn 1, cải tạo cơ sở đào tạo tại CCS Tân Thuận; Đầu tư nâng cấp Đại học số.
- ❖ **Kinh doanh khác:** Bao gồm các khoản đầu tư thực hiện trong năm 2026 đối với CCS Hà Nội (đã được HĐQT thông qua tại NQ số 41/2024/NQ-HĐQT ngày 28/11/2024), Dự án CMC Hòa Lạc (đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ ĐHĐCĐ ngày 27/7/2022), Dự án Hyperscaler Data Center (đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2024/NQ ĐHĐCĐ ngày 25/7/2024) và các dự án công nghệ.

2.5. Kế hoạch nhân sự năm 2026

ĐVT: người

TT	Khối Kinh doanh	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	Tăng trưởng
1	Khối Hạ tầng số	1.671	1.497	12%
2	Khối Công nghệ và Giải pháp	1.282	918	40%
3	Khối Công nghệ mới – Công nghệ chiến lược	226	141	60%
4	Khối Kinh doanh toàn cầu	3.283	2.989	10%
5	Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực	212	167	27%
6	Kinh doanh khác	136	113	20%
	Tổng cộng	6.810	5.825	17%

14/1
 T
 AN
 NG
 C
 H

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Kết quả kinh doanh năm 2025:

Năm 2025, HĐQT ghi nhận kết quả kinh doanh hợp nhất khả quan, vượt kế hoạch ở các chỉ tiêu lợi nhuận. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 611,9 tỷ đồng, hoàn thành 111% kế hoạch, tăng trưởng 22% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 516,8 tỷ đồng, hoàn thành 111% kế hoạch, tăng trưởng 21%.

Doanh thu hợp nhất đạt 9.560,8 tỷ đồng, tăng trưởng 17% so với cùng kỳ, tiếp tục duy trì đà mở rộng quy mô hoạt động ở mức hai chữ số. Đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận vượt tốc độ tăng trưởng doanh thu, cho thấy biên lợi nhuận được cải thiện rõ rệt và chất lượng tăng trưởng được nâng cao.

Nhìn chung, kết quả thực hiện năm 2025 phản ánh sự tăng trưởng bền vững và hiệu quả vận hành được cải thiện, tạo nền tảng tích cực cho việc triển khai kế hoạch kinh doanh các năm tiếp theo.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tăng trưởng	% Hoàn thành
1. Hợp nhất					
Doanh thu	9,560,786	8,202,642	9,827,922	17%	97%
Lợi nhuận trước thuế	611,899	501,545	550,039	22%	111%
Lợi nhuận sau thuế	516,833	427,085	463,697	21%	111%
2. Công ty mẹ					
Lợi nhuận trước thuế	265,240	261,161	276,572	2%	96%
Lợi nhuận sau thuế	265,182	261,103	276,572	2%	96%

1.2. **Kết quả thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng:**

❖ **CCS Hà Nội**

- Mục tiêu dự án: Phát triển hệ sinh thái tích hợp toàn diện, bao gồm Trung tâm dữ liệu (DC), không gian nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và khu vực hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.
- Quy mô xây dựng: Dự án được xây dựng trên lô đất 11.341 m² tại Khu đô thị Tây Hồ Tây với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 90.095 m². Công trình bao gồm một tòa nhà văn phòng cao 23 tầng tiêu chuẩn hạng B+ và một khối Trung tâm Dữ liệu cao 5 tầng.
- Tiến độ thực hiện: Trong năm 2025, Dự án đã hoàn thành xây dựng 03 tầng hầm, khối văn phòng đã thi công phần kết cấu bê tông đến tầng 7, khối Data Center đã hoàn thành kết cấu bê tông đến tầng 5A.
- Kế hoạch triển khai năm 2026: Dự án tiếp tục triển khai xây dựng trong năm 2026 và dự kiến đủ điều kiện đi vào vận hành trong Quý I/2027.

❖ **CCS Hòa Lạc:**

- Mục tiêu dự án: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ lõi như AI, Big Data, IoT, Cyber Security; ươm mầm các phát minh "Make in Viet Nam" và cung cấp các sản phẩm hạ tầng số, điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Quy mô xây dựng: Xây dựng trên diện tích đất 38.846 m² tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 62.000 m². Quy mô bao gồm: khối hạ tầng số công nghệ cao và khối trung tâm nghiên cứu R&D.
- Tiến độ thực hiện: Trong năm 2025, Công ty chủ yếu triển khai các hoạt động về pháp lý dự án (bao gồm Quy hoạch 1/500; triển khai các thủ tục về đất đai)
- Kế hoạch triển khai năm 2026: Dự án dự kiến được cấp giấy phép xây dựng và dự kiến đủ điều kiện khởi công trong tháng 8/2026; hoàn thành giai đoạn 1 của dự án trong năm 2027.

❖ **Dự án Hyperscale Data Center:**

- Mục tiêu dự án: Xây dựng trung tâm dữ liệu siêu quy mô theo tiêu chuẩn Uptime Tier 3+ nhằm dẫn dắt chiến lược chuyển đổi AI – Go Global và cung cấp hạ tầng siêu dữ liệu tiên tiến.
- Quy mô xây dựng: Dự án triển khai tại Khu Công nghệ cao TP.HCM (SHTP) trên diện tích đất 3 ha với tổng vốn đầu tư hơn 7.677 tỷ đồng. Quy mô bao gồm hạ tầng trung tâm dữ liệu công suất lớn từ 30 MW đến 100 MW và một tòa nhà văn phòng cao 16 tầng.
- Tiến độ thực hiện: Trong năm 2025, Dự án đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư từ tháng 6/2025 và hoàn tất thủ tục ký quỹ dự án vào tháng 11/2025. Tập đoàn đang triển khai các thủ tục pháp lý về quy hoạch và đất đai trong năm 2026.
- Kế hoạch triển khai năm 2026: Dự án dự kiến sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp phép xây dựng trong tháng 12/2026 và hoàn thành giai đoạn 1 của dự án trong năm 2027.

❖ **Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học CMC:**

- Mục tiêu dự án: Xây dựng mô hình đại học số/đại học AI kiểu mẫu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, hướng tới quy mô 10.000 sinh viên vào năm 2028.
- Quy mô xây dựng: Dự án tọa lạc tại phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm với diện tích đất 1,89 ha và tổng mức đầu tư dự kiến 577 tỷ đồng. Quy mô bao gồm hệ thống khối nhà hiệu bộ, giảng đường và các khu chức năng phục vụ đào tạo, nghiên cứu ứng dụng.
- Tiến độ thực hiện: Dự án đã hoàn thành các thủ tục pháp lý và có thông báo khởi công vào tháng 4/2026.
- Kế hoạch triển khai năm 2026: Dự án triển khai xây dựng trong năm 2026 vào dự kiến đủ điều kiện đi vào vận hành từ tháng 6/2027.

1.3. Thành tựu - Giải thưởng:

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của CMC trên hành trình hiện thực hóa tầm nhìn “A Global AI-X Company”. Bên cạnh những thành tựu về mở rộng thị trường quốc tế, phát triển hạ tầng dữ liệu – AI và hệ sinh thái công nghệ Make in Vietnam, CMC tiếp tục được ghi nhận bởi nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế, khẳng định năng lực công nghệ, vị thế thương hiệu và chất lượng quản trị.

❖ **Các giải thưởng tiêu biểu gồm:**

- Top 10 Thương hiệu Việt Nam vươn mình 2025.
- Chủ tịch Nguyễn Trung Chính được vinh danh Top 10 Doanh nhân xuất sắc 2025.
- CMC Global giành Gold Globee Award 2025 hạng mục SAP Application Services.
- CMC Global giành Silver Globee Award 2025 hạng mục Business Intelligence & Analytics.
- CMC Global nhận Bronze Stevie Award 2025 tại Asia - Pacific Stevie Awards cho mô hình tư vấn chuyển đổi AI AIX-DX Consulting Model.
- CMC Telecom giành giải thưởng Cybersecurity Initiative of the Year tại Asian Telecom Awards 2025.
- CMC Telecom đạt 08 giải thưởng quốc tế tại Cybersecurity Excellence Awards 2025.
- CMC Telecom đồng thời chiến thắng hai hạng mục Best in Data Center và Best in Network Security tại CybersecAsia Readers' Choice Awards 2025.
- Bên cạnh các giải thưởng quốc tế, năm 2025 CMC tiếp tục được ghi nhận trong các bảng xếp hạng Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, khẳng định chiến lược phát triển nguồn nhân lực là một trong những trụ cột quan trọng của tăng trưởng bền vững. Đây cũng là năm CMC đẩy mạnh chiến lược Go Global, mở rộng hiện diện tại Mỹ và Malaysia; khởi công Tổ hợp Không gian Sáng tạo CMC (CCS) tại Hà Nội; được chấp thuận đầu tư dự án Hyperscale Data Center tại TP.HCM; ra mắt C-OpenAI, CMC AI Legal-32B và VLegal-Bench; đồng thời tăng cường hợp tác Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp để phát triển các công nghệ chiến lược phục vụ chuyển đổi AI quốc gia.

- Chuỗi giải thưởng và thành tựu đạt được trong năm 2025 không chỉ phản ánh năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của CMC mà còn tạo nền tảng niềm tin để Tập đoàn mở rộng hợp tác toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành doanh nghiệp chuyển đổi AI quy mô toàn cầu.

1.4. Đóng góp thể hiện trách nhiệm cộng đồng (CSR):

Đồng hành với sự phát triển của xã hội, CMC luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao qua các hoạt động thiện nguyện thiết thực, đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghệ thông tin, cũng như thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước: Trong năm tài chính 2025, CMC đã thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội đa dạng, bao gồm: trao học bổng hỗ trợ giáo dục (Quỹ Nguyễn Hữu Duyên, Quỹ Trò nghèo vùng cao); quyên góp cứu trợ thiên tai (hơn 1,2 tỷ đồng hỗ trợ đồng bào miền Trung - Tây Nguyên sau bão); đóng góp cho các quỹ an sinh xã hội (Quỹ "Vì người nghèo" TP. Hà Nội, 200 triệu đồng); tặng quà Tết cho trẻ em, gia đình khó khăn tại Hà Nội... Các hoạt động này đã thể hiện rõ nét cam kết của CMC trong việc đồng hành cùng cộng đồng và lan tỏa giá trị nhân văn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty

Hội đồng quản trị ghi nhận kết quả hoạt động và nỗ lực của Ban Điều hành trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Tổ chức điều hành hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ hiện hành.
- Triển khai đầy đủ, đúng hạn các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, bảo đảm các chủ trương và định hướng quản trị được thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ hoạt động của các công ty thành viên; thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch theo từng tháng, quý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống.
- Chỉ đạo các đơn vị thành viên triển khai các kế hoạch và giải pháp kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển của Công ty; tập trung phát triển sản phẩm, dịch vụ và mở rộng thị trường, tạo nền tảng cho việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh năm 2026 và các mục tiêu chiến lược đến năm 2028.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các nội dung quản trị trọng yếu khác. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kịp thời xem xét, đánh giá, đưa ra các chỉ đạo và định hướng nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Mục tiêu tài chính:

Năm 2026, Tập đoàn CMC đặt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất đạt 11.403 tỷ đồng (+19% so với thực hiện 2025) và EBITDA đạt 1.384 tỷ đồng (+17%). Lợi nhuận trước thuế hợp nhất mục tiêu 634 tỷ đồng, tăng 4% so với thực hiện năm 2025.

3.2. Định hướng và kế hoạch theo từng khối kinh doanh:

Năm 2026, kế hoạch hành động của các Khối kinh doanh thuộc Tập đoàn CMC được xác định cụ thể như sau:

- ❖ **Khối Hạ tầng số:** Hướng tới vị thế nhà cung cấp hạ tầng số hàng đầu khu vực với mục tiêu doanh thu 4.676 tỷ đồng (tăng trưởng 18%). Trong đó với CMC Telecom là đơn vị chủ lực, đặt mục tiêu doanh thu 4.007 tỷ (tăng trưởng 17%), Mở rộng backbone CVCS mạch 3, đáp ứng dung lượng, nâng cao trải nghiệm băng thông, Lắp đầy các DC SHTP, CMC Duy Tân, và Tân Thuận: theo tỷ lệ ENT – Hyperscaler 70% - 30%, Làm chủ công nghệ Open Stack, nâng cấp core platform CMC Cloud tương đương Hyperscaler, ra mắt CCSP/CCSS, hướng tới thị trường Global.
- ❖ **Khối Công nghệ & Giải pháp:** Mục tiêu đạt doanh thu 5.374 tỷ đồng. Trong đó CMC TS là đơn vị chủ lực với mục tiêu doanh thu là 5.273 tỷ đồng (tăng trưởng 16,5%) tập trung cung cấp các giải pháp "Made in CMC": ITS, C-Vision, C-AIOffice, C-Green, C-ID, C-GOV, C-Vision (Smart City), C-Health, Top 3 đối tác chuyển đổi số cho BSFI, Đối tác AIX/DX hàng đầu Top 500 Doanh nghiệp tại Việt Nam, TOP 1 SME/FDI tại VN, Đối tác nền tảng số Chính phủ điện tử & Dữ liệu Quốc gia, Đối tác Công nghệ tin cậy tại thị trường: Asian, Nhật, Bắc Mỹ. .
- ❖ **Khối Công nghệ mới - Công nghệ chiến lược:** Trở thành nền tảng AI mở, an toàn, có chủ quyền do Việt Nam làm chủ, đóng vai trò hạ tầng trí tuệ và lớp AI vận hành cốt lõi cho Chính phủ, doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, Thương mại hoá và mở rộng C-AI Legal, Hoàn thiện sản phẩm: C-OpenAi Platform C-Open AI Ecosystem.
- ❖ **Khối Kinh doanh toàn cầu:** Thúc đẩy mạnh mẽ chiến dịch "Go Global" nhằm đạt mục tiêu doanh thu 2.044 tỷ đồng (tăng trưởng >25%) với quy mô 3.500 nhân sự, tập trung bứt phá tại các thị trường trọng điểm gồm Nhật Bản, Mỹ và APAC. Xây dựng hình ảnh Công ty chuyển đổi số/chuyển đổi AI hàng đầu khu vực (Global Company), tối thiểu 30 account phát KAM chiếm tối thiểu 65% doanh thu, Nâng cấp C-codeX lên version 2.0. Triển khai ứng dụng AI trong hệ thống DX và hệ thống thông tin nội bộ phục vụ hoạt động vận hành back-end.
- ❖ **Khối Giáo dục & Phát triển nguồn lực:** Kỳ vọng đạt doanh thu 160 tỷ đồng (tăng trưởng 41%), tuyển mới 2.600 sinh viên tại Hà Nội và TP. HCM, mở mới 06 chương trình đào tạo, triển khai ≥50 học phần có AI và ≥6.000 lượt học E-learning, Bảo đảm ≥85% hài lòng, dropout ≤5%, 100% OJT/thực tập, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng AI/DX vào quy trình đào tạo với tỷ lệ số hóa đạt trên 70%.

3.3. Quản trị điều hành:

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tiếp tục tập trung hoàn thiện công tác quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và củng cố năng lực tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty duy trì triển khai các chương trình đào tạo nội bộ, trong đó có chương trình Mini MBA, nhằm nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng điều hành và khả năng thích ứng với các xu hướng công nghệ mới của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch HĐQT	2,500,551	1,18%
2	Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	4,862,063	2,30%
3	Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	3,453,867	1,63%
4	Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Kwon Oh Soo	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%
7	Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%
8	Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%
9	Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

a. Ban kiểm toán nội bộ:

- Lập kế hoạch cho các hoạt động kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro ở cấp Tập đoàn và Công ty thành viên căn cứ vào chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh.
- Thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm toán nhằm đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các số liệu, thông tin, tài liệu được kiểm tra; tính hiện hữu và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn và các Công ty thành viên.
- Thực hiện giám sát sự tuân thủ của bộ máy quản trị theo các quy chế, quy định và quy trình của Tập đoàn và các Công ty thành viên.
- Đề xuất và tư vấn giải pháp, biện pháp để khắc phục sai sót, vi phạm, cải tiến và hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, hệ thống Quản trị rủi ro nhằm đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và các Công ty thành viên.
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, năng lực tổ chức, hệ thống quy trình nội bộ, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên.

b. Văn phòng Hội đồng Quản trị:

- Giúp việc cho HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty trong việc tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường, lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản khi cần thiết.
- Soạn thảo và ban hành các văn bản, tài liệu của HĐQT tuân thủ các quy chế hoạt động nội bộ, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định khác.
- Đóng vai trò đầu mối phụ trách công tác quan hệ cổ đông và quản lý cổ phần cổ phiếu của công ty. Văn phòng Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chính trong việc phối hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
- Văn phòng HĐQT cũng là kênh liên lạc giữa HĐQT, Ban kiểm soát với Ban Điều hành và các ban chức năng của Công ty.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm tài chính 2025, HĐQT đã thực hiện 04 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 30 nghị quyết. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	03/2025/NQ-HĐQT	09/04/2025	Phương án thu hồi cổ phiếu của CBNV mua Cổ phiếu ESOP nghỉ việc trong giai đoạn từ khi phát hành đến tháng 03/2025	9/9
2	04/2025/NQ-HĐQT	23/04/2025	Điều chỉnh Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	9/9
3	05/2025/NQ-HĐQT	05/05/2025	Họp Hội đồng quản trị thường kỳ Quý 1 năm 2025	9/9
4	06/2025/NQ-HĐQT	23/05/2025	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung ủy quyền triển khai thực hiện dự án đầu tư CMC Starlake	7/8
5	07/2025/NQ-HĐQT	02/06/2025	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	9/9
6	08/2025/NQ-HĐQT	02/06/2025	Phê duyệt hạn mức sử dụng tín dụng cho toàn Tập đoàn Công nghệ CMC tại các Tổ chức tín dụng	9/9
7	09/2025/NQ-HĐQT	09/06/2025	Thông qua Chủ trương thực hiện giao dịch với bên liên quan trong năm 2025	8/8
8	10/2025/NQ-HĐQT	11/06/2025	Phê duyệt ngân sách đầu tư cập nhật năm 2025	9/9
9	11/2025/NQ-HĐQT	17/06/2025	Triển khai phương án phát hành cổ phần đợt 3 theo Chương trình ESOP	9/9
10	12/2025/NQ-HĐQT	17/06/2025	Chuyển nhượng cổ phần CMC Telecom mà CMC Corp đang sở hữu	7/9

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	13/2025/NQ-HĐQT	15/07/2025	Phê duyệt đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung điều lệ CMC TS	9/9
12	14/2025/NQ-HĐQT	17/07/2025	Bổ nhiệm nhân sự chủ chốt và điều chỉnh nhiệm kỳ các thành viên Ban Điều hành Công ty	9/9
13	15/2025/NQ-HĐQT	08/07/2025	Thông qua Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	9/9
14	16/2025/NQ-HĐQT	14/08/2025	Thông qua kết quả phát hành cổ phần đợt 3 theo Chương trình ESOP	8/9
15	17/2025/NQ-HĐQT	15/08/2025	Họp Hội đồng quản trị thường kỳ Quý 2 năm 2025	9/9
16	18/2025/NQ-HĐQT	22/09/2025	Phương án chia Quỹ thưởng năm 2024 cho HĐQT và BKS	9/9
17	19/2025/NQ-HĐQT	08/10/2025	Mua lại cổ phần CMC Telecom mà CMC TS sở hữu	8/9
18	20/2025/NQ-HĐQT	23/10/2025	Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu triển khai dự án CMC Starlake	7/9
19	21/2025/NQ-HĐQT	31/10/2025	Phê duyệt đề xuất sửa đổi (lần 1) Quy chế Thi đua khen thưởng tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	9/9
20	22/2025/NQ-HĐQT	05/11/2025	Phê duyệt điều chỉnh thu nhập đối với các thành viên Ban điều hành CMC Corp năm 2025	8/9
21	23/2025/NQ-HĐQT	05/11/2025	Họp Hội đồng quản trị thường kỳ Quý 3 năm 2025	9/9
22	24/2025/NQ-HĐQT	18/12/2025	Phê duyệt việc tái bổ nhiệm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	9/9
23	25/2025/NQ-HĐQT	23/12/2025	Phương án phát hành cổ phần trả cổ tức cho năm tài chính 2024	9/9
24	01/2026/NQ-HĐQT	29/01/2026	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024	9/9
25	02/2026/NQ-HĐQT	09/02/2026	Điều chỉnh phương án thành lập Công ty TNHH CMC Investment	7/9
26	03/2026/NQ-HĐQT	10/02/2026	Họp Hội đồng quản trị thường kỳ Quý 4 năm 2025	9/9

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
27	04/2026/NQ HĐQT	02/03/2026	Cập nhật ngành nghề, địa chỉ trụ sở và sửa đổi Điều lệ Công ty TNHH CMC Global	9/9
28	05/2026/NQ HĐQT	18/03/2026	Thông qua Chủ trương thực hiện giao dịch với bên liên quan trong năm 2026	7/9
29	06/2026/NQ HĐQT	23/03/2026	Cập nhật ngành nghề, địa chỉ trụ sở và sửa đổi Điều lệ Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC và Công ty TNHH CMC Consulting	9/9
30	07/2026/NQ HĐQT	25/03/2026	Tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	9/9

1.4. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập:

Trong năm tài chính 2025, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty đã tham dự đầy đủ các cuộc họp thường kỳ hàng Quý và cho ý kiến đối với các Nghị quyết được thông qua dưới hình thức xin ý kiến bằng văn bản.

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	9.020	0,00%
2	Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	604.359	0,29%
3	Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0,00%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

❖ Các phiên họp của Ban Kiểm soát:

Phiên họp	Số lượng thành viên tham dự	Nội dung / Kết luận
Phiên 01 28/11/2025	03/03	Thẩm định Báo cáo tài chính Bán niên 2025 của CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC
Phiên 2 19/06/2026	03/03	Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC

Ngoài ra, Ban Kiểm soát tham dự và tham gia thảo luận trực tiếp tại 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2025 về đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư hàng quý và kế hoạch cho các quý tiếp theo bao gồm:

Phiên họp	Số lượng thành viên tham dự
Phiên 1: 05/05/2025	03/03
Phiên 2: 15/08/2025	03/03
Phiên 3: 05/11/2025	03/03
Phiên 4: 10/02/2026	03/03

❖ Các hoạt động chính của Ban kiểm soát năm 2025:

- Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Điều hành (BDH) theo Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch, kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trong tập đoàn CMC và triển khai các công tác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét, đánh giá định kỳ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo quản trị, báo cáo tài chính 06 tháng và báo cáo năm 2025 của Công ty.
- Xem xét, đánh giá các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
- Phối hợp làm việc với bộ phận Kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm soát tuân thủ để rà soát và đánh giá hiệu quả, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty và đưa ra các kiến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung và nâng cao các hệ thống này.

❖ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban Kiểm soát được nhận đầy đủ thông tin, báo cáo theo quy định từ Ban Điều hành, Hội đồng quản trị.

- Ban Kiểm soát tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Điều hành thường xuyên trao đổi thông tin cần thiết để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình.

❖ **Hoạt động khác của BKS (nếu có):** Không.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

3.1. Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

ĐVT: VND

TT	Họ tên	Chức danh	Thu nhập (*)
			Năm 2025 (**)
1	Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch HĐQT/ Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	1.194.517.686
2	Ông Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT	305.154.270
3	Ông Kwon Oh Soo	Thành viên HĐQT	229.836.180
4	Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	305.154.270
5	Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	305.154.270
6	Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	305.154.270
7	Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	305.154.270
8	Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	305.154.270
9	Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	305.154.270
10	Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc Tập đoàn	669.571.429
11	Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn / Giám đốc Quản trị Tập đoàn	618.000.000
12	Ông Nguyễn Minh Tuệ	Phó Chủ tịch SVP Tập đoàn / Giám đốc Tài chính Tập đoàn	1.344.780.696
13	Bà Mai Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	827.875.678
14	Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	1.108.994.597
15	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	141.594.597
TỔNG CỘNG			8.271.250.753

(*) Bao gồm lương, thù lao, tiền thưởng (trong đó thù lao, tiền thưởng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025).

(**) Số liệu được trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch HĐQT / Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	2.165.151	1,02%	2.500.551	1,183%	Mua cổ phiếu Mua CP ESOP
2.	Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc Tập đoàn	62.800	0,03%	72.200	0,034%	Mua CP ESOP
3.	Ngô Trọng Hiếu	Phó chủ tịch Điều hành Tập đoàn	59.767	0,028%	90.867	0,043%	Mua CP ESOP
4.	Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch EVP Tập đoàn / Giám đốc Quản trị Tập đoàn	147.340	0,07%	160.840	0,076%	Mua CP ESOP
5.	Nguyễn Minh Tuệ	Giám đốc Tài chính Tập đoàn	17.430	0,01%	26.030	0,012%	Mua CP ESOP
6.	Đặng Tùng Sơn	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn / Giám đốc chiến lược Tập đoàn	36.744	0,017%	57.944	0,027%	Mua CP ESOP
7.	Phó Đức Kiên	Phó Chủ tịch Tập đoàn	21.521	0,01%	44.221	0,021%	Mua CP ESOP
8.	Mai Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm Soát	0	0%	8.200	0,004%	Mua CP ESOP
9.	Tạ Hoàng Linh	Thành viên BKS	598.159	0,0283%	604.359	0,285%	Mua CP ESOP
10.	Nguyễn Hồng Phương	Kế toán trưởng	0	0%	4.800	0,002%	Mua CP ESOP

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Trong năm 2025, có các giao dịch giữa CMC với các công ty thành viên trong tập đoàn (do thành viên Hội đồng quản trị của CMC đồng thời giữ vị trí Chủ tịch, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý của công ty thành viên). Đây là các giao dịch phục vụ hoạt động kinh doanh hằng ngày như: Cho thuê văn phòng; mua, bán hàng hóa dịch vụ...

Thống kê về các giao dịch này được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2025 mục số 31 (từ trang 43 đến trang 50).

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm tài chính 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC đã nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật cũng như quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty đã tiến hành lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 đầy đủ và kịp thời.

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản họp được lập đầy đủ.

Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế hoạt động HĐQT trong việc tổ chức họp, ban hành các Nghị quyết HĐQT; chỉ đạo quản lý, giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện Nghị quyết của HĐQT.

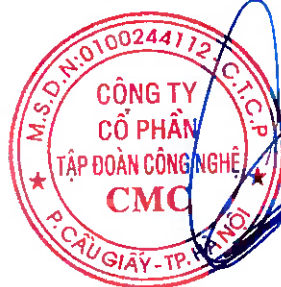
Trong năm tài chính 2026, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị thông qua việc đào tạo đội ngũ nhân sự, liên tục cập nhật các quy định của pháp luật, quy định và khuyến nghị của các Cơ quan có thẩm quyền.

4. Báo cáo tài chính: Chi tiết Báo cáo tài chính hợp nhất Kiểm toán năm 2025 được đính kèm tại Báo cáo này.

Nơi nhận:

- SGDCK HCM/UBCKNN;
- Lưu: VT, VP HĐQT

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT/CHỦ TỊCH ĐIỀU HÀNH**



NGUYỄN TRUNG CHÍNH



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 61

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 28 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2026.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch
Ông Gum Ki Ho	Thành viên
Ông Kwon Oh Soo	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên
Ông Lê Việt Hà	Thành viên
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thu Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2026
Ông Đặng Tùng Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2026
	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn	
	Giám đốc Chiến lược	
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao Tập đoàn	
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2026
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
	Giám đốc Quản trị tập đoàn	
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2025
Ông Phạm Ngọc Bắc	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2026
Ông Đặng Minh Tuấn	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Đặng Văn Tú	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn	
	Giám đốc Công nghệ	
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn	
	Giám đốc Tài chính	
Ông Phó Đức Kiên	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Trần Quốc Chính	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Hải Sơn	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Việt Bách	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2026
Ông Nguyễn Hữu Quỳnh	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2026
Ông Lê Anh Linh	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
		Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2026
Ông Đặng Tùng Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2026
	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn	
	Giám đốc Chiến lược	
Ông Hồ Thanh Tùng (*)	Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao Tập đoàn	
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2026

(*) Người đại diện theo pháp luật đến ngày 19 tháng 6 năm 2026

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Điều hành:

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11887657/68680872 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 6 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 61, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Nguyễn Ngọc Khoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3298-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.839.626.032.047	3.791.498.827.125
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	574.427.232.671	781.437.920.271
111	1. Tiền		574.310.232.671	686.950.920.271
112	2. Các khoản tương đương tiền		117.000.000	94.487.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.792.274.101.133	1.271.526.984.742
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	2.792.274.101.133	1.271.526.984.742
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.057.455.153.331	1.325.869.748.381
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.741.736.596.444	1.185.106.267.547
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	155.610.074.186	83.840.928.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	220.138.759.384	106.368.931.411
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(60.030.276.683)	(49.446.378.821)
140	IV. Hàng tồn kho		232.354.472.245	280.043.610.880
141	1. Hàng tồn kho	9	232.354.472.245	280.043.610.880
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		183.115.072.667	132.620.562.851
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	123.141.607.344	79.654.623.336
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		58.488.955.315	51.693.002.265
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.484.510.008	1.272.937.250

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.612.304.508.104	3.885.556.124.586
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		25.755.201.589	25.969.380.561
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	33	1.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	24.755.201.589	25.969.380.561
220	II. Tài sản cố định		2.572.712.360.666	2.224.006.500.737
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.187.568.543.757	1.795.364.746.583
222	Nguyên giá		4.598.330.266.088	3.839.857.192.420
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.410.761.722.331)	(2.044.492.445.837)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	385.143.816.909	428.641.754.154
228	Nguyên giá		693.524.487.734	703.256.992.083
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(308.380.670.825)	(274.615.237.929)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.258.026.240.240	1.120.806.486.475
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		48.859.938	190.000.000
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.257.977.380.302	1.120.616.486.475
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		320.863.252.391	94.006.298.260
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	100.863.252.391	92.006.298.260
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	220.000.000.000	2.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		434.947.453.218	420.767.458.553
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	418.601.775.931	420.493.252.663
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32.3	16.256.073.603	86.852.731
269	3. Lợi thế thương mại		89.603.684	187.353.159
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.451.930.540.151	7.677.054.951.711

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.364.554.758.311	3.999.539.286.547
310	I. Nợ ngắn hạn		3.975.887.133.178	3.056.272.394.922
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.065.655.802.681	692.588.597.536
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	96.415.285.391	135.109.832.837
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	85.053.211.947	56.021.921.588
314	4. Phải trả người lao động		290.739.232.785	275.462.596.951
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	666.165.636.291	627.587.519.069
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	290.627.076.330	241.948.362.350
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	120.183.675.487	83.336.683.717
320	8. Vay ngắn hạn	20	1.295.206.208.607	898.099.854.141
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	10.993.730.603	6.515.814.267
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	54.847.273.056	39.601.212.466
330	II. Nợ dài hạn		2.388.667.625.133	943.266.891.625
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	24.632.293.444	25.827.536.162
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	17.825.026.727	18.094.076.286
338	3. Vay dài hạn	20	2.319.233.667.714	873.831.927.858
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	24.036.532.237	25.513.351.319
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	2.940.105.011	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.087.375.781.840	3.677.515.665.164
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	4.087.375.781.840	3.677.515.665.164
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.329.546.080.000	2.113.396.070.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.329.546.080.000	2.113.396.070.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.062.540.400	27.062.540.400
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		371.662.664.388	371.662.664.388
415	4. Cổ phiếu quỹ		(537.000.000)	(388.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(14.211.427.730)	(2.329.285.651)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		542.817.282.768	413.313.754.015
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		129.815.818.603	64.673.198.003
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		413.001.464.165	348.640.556.012
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		831.035.642.014	754.797.922.012
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.451.930.540.151	7.677.054.951.711

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2026



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	9.560.786.161.248	8.205.229.536.320
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	(2.587.230.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	9.560.786.161.248	8.202.642.306.320
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(7.831.803.633.730)	(6.705.884.944.661)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.728.982.527.518	1.496.757.361.659
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	135.130.519.653	122.315.749.599
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	28	(125.609.513.135) (99.185.431.600)	(105.879.291.919) (79.345.063.446)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	13	45.882.954.131	35.740.824.930
25	9. Chi phí bán hàng	29	(604.098.028.034)	(536.122.539.742)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(570.553.577.714)	(509.572.722.639)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		609.734.882.419	503.239.381.888
31	12. Thu nhập khác	30	7.642.550.145	6.650.433.510
32	13. Chi phí khác	30	(5.477.982.238)	(8.344.886.293)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	30	2.164.567.907	(1.694.452.783)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		611.899.450.326	501.544.929.105
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.2	(112.712.167.110)	(75.710.949.757)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	17.646.039.957	1.250.712.499

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		516.833.323.173	427.084.691.847
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	24.1	413.001.464.165	348.640.556.012
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24.1	103.831.859.008	78.444.135.835
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.774	1.234
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	1.774	1.234

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2026




Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		611.899.450.326	501.544.929.105
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Chi phí tiền thuê đất phân bổ, khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		430.919.517.980	379.237.036.350
03	Các khoản trích lập dự phòng		15.137.802.341	5.918.976.715
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(11.571.520.470)	(13.266.166.586)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(141.980.580.818)	(117.936.297.066)
06	Chi phí lãi vay	28	99.185.431.600	79.345.063.446
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.003.590.100.959	834.843.541.964
09	Tăng các khoản phải thu		(701.039.867.348)	(7.830.755.697)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		47.689.138.635	(146.825.088.166)
11	Tăng các khoản phải trả		517.374.614.380	532.956.893.838
12	Tăng chi phí trả trước		(45.700.900.104)	(56.437.264.497)
14	Tiền lãi vay đã trả		(98.977.920.251)	(78.088.752.315)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(85.462.920.257)	(70.085.552.844)
			(44.796.316.245)	(67.217.969.232)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		592.675.929.769	941.315.053.051
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(964.882.268.576)	(775.715.546.762)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		406.300.827	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.553.956.319.146)	(1.961.232.090.633)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.815.209.202.755	1.801.766.135.586
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(11.011.632.227)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		87.659.140.915	113.431.084.797
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.626.575.575.452)	(821.750.417.012)

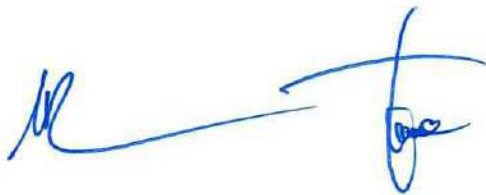
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		5.443.000.000	4.553.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành		(149.000.000)	(806.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		5.073.612.283.567	2.586.019.685.695
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.231.104.189.245)	(2.380.530.681.392)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		(25.753.546.668)	(65.182.540.957)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.822.048.547.654	144.053.463.346
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(211.851.098.028)	263.618.099.385
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		781.437.920.271	510.579.888.457
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.840.410.428	7.239.932.429
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	574.427.232.671	781.437.920.271

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2026



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 28 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2026.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 là: 5.464 (ngày 31 tháng 3 năm 2025: 4.856).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 3 năm 2025: 15 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về công nghệ thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Sản xuất phần mềm và cung cấp dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Consulting	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France (ii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (vi)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (iii)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (iii)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Korea (iii)	Hàn Quốc	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Global Malaysia SDN.BHD (iii) (iv)	Malaysia	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	80,83%	80,83%
Trường Đại học CMC (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	74,47%	92,13%
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	Hà Nội	Hạ tầng số	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC OpenAI (iii) (v)	Hà Nội	Xuất bản phần mềm	99%	99%

(i) Căn cứ Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 10 năm 2025 do Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành, Công ty và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC đã hoàn thành các giao dịch mua bán lại cổ phần tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC trong năm. Theo đó, tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty đang nắm giữ trực tiếp 54,63% cổ phần tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.

(ii) Công ty TNHH CMC Blue France đã tạm dừng hoạt động.

(iii) Tập đoàn gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH CMC Education và Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI.

(iv) Vào ngày 13 tháng 6 năm 2025, Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương – một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, đã thành lập Công ty CMC Global Malaysia SDN.BHD. Hoạt động chính của Công ty CMC Global Malaysia SDN.BHD là cung cấp các dịch vụ phát triển phần mềm, thiết kế phần mềm và các dịch vụ giải pháp công nghệ thông tin cũng như kinh doanh máy tính, phần mềm và thiết bị. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương đã hoàn thành các thủ tục góp vốn vào Công ty CMC Global Malaysia SDN.BHD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (v) Vào ngày 31 tháng 7 năm 2025, Chủ tịch của Công ty Hạ tầng số CMC AI - một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, đã ban hành Quyết định số 01/2025/CMC ADI/QĐ-CT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần CMC OpenAI, với tổng vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần CMC OpenAI là xử lý dữ liệu, cho thuê hạ tầng số và các hoạt động liên quan. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty Hạ tầng số CMC AI đã hoàn thành các thủ tục góp vốn vào Công ty Cổ phần CMC OpenAI.
- (vi) Vào ngày 25 tháng 3 năm 2026, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Quyết định số 04/2026/QĐ-CTHĐQT về việc tăng vốn điều lệ và góp thêm vốn vào Công ty TNHH An Ninh An toàn Thông tin CMC với giá trị là 30.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn thành các thủ tục góp thêm vốn vào Công ty TNHH An Ninh An toàn Thông tin CMC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Vốn chủ sở hữu được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch tại ngày góp vốn;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.7 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Ngoài ra, ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 99 và Thông tư 43 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 và Thông tư 43 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng các thông tư này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2027.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi khác thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị quản lý	2 - 8 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 15 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm
Quyền phát triển dự án	38 năm

3.8 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là từ năm (5) năm đến mười (10) năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Tập đoàn cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa đã cung cấp hoặc đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 05/2022/TT-BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập để chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ sản xuất, gia công phần mềm

Doanh thu cung cấp dịch vụ sản xuất, gia công phần mềm được ghi nhận dựa trên khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng nghiệm thu.

Doanh thu phí thuê bao của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông

Doanh thu phí thuê bao hàng tháng của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê bao của từng khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ cước kết nối dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ cước kết nối dịch vụ viễn thông được ghi nhận khi có phát sinh dịch vụ kết nối, tương ứng với giá trị cước kết nối mà Tập đoàn được hưởng dựa vào biên bản đối soát hàng tháng giữa Tập đoàn và các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông khác.

Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế và được xác nhận bởi khách hàng theo từng hợp đồng tại ngày báo cáo.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê văn phòng

Thu nhập từ tiền cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	6.377.640.465	2.756.519.788
Tiền gửi ngân hàng	567.932.592.206	684.194.400.483
Các khoản tương đương tiền (*)	117.000.000	94.487.000.000
TỔNG CỘNG	574.427.232.671	781.437.920.271

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 2,1%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2025: từ 2,0 đến 4,7%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc đồng thời là giá trị ghi sổ	Giá gốc đồng thời là giá trị ghi sổ
Ngắn hạn		
Tiền gửi ngắn hạn (*)	2.792.274.101.133	1.271.526.984.742
TỔNG CỘNG	2.792.274.101.133	1.271.526.984.742
Dài hạn		
Tiền gửi dài hạn (**)	220.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	220.000.000.000	2.000.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, các khoản tiền gửi ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 1,22%/năm đến 8,80%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2025: từ 3,06%/năm đến 6,45%/năm); và các khoản tiền gửi bằng USD có kỳ hạn gốc 6 tháng, hưởng lãi suất 0%.

(**) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 các khoản tiền gửi dài hạn bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 12 tháng, hưởng lãi suất từ 4,90%/năm đến 6,60%/năm.

Tập đoàn đã sử dụng một số khoản tiền gửi để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay thấu chi, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	1.740.432.399.896	1.182.982.471.804
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	1.304.196.548	2.123.795.743
TỔNG CỘNG	1.741.736.596.444	1.185.106.267.547
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(55.815.956.683)	(45.232.058.821)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	155.529.274.186	83.810.128.244
- Công ty Cổ phần BM Windows	41.198.220.489	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng SOL E&C	34.857.642.243	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Chuyển giao Công nghệ ITC	-	11.711.330.838
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	79.473.411.454	72.098.797.406
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	80.800.000	30.800.000
TỔNG CỘNG	155.610.074.186	83.840.928.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	49.446.378.821	45.642.143.230
Trích lập dự phòng trong năm	10.980.111.132	15.247.990.960
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(396.213.270)	(11.443.755.369)
Số cuối năm	60.030.276.683	49.446.378.821
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)	(55.815.956.683)	(45.232.058.821)
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	(4.214.320.000)	(4.214.320.000)

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Các khoản tạm ứng	94.332.099.122	-	47.072.618.908	-
Lãi dự thu	68.825.407.700	-	22.055.308.021	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Ký quỹ, ký cược	12.573.472.655	-	6.981.555.221	-
Phải thu ngắn hạn khác	40.907.779.907	(714.320.000)	26.759.449.261	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	220.138.759.384	(4.214.320.000)	106.368.931.411	(4.214.320.000)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác	217.924.601.557	(4.214.320.000)	104.042.454.800	(4.214.320.000)
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 33)	2.214.157.827	-	2.326.476.611	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	24.755.201.589	-	25.969.380.561	-
TỔNG CỘNG	24.755.201.589	-	25.969.380.561	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu cước viễn thông quá hạn từ khách hàng	38.398.007.710	10.499.487.868	37.377.329.348	13.998.915.823
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	32.131.756.841	-	28.389.473.840	2.321.508.544
TỔNG CỘNG	70.529.764.551	10.499.487.868	65.766.803.188	16.320.424.367

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.842.377.898	-	1.585.140.413	-
Nguyên liệu, vật liệu và máy móc thiết bị, vật tư chờ lắp đặt vào công trình	101.881.875.236	-	53.729.440.427	-
Công cụ, dụng cụ	11.323.290.676	-	715.353.549	-
Hàng hóa	41.458.251.749	-	94.166.903.005	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	75.848.676.686	-	129.846.773.486	-
TỔNG CỘNG	232.354.472.245	-	280.043.610.880	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	594.480.038.725	2.423.439.360.462	734.247.843.306	77.672.037.237	10.017.912.690	3.839.857.192.420
- Mua trong năm	4.763.766.670	13.493.544.170	1.587.542.091	36.319.515.285	-	56.164.368.216
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	96.020.000	703.824.524.532	9.297.006.044	9.518.042.108	-	722.735.592.684
- Thanh lý, nhượng bán	(830.470.362)	(6.153.250.310)	(52.318.181)	(6.800.218.102)	-	(13.836.256.955)
- Điều chỉnh khác	(5.087.715.435)	(4.184.492.860)	900.508.786	1.781.069.232	-	(6.590.630.277)
Số cuối năm	593.421.639.598	3.130.419.685.994	745.980.582.046	118.490.445.760	10.017.912.690	4.598.330.266.088
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	5.138.716.983	621.045.796.938	358.615.153.573	73.780.470.940	10.017.912.690	1.068.598.051.124
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	125.000.217.979	1.392.171.757.674	448.527.223.828	69.121.585.245	9.671.661.111	2.044.492.445.837
- Khấu hao trong năm	26.948.325.807	299.036.206.471	26.732.528.140	22.651.449.663	346.251.579	375.714.761.660
- Thanh lý, nhượng bán	(100.299.424)	(2.418.211.287)	(32.413.511)	(5.520.017.463)	-	(8.070.941.685)
- Điều chỉnh khác	(69.839.307)	(2.533.311.360)	463.365	1.228.143.821	-	(1.374.543.481)
Số cuối năm	151.778.405.055	1.686.256.441.498	475.227.801.822	87.481.161.266	10.017.912.690	2.410.761.722.331
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	469.479.820.746	1.031.267.602.788	285.720.619.478	8.550.451.992	346.251.579	1.795.364.746.583
Số cuối năm	441.643.234.543	1.444.163.244.496	270.752.780.224	31.009.284.494	-	2.187.568.543.757

Tập đoàn đã sử dụng phần lớn diện tích nhà cửa, vật kiến trúc là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Hà Nội và Tòa nhà "Không gian sáng tạo" tại lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu Chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng cho các công ty con, công ty liên kết trong Tập đoàn sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, một số tài sản cố định hữu hình được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế, quyền khai thác	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm máy tính	Quyền phát triển dự án (*)	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	220.918.832.762	551.086.545	179.818.624.722	266.342.703.401	35.625.744.653	703.256.992.083
- Mua trong năm	-	-	1.002.640.000	-	-	1.002.640.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	4.972.514.453	-	2.028.079.777	7.000.594.230
- Thanh lý, nhượng bán	(14.878.481.455)	-	(935.784.105)	-	-	(15.814.265.560)
- Điều chỉnh khác	43.093.106	-	(1.996.098.625)	-	31.532.500	(1.921.473.019)
Số cuối năm	206.083.444.413	551.086.545	182.861.896.445	266.342.703.401	37.685.356.930	693.524.487.734
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	55.351.938.542	551.086.545	44.247.377.184	-	9.389.081.458	109.539.483.729
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	156.895.093.569	551.086.545	67.097.293.776	25.869.544.147	24.202.219.892	274.615.237.929
- Hao mòn trong năm	5.945.877.063	-	24.595.113.905	7.009.018.511	13.451.604.538	51.001.614.017
- Thanh lý, nhượng bán	(14.878.481.455)	-	(935.784.105)	-	-	(15.814.265.560)
- Điều chỉnh khác	43.093.106	-	(1.496.541.167)	-	31.532.500	(1.421.915.561)
Số cuối năm	148.005.582.283	551.086.545	89.260.082.409	32.878.562.658	37.685.356.930	308.380.670.825
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	64.023.739.193	-	112.721.330.946	240.473.159.254	11.423.524.761	428.641.754.154
Số cuối năm	58.077.862.130	-	93.601.814.036	233.464.140.743	-	385.143.816.909

(*) Đây là giá trị quyền phát triển dự án của Trường Đại học CMC được xác định tại ngày mua các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC và Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu (tên hiện tại là Trường Đại học CMC) vào ngày 21 tháng 2 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" (*)	876.238.003.951	629.748.385.199
Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" (**)	282.597.869.588	291.354.257.944
Giá trị vật tư xây lắp mạng cáp	9.114.239.261	3.935.140.925
Mua sắm tài sản cố định	17.857.230.404	13.616.435.545
Cải tạo văn phòng và xây dựng trung tâm dữ liệu (***)	15.483.250.554	129.935.362.202
Các dự án khác	56.686.786.544	52.026.904.660
TỔNG CỘNG	1.257.977.380.302	1.120.616.486.475

(*) Đây là dự án xây dựng Khu phức hợp văn phòng, trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của Công ty tại Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, Phường Xuân Đình, Thành Phố Hà Nội.

(**) Đây là một phần dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

(***) Đây là các chi phí cải tạo văn phòng và trung tâm dữ liệu mới vận hành tại dự án DC Tân Thuận của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 27 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025: 40 tỷ VND) cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" và Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi lần nhất là lần thứ 15 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 8 năm 2025. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 2, tòa nhà HITC, số 239 Đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 10A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tập đoàn nắm giữ 41,14% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

	Đơn vị tính: VND
	Công ty Cổ phần Netnam
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm, cuối năm	7.258.356.000
Phân lợi nhuận lũy kế sau khi mua trong công ty liên kết:	
Số đầu năm	84.747.942.260
Phân lợi nhuận từ công ty liên kết	48.585.333.690
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.702.379.559)
Cổ tức được chia trong năm	(37.026.000.000)
Số cuối năm	93.604.896.391
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	92.006.298.260
Số cuối năm	100.863.252.391

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.944.010.775	13.504.727.541
Chi phí thuê nhà, thuê cơ sở hạ tầng	9.040.568.359	16.217.575.447
Chi phí cài đặt phần mềm	71.678.030.006	21.287.942.015
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.478.998.204	28.644.378.333
TỔNG CỘNG	123.141.607.344	79.654.623.336
Dài hạn		
Chi phí thuê kênh, thuê server	178.065.670.883	197.487.526.188
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	101.873.372.800	84.806.335.168
Tiền thuê đất trả trước	67.474.343.826	71.579.736.654
Chi phí cải tạo văn phòng	26.074.407.533	26.941.478.514
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.113.980.889	39.678.176.139
TỔNG CỘNG	418.601.775.931	420.493.252.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	1.064.797.132.349	691.892.358.336
- Microsoft Regional Sales Pte. Ltd.	111.216.147.441	51.146.811.391
- Phải trả đối tượng khác	953.580.984.908	640.745.546.945
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	858.670.332	696.239.200
TỔNG CỘNG	1.065.655.802.681	692.588.597.536

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	96.415.285.391	135.102.212.541
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	12.810.247.200	-
- Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	-	21.029.775.250
- Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS	-	15.576.399.141
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	83.605.038.191	98.496.038.150
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 33)	-	7.620.296
TỔNG CỘNG	96.415.285.391	135.109.832.837

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.072.206.837	112.712.167.110	(85.462.920.257)	55.321.453.690
Thuế nhà thầu	4.928.021.226	92.627.970.188	(93.576.558.699)	3.979.432.715
Thuế giá trị gia tăng	10.519.533.164	385.665.273.520	(382.772.337.048)	13.412.469.636
Thuế thu nhập cá nhân	9.633.102.399	155.442.208.317	(155.819.369.427)	9.255.941.289
Thuế khác	2.869.057.962	66.273.642.338	(66.058.785.683)	3.083.914.617
TỔNG CỘNG	56.021.921.588	812.721.261.473	(783.689.971.114)	85.053.211.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê ngoài, mua ngoài	333.802.740.831	387.531.256.863
Chi phí lương thưởng	101.632.649.684	41.451.997.982
Chi phí các dự án tích hợp	96.862.638.294	108.247.442.028
Trích trước giá vốn dịch vụ viễn thông	64.484.153.917	55.967.685.908
Chi phí lãi vay phải trả	34.264.418.045	9.238.411.098
Các chi phí phải trả khác	25.259.114.689	21.857.710.154
Trích trước giá trị tài sản đã hoàn thành	9.859.920.831	3.293.015.036
TỔNG CỘNG	666.165.636.291	627.587.519.069

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	196.779.735.611	161.175.989.859
Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	3.300.284.663	3.422.196.028
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác	90.547.056.056	77.350.176.463
TỔNG CỘNG	290.627.076.330	241.948.362.350
Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	24.632.293.444	25.827.536.162
TỔNG CỘNG	24.632.293.444	25.827.536.162

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.277.669.208	17.395.949.686
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	19.640.518.913	16.717.785.465
Lãi vay phải trả	16.897.432.128	12.404.828.321
Kinh phí công đoàn	4.607.459.801	3.279.531.412
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.306.682.519	1.669.278.842
Các khoản phải trả khác	54.453.912.918	31.869.309.991
TỔNG CỘNG	120.183.675.487	83.336.683.717
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.825.026.726	18.094.076.286
TỔNG CỘNG	17.825.026.726	18.094.076.286
Trong đó		
Phải trả khác cho bên thứ ba	17.467.371.766	17.736.421.326
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	357.654.960	357.654.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay thấu chi ngân hàng ngắn hạn	-	-	482.356.858.780	(420.643.713.039)	61.713.145.741	61.713.145.741
Vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 20.1)	655.121.376.399	655.121.376.399	2.546.870.087.291	(2.331.801.135.036)	870.190.328.654	870.190.328.654
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 20.2)	116.291.767.858	116.291.767.858	38.910.133.644	(116.038.982.678)	39.162.918.824	39.162.918.824
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	126.686.709.884	126.686.709.884	324.171.254.408	(126.718.148.904)	324.139.815.388	324.139.815.388
TỔNG CỘNG	898.099.854.141	898.099.854.141	3.392.308.334.123	(2.995.201.979.657)	1.295.206.208.607	1.295.206.208.607
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 20.3)	791.785.518.570	791.785.518.570	774.348.289.861	(475.541.997.174)	1.090.591.811.257	1.090.591.811.257
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 20.2)	82.046.409.288	82.046.409.288	2.485.057.534	(84.531.466.822)	-	-
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 20.4)	-	-	1.228.641.856.457	-	1.228.641.856.457	1.228.641.856.457
TỔNG CỘNG	873.831.927.858	873.831.927.858	2.005.475.203.852	(560.073.463.996)	2.319.233.667.714	2.319.233.667.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Khoản vay	Ngày 31 tháng 3 năm 2026 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	149.293.567.383	Gốc vay có kỳ hạn 4 đến 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 25 tháng 8 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,0% - 7,2%	Tín chấp.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	144.788.964.188	Gốc vay có kỳ hạn 5 đến 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 22 tháng 9 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	1,3% - 4,4%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	123.648.692.485	Gốc vay có kỳ hạn 4 đến 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 7 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,6% - 7,2%	Tín chấp và hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam.
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	115.495.321.784	Gốc vay có kỳ hạn 4 đến 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 9 tháng 9 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,3% - 5,54%	Tín chấp.
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	108.566.704.716	Gốc vay có kỳ hạn 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 6,5%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	87.870.805.450	Gốc vay có kỳ hạn 2 đến 12 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 3 năm 2027. Lãi vay trả hàng tháng.	4,9% - 7,5%	Tín chấp và hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	63.295.980.430	Gốc vay có kỳ hạn 4 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 7 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	2,0% - 6,5%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank.
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	41.966.464.982	Gốc vay có kỳ hạn 5 đến 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 3 tháng 9 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	5,0% - 7,2%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Khoản vay	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam	24.782.099.090	Gốc vay có kỳ hạn 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 14 tháng 8 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	6,0%	Tín chấp.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.483.063.352	Gốc vay có kỳ hạn 4 đến 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 8 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	7,0%	Tín chấp.
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank	4.998.664.794	Gốc vay có kỳ hạn 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 6,5%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank.
TỔNG CỘNG	870.190.328.654			

20.2 Vay đối tượng khác

Đây là các khoản vay tín chấp từ các cá nhân với thời hạn 1 - 3 năm kể từ ngày giải ngân với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2026. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 6,53% - 7,28%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	(VND)	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	412.387.770.409	412.387.770.409 VND	Kỳ hạn vay 60 tháng. Sau thời gian ân hạn một năm, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Lãi vay được trả hàng tháng. Đáo hạn cuối cùng ngày 27 tháng 4 năm 2028.	6,58% - 6,68%	Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Lô C1A, Cụm Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (nay là Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội).
					Các khoản thu được từ Khu đất theo Hợp đồng thuê đất số 177-2005/TNMTNĐ-HĐĐTĐN ngày 30/11/2005 và các Phụ lục Hợp đồng thuê đất kèm theo tại Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ Phường Cầu Giấy.
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	378.931.891.450	378.931.891.450 VND	Kỳ hạn vay 44 đến 72 tháng. Gốc vay và lãi vay được trả theo kế hoạch trả nợ được ngân hàng thông báo. Đáo hạn cuối cùng ngày 28 tháng 1 năm 2030.	6,48% - 8,40%	Tài sản là máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng và vốn tự có thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC. Máy móc thiết bị được mua từ khoản vay được sử dụng của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.
					Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 2, Lô Vb.27b-28-29 đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận phường Tân Thuận, TP Hồ Chí Minh và toàn bộ tòa nhà "Không gian sáng tạo CMC" được tạo lập trên diện tích đất thuộc Quyền sử dụng đất.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	108.805.432.315	108.805.432.315 VND	Kỳ hạn 72 tháng. Gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Đáo hạn cuối cùng ngày 30 tháng 9 năm 2030.	8,0% - 8,5%	Tài sản là thiết bị viễn thông thuộc dự án DC Tầng 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	(VND)	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	93.561.966.975	93.561.966.975 VND	Kỳ hạn vay 34 đến 72 tháng. Gốc vay và lãi vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Đáo hạn cuối cùng ngày 20 tháng 8 năm 2030.	6,8% - 7,29%	Tài sản là máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng có giá trị là 235 tỷ VND và vốn tự có thuộc sở hữu của Công ty.
					Tài sản là máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng và vốn tự có thuộc sở hữu của công ty với giá trị ước tính là 147 tỷ VND.
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	415.382.857.976	415.382.857.976 VND	Kỳ hạn 72 tháng. Sau thời gian ân hạn một năm, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Lãi vay được trả hàng tháng. Đáo hạn cuối cùng ngày 8 tháng 10 năm 2031.	5,9% - 6,5%	Tài sản là máy móc và thiết bị liên quan đến dự án trung tâm dữ liệu thuộc dự án DC tầng 5.
Ngân hàng Yokohama	5.661.707.520	33.312.000 JPY	Khoản vay theo chương trình hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản thông qua Ngân hàng Yokohama. Khoản vay đáo hạn vào ngày 1 tháng 3 năm 2031. Lãi vay được trả hàng tháng.	1,5%	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	1.414.731.626.645				
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	324.139.815.388				
- Vay dài hạn	1.090.591.811.257				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu phát hành

Đơn vị tư vấn phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.228.641.856.457	Kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 10 năm 2035. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả theo thời hạn quy định trong phương án phát hành trái phiếu, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.	5,5%	Bảo lãnh thanh toán bởi Credit Guarantee and Investment Facility, một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (CGIF). Việc bảo lãnh được bảo đảm bằng (i) phần vốn góp của Công ty sở hữu tại Công Ty TNHH CMC Global, (ii) khoản phải thu và quyền theo hợp đồng hiện có và phát sinh trong tương lai từ "Không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" và (iii) tài khoản dự phòng trả nợ.
TỔNG CỘNG	1.228.641.856.457			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chi phí bảo hành	10.993.730.603	6.515.814.267
TỔNG CỘNG	10.993.730.603	6.515.814.267

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	39.601.212.466	33.643.673.001
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 24.1)	39.872.210.655	43.007.959.848
Sử dụng quỹ trong năm	(24.626.150.065)	(37.050.420.383)
Số cuối năm	54.847.273.056	39.601.212.466

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	4.276.489.467
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 24.1)	23.110.271.191	25.891.059.382
Sử dụng quỹ trong năm	(20.170.166.180)	(30.167.548.849)
Số cuối năm	2.940.105.011	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	1.900.269.960.000	27.062.540.400	371.662.664.388	-	(2.802.521.280)	342.109.659.777	705.845.611.961	3.344.147.915.246
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	348.640.556.012	78.444.135.835	427.084.691.847
- Cổ đồng không kiểm soát góp tăng vốn	-	-	-	-	-	-	430.000.000	430.000.000
- Tăng vốn từ phát hành ESOP	4.123.000.000	-	-	-	-	-	-	4.123.000.000
- Thu hồi cổ phiếu ESOP đã phát hành	-	-	-	(806.000.000)	-	-	-	(806.000.000)
- Hủy cổ phiếu ESOP đã phát hành	(418.000.000)	-	-	418.000.000	-	-	-	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	209.421.110.000	-	-	-	-	(209.421.110.000)	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(29.038.158.328)	(29.038.158.328)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(42.124.292.392)	(883.667.456)	(43.007.959.848)
- Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	(25.891.059.382)	-	(25.891.059.382)
- Tăng khác	-	-	-	-	473.235.629	-	-	473.235.629
Số cuối năm	2.113.396.070.000	27.062.540.400	371.662.664.388	(388.000.000)	(2.329.285.651)	413.313.754.015	754.797.922.012	3.677.515.665.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay								
Số đầu năm	2.113.396.070.000	27.062.540.400	371.662.664.388	(388.000.000)	(2.329.285.651)	413.313.754.015	754.797.922.012	3.677.515.665.164
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	413.001.464.165	103.831.859.008	516.833.323.173
- Cổ đông không kiểm soát góp tăng vốn	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Tăng vốn từ phát hành ESOP (i)	4.443.000.000	-	-	-	-	-	-	4.443.000.000
- Thu hồi cổ phiếu ESOP đã phát hành (ii)	-	-	-	(149.000.000)	-	-	-	(149.000.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (iii)	211.707.010.000	-	-	-	-	(211.707.010.000)	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền (iv)	-	-	-	-	-	-	(26.390.950.345)	(26.390.950.345)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (v)	-	-	-	-	-	(38.703.606.271)	(1.168.604.384)	(39.872.210.655)
- Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ (v)	-	-	-	-	-	(23.110.271.191)	-	(23.110.271.191)
- Ảnh hưởng thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	(9.977.047.950)	(1.034.584.277)	(11.011.632.227)
- Giảm khác	-	-	-	-	(11.882.142.079)	-	-	(11.882.142.079)
Số cuối năm	2.329.546.080.000	27.062.540.400	371.662.664.388	(537.000.000)	(14.211.427.730)	542.817.282.768	831.035.642.014	4.087.375.781.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty số 11/2025/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 8 năm 2025.
- (ii) Công ty đã thực hiện thu hồi cổ phiếu ESOP đối với các nhân viên đã nghỉ việc theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty số 03/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 4 năm 2025 và Thông báo của Công ty số 95/2025/CV-CMC ngày 11 tháng 4 năm 2025.
- (iii) Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty số 25/2025/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 12 năm 2025.
- (iv) Các công ty con của Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của các công ty con.
- (v) Công ty và các công ty con đã thực hiện trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học công nghệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của các công ty con.

24.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Đơn vị tính: cổ phiếu			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của chủ sở hữu	232.954.608	-	211.339.607	-
TỔNG CỘNG	232.954.608	-	211.339.607	-

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	2.113.396.070.000	1.900.269.960.000
Tăng trong năm	216.150.010.000	213.544.110.000
Giảm trong năm	-	(418.000.000)
Số cuối năm	2.329.546.080.000	2.113.396.070.000
Cổ tức đã công bố	238.097.960.345	274.603.650.957
Cổ tức đã trả	237.460.556.668	274.603.650.957
Trong đó:		
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	211.707.010.000	209.421.110.000
Cổ tức trả bằng tiền	25.753.546.668	65.182.540.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phần	Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	232.954.608	211.339.607
Cổ phiếu đã phát hành	232.954.608	211.339.607
Cổ phiếu phổ thông	232.954.608	211.339.607
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(53.700)	(38.800)
Cổ phiếu phổ thông	(53.700)	(38.800)
Cổ phiếu đang lưu hành	232.900.908	211.300.807
Cổ phiếu phổ thông	232.900.908	211.300.807

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	9.721.602	6.968.826
- Đô la Sing (SDG)	5.418	649.440
- Đồng Won Hàn Quốc (KRW)	59.561.719	235.709.890
- Đồng Euro (EUR)	109.534	25.296
- Đô la Úc (AUD)	596.404	-
- Đồng Yên Nhật (JYP)	490.347	195.516.762

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	9.560.786.161.248	8.205.229.536.320
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.932.119.597.611	4.874.774.223.172
Doanh thu bán hàng hóa	3.628.666.563.637	3.330.455.313.148
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(2.587.230.000)
Hàng bán bị trả lại	-	(2.587.230.000)
Doanh thu thuần	9.560.786.161.248	8.202.642.306.320
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	9.545.774.980.111	8.190.542.174.011
Doanh thu đối với bên liên quan	15.011.181.137	12.100.132.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	97.403.240.594	81.966.421.823
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	37.140.690.637	39.800.395.059
Doanh thu tài chính khác	586.588.422	548.932.717
TỔNG CỘNG	135.130.519.653	122.315.749.599

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.522.940.407.062	3.655.719.080.312
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.308.863.226.668	3.050.165.864.349
TỔNG CỘNG	7.831.803.633.730	6.705.884.944.661

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	99.185.431.600	79.345.063.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá	25.569.170.167	26.534.228.473
Chi phí tài chính khác	854.911.368	-
TỔNG CỘNG	125.609.513.135	105.879.291.919

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	386.023.251.055	359.399.153.009
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.161.691.094	6.131.295.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.777.751.167	1.891.822.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.963.533.672	132.302.263.438
Chi phí khác	39.171.801.046	36.398.005.493
TỔNG CỘNG	604.098.028.034	536.122.539.742
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	355.047.102.695	312.745.086.839
Chi phí vật liệu quản lý	43.998.056.149	47.127.027.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.269.557.286	24.023.053.109
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.876.186.971	14.446.438.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.180.474.516	85.651.825.839
Chi phí khác	21.182.200.097	25.579.290.869
TỔNG CỘNG	570.553.577.714	509.572.722.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	7.642.550.145	6.650.433.510
Thu từ thanh lý tài sản	2.600.000	1.024.691.536
Thu nhập khác	7.639.950.145	5.625.741.974
Chi phí khác	5.477.982.238	8.344.886.293
Chi phí thanh lý tài sản	1.308.213.907	795.641.223
Xóa sổ các khoản công nợ	-	726.941.174
Chi phí khác	4.169.768.331	6.822.303.896
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC	2.164.567.907	(1.694.452.783)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	451.692.914.716	507.498.926.430
Chi phí nhân công	2.117.843.823.652	1.638.167.637.698
Chi phí khấu hao và hao mòn	426.814.125.152	375.131.643.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.488.642.335.638	1.869.368.687.005
Chi phí khác	158.600.716.852	188.850.705.728
TỔNG CỘNG	5.643.593.916.010	4.579.017.600.382

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty và các công ty con là 20% tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty TNHH CMC Global: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trong vòng 15 năm kể từ năm thành lập (năm 2017). Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty TNHH CMC Global đang được ưu đãi thuế TNDN với thuế suất bằng 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm;
- ▶ Trường Đại học CMC: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục trong suốt thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	112.712.167.110	75.710.949.757
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(17.646.039.957)	(1.250.712.499)
TỔNG CỘNG	95.066.127.153	74.460.237.258

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	611.899.450.326	501.544.929.105
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	3.899.021.269	(57.216.541.215)
<i>Các điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ	7.439.743.811	7.687.781.751
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa được ghi nhận	63.183.316.840	72.817.809.366
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách	2.495.241.624	1.753.886.225
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập được miễn thuế	(39.163.956.322)	(63.712.094.715)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(30.055.324.684)	(75.763.923.842)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	615.798.471.595	444.328.387.890
Lỗ năm trước chuyển sang	(3.363.095.496)	(33.155.984.421)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	612.435.376.099	411.172.403.469
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	504.583.995.269	345.937.094.101
Thu nhập chịu thuế suất 10%	107.851.380.830	65.235.309.368
Chi phí thuế TNDN hiện hành sau miễn, giảm, điều chỉnh	112.712.167.110	75.710.949.757
Thuế TNDN phải trả đầu năm	28.072.206.837	22.446.809.924
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(85.462.920.257)	(70.085.552.844)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	55.321.453.690	28.072.206.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận từ giao dịch trong nội bộ Tập đoàn chưa thực hiện	16.256.073.603	86.852.731	16.169.220.872	(81.881.783)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	(22.302.289.759)	(23.837.105.184)	1.534.815.425	1.390.590.622
Các chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	(1.734.242.478)	(1.676.246.135)	(57.996.340)	(57.996.340)
	(24.036.532.237)	(25.513.351.319)		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			17.646.039.957	1.250.712.499

32.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và các công ty con của Tập đoàn là Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC, Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC, Công ty TNHH CMC Consulting, Công ty TNHH CMC Đà Nẵng, Trường đại học CMC và Công ty Cổ phần CMC OpenAI có các khoản lỗ lũy kế tổng giá trị là 231 tỷ VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/3/2026	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/3/2026
2022	2027	44.915.100.901	(526.756.491)	44.388.344.410
2023	2028	53.535.356.642	(22.558.123)	53.512.798.519
2024	2029	72.817.809.366	(2.813.780.882)	70.004.028.484
2025	2030	63.183.316.840	-	63.183.316.840
TỔNG CỘNG		234.451.583.749	(3.363.095.496)	231.088.488.253

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với giá trị lỗ lũy kế nói trên do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn và các bên liên quan có giao dịch với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết
Các cá nhân thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành như đã được đề cập ở phần Thông tin chung	Các cá nhân là nhân sự chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.599.898.799	1.639.033.729
	Đặt cọc thuê văn phòng	-	357.654.960
	Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.417.706.300	102.698.636
Công ty Cổ phần Netnam	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.411.282.338	10.461.098.580
	Mua hàng hóa dịch vụ	1.553.744.726	1.551.461.193
	Cổ tức được chia	37.026.000.000	29.326.180.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Tập đoàn bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2026 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (ngày 31 tháng 3 năm 2025: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)			
Công ty Cổ phần Netnam	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.296.672.706	2.009.548.919
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Phải thu cung cấp dịch vụ	7.523.842	114.246.824
TỔNG CỘNG		1.304.196.548	2.123.795.743
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)			
Công ty Cổ phần Netnam	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	80.800.000	30.800.000
TỔNG CỘNG		80.800.000	30.800.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Netnam	Phải thu chi hộ	-	112.318.784
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Phải thu khác	2.214.157.827	2.214.157.827
TỔNG CỘNG		2.214.157.827	2.326.476.611
Phải thu về cho vay dài hạn (Mã số 215)			
Ông Đặng Văn Tú (*)	Phải thu về cho vay	500.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Tuệ (*)	Phải thu về cho vay	500.000.000	-
TỔNG CỘNG		1.000.000.000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)			
Công ty Cổ phần Netnam	Mua hàng hóa và dịch vụ	858.670.332	424.869.200
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	271.370.000
TỔNG CỘNG		858.670.332	696.239.200
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)			
Công ty Cổ phần Netnam	Ứng trước tiền mua dịch vụ	-	7.620.296
TỔNG CỘNG		-	7.620.296
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 19)			
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Mua hàng hóa và dịch vụ	357.654.960	357.654.960
TỔNG CỘNG		357.654.960	357.654.960

(*) Đây là các khoản cho vay tín chấp, có kỳ hạn trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 26 tháng 11 năm 2027 và chịu lãi suất từ 3%/năm đến 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát của Công ty:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch HĐQT/ Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	1.194.517.686	1.152.483.992
Ông Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT	305.154.270	228.571.496
Ông Kwon Oh Soo	Thành viên HĐQT	229.836.180	39.600.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	305.154.270	303.257.245
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	305.154.270	303.257.245
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	305.154.270	303.257.245
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	305.154.270	303.257.245
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	305.154.270	303.257.245
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	305.154.270	303.257.245
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 7 năm 2024	75.318.090	263.657.245
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao Tập đoàn/ Tổng Giám Đốc Tập đoàn	669.571.429	991.380.953
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn/ Giám đốc quản trị tập đoàn đến ngày	618.000.000	607.047.619
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn/Giám đốc tài chính	1.344.780.696	1.274.163.552
Bà Mai Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	827.875.678	588.929.546
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	1.108.994.597	1.062.747.656
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	141.594.597	157.409.561
TỔNG CỘNG		8.346.568.843	8.185.535.090

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	413.001.464.165	348.640.556.012
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng HĐQT, BKS (*)	-	(38.703.606.271)
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (*)	-	(23.110.271.191)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	413.001.464.165	286.826.678.550
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	232.747.109	232.409.795
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	232.747.109	232.409.795
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.774	1.234
- Lãi suy giảm	1.774	1.234

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích các quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ phát triển khoa học công nghệ từ lợi nhuận để lại của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 căn cứ theo phương án phân phối lợi nhuận được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Công ty mẹ và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 chưa được điều chỉnh do Công ty chưa trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 cũng đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2025/NQ ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Lĩnh vực công nghệ, giải pháp và dịch vụ phần mềm: bao gồm hoạt động sản xuất, mua bán và cho thuê thiết bị phục vụ ngành điện tử, tin học; dịch vụ tích hợp hệ thống, cung cấp giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin; gia công và xuất khẩu phần mềm cho nước ngoài...
- ▶ Lĩnh vực hạ tầng số: bao gồm các dịch vụ viễn thông; kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị viễn thông; và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nền internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định...
- ▶ Các dịch vụ khác bao gồm cho thuê văn phòng và dịch vụ giáo dục, đào tạo...

Ban Điều hành cũng xác định hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực công nghệ, giải pháp và dịch vụ phần mềm	Lĩnh vực hạ tầng số	Các dịch vụ khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.007.809.806.374	3.385.891.885.046	167.084.469.828	- 9.560.786.161.248
Doanh thu giữa các bộ phận	172.190.914.982	35.065.986.115	289.938.311.686	(497.195.212.783) -
Tổng doanh thu thuần theo bộ phận	6.180.000.721.356	3.420.957.871.161	457.022.781.514	(497.195.212.783) 9.560.786.161.248
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	252.790.881.947	294.383.183.418	48.144.389.385	(40.987.532.980) 554.330.921.770
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				57.568.528.556
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	278.044.396.072	316.389.700.113	333.055.689.693	(315.590.335.552) 611.899.450.326
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(37.003.103.204)	(63.066.551.342)	(12.642.512.563)	- (112.712.167.110)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	-	-	(642.905.511)	18.288.945.468 17.646.039.957
Lợi nhuận thuần sau thuế	241.041.292.868	253.323.148.771	319.770.271.618	(297.301.390.084) 516.833.323.173
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026				
Tài sản và công nợ phải trả				
Tài sản bộ phận	1.822.781.540.873	3.036.776.562.527	2.479.145.479.543	- 7.338.703.582.943
Tài sản không phân bổ (ii)				3.113.226.957.208
Tổng tài sản				10.451.930.540.151
Nợ phải trả bộ phận	1.123.851.100.740	1.380.929.023.507	242.394.652.734	- 2.747.174.776.981
Nợ phải trả không phân bổ (iii)				3.617.379.981.330
Tổng công nợ				6.364.554.758.311

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực công nghệ, giải pháp và dịch vụ phần mềm	Lĩnh vực hạ tầng số	Các dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.162.459.064.230	2.902.508.079.593	137.675.162.497	-	8.202.642.306.320
Doanh thu giữa các bộ phận	135.439.320.563	14.162.213.988	178.308.523.128	(327.910.057.679)	-
Tổng doanh thu thuần theo bộ phận	5.297.898.384.793	2.916.670.293.581	315.983.685.625	(327.910.057.679)	8.202.642.306.320
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	228.621.560.278	293.944.021.547	41.750.023.174	33.307.918.882	597.623.523.881
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					(96.078.594.776)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	228.621.560.278	293.944.021.547	41.750.023.174	(62.770.675.894)	501.544.929.105
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.423.124.712)	(51.287.825.045)	-	-	(75.710.949.757)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	-	-	(642.905.511)	1.893.618.010	1.250.712.499
Lợi nhuận thuần sau thuế	204.198.435.566	242.656.196.502	41.107.117.663	(60.877.057.884)	427.084.691.847
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025					
Tài sản và công nợ phải trả					
Tài sản bộ phận	1.731.691.334.133	2.587.825.118.389	1.991.817.863.028	-	6.311.334.315.550
Tài sản không phân bổ (ii)					1.365.720.636.161
Tổng tài sản					7.677.054.951.711
Nợ phải trả bộ phận	1.006.687.973.554	1.097.822.058.166	620.273.354.782	-	2.724.783.386.502
Nợ phải trả không phân bổ (iii)					1.274.755.900.045
Tổng công nợ					3.999.539.286.547

(i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và thu nhập, chi phí khác, phần lãi trong công ty liên kết.

(ii) Tài sản không phân bổ bao gồm các khoản đầu tư tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và lợi thế thương mại.

(iii) Nợ phải trả không phân bổ là quỹ phát triển khoa học và công nghệ, các khoản vay, thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 1.022 tỷ VND liên quan đến việc thực hiện Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" và Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM".

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	38.127.884.724	48.336.975.857
Từ 1 năm – 5 năm	29.557.285.564	37.788.239.100
Trên 5 năm	9.100.000.000	742.581.818
TỔNG CỘNG	76.785.170.288	86.867.796.775

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	33.696.365.105	18.039.321.695
Từ 1 năm – 5 năm	110.984.946.778	81.560.750.693
Trên 5 năm	271.082.869.619	308.064.044.948
TỔNG CỘNG	415.764.181.502	407.664.117.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

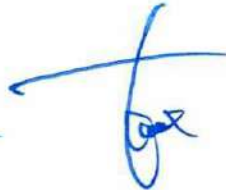
37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 6 năm 2026



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn